Số 92/ 1.2000 ISSN 1164-

F O R U M

ảnh Tébé

mục lục

2 Bạn đọc và *Diễn Đàn*

thời sự & những vấn đề

1 Thất bại của hội nghị Seattle — Nguyễn Quang
5 Tin
13 CHND Trung Hoa 50 tuổi — Ngô Vĩnh Long
15 Nghĩ lúc giao thừa thiên kỉ — Vịnh Khai

tài liệu đặc biệt

18 Hồi kí về Tuân Nguyễn — Phùng Quán

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

23 Thơ Ngải Thanh và M. Alexandre — Diễm Châu
24 Tương lai đô thị Hội An — Văn Ngọc
27 Đọc *Chiều chiều* — Thụ Nguyễn
29 Hải nữ (*truyện ngắn*) — Miêng
31 điểm sách, điểm phim — Kiến Văn

Nguyễn Quang

Sự cố Y2K của TTT/WTO/OMC : *thất bại ở Seattle*

Người ta đã tưởng rằng " vòng đàm phán thiên kỉ " (Millenium Round) sẽ dẫn tới một sự phân chia thiên hạ về mặt thương mại như Hội nghị Yalta cách đây hơn nửa thế kỉ đã phân chia thế giới sau Thế chiến lần thứ hai. Ngờ đâu Seattle đã trở thành một thứ Đại nhạc hội Woodstock muôn màu muôn vẻ chống lại toàn cầu hoá. Hội nghị thượng đỉnh của Tổ chức Thương mại Thế giới (tên tắt tiếng Anh là WTO, tiếng Pháp là OMC, trong bài này, từ đây chúng tôi sẽ viết tắt là TTT) họp tại thủ phủ của hai đại công ti Boeing và Microsoft từ ngày 30.11 đến ngày 3.12 đã hoàn toàn thất bại, đại biểu của 135 nước thành viên không đi tới một thoả thuận nào, thậm chí cả chương trình nghị sự cũng không thông qua được. Trong khi đó, một hội nghị " phản " thượng đỉnh đã được tiến hành cũng tại Seattle, tập hợp gần 1200 tổ chức phi chính quyền (thuộc 20 nước) : dưới sự chứng kiến của media toàn cầu, các cuộc hội thảo, thảo luận, mít tinh nối tiếp nhau, dẫn tới đỉnh cao là cuộc biểu tình của hơn 50 000 người (cuộc biểu tình lớn nhất ở Seattle từ sau chiến tranh Việt Nam). Có lẽ một Quốc tế mới, " *Quốc tế của các công dân* ", đã ra đời, nhằm ngăn chặn những kĩ trị và kinh (tế) trị tiếp tục quyết định những việc can hệ tới thế giới trong vòng bí mật của những cuộc họp kín.

Từ Marrakech đến Seattle

Đối tượng của vòng đàm phán ở Seattle là gì ? Cũng nên nhắc qua vòng đàm phán trước : vòng đàm phán Uruguay được tiến hành dưới sự chủ trì của GATT (Hiệp ước chung về Thương mãi và Quan thuế), một thứ Câu lạc bộ của mấy cường quốc thương mại. Khởi đầu từ năm 1986 trong hậu trường của hội nghị Punta Del Este để bàn những vấn đề rất kĩ thuật như giá biểu quan thuế, vòng đàm phán này đã được dư luận lưu tâm khi xảy ra những cuộc tranh chấp mạnh mẽ về nông nghiệp và sản phẩm nghe-nhìn (cuộc họp năm 1992 ở Blair House) ; cuối cùng đã đi tới một thoả hiệp kí kết năm 1994 tại Marrakech. Một trong những điều khoản của hiệp ước Marrakech là thay thế GATT bằng TTT, một tổ chức quốc tế có nhiệm vụ giám sát việc thực thi những qui tắc thương mại, và kèm theo TTT, là CGT, một Cơ quan Giải quyết Tranh chấp mà các nước thành viên phải tuân thủ các phán quyết của cơ quan này. Cũng tại Marrakech, các nước phó hội đã hẹn gặp lại nhau vào buổi chiều hôm trước của

(xem tiếp trang 11)

Bạn đọc và Diễn Đàn

Thế kỷ 21 bắt đầu năm nao ?

Thế kỷ là quãng thời gian 100 năm (100 lần trái đất quay quanh mặt trời), điều đó không ai chối cãi, bởi đơn giản, nó là một định nghĩa ! Nhưng thế kỷ 21 bắt đầu vào năm 2000 hay 2001 thì có tranh cãi. Đọc trên báo chí Pháp, thi thoảng người ta lại thấy một lá thư độc giả phản đối các phương tiện truyền thông làm rùm beng về ngày chuyển thế kỷ 1.1.2000, trong khi, theo họ, phải đợi đến 1.1.2001 mới đúng, '*vì không có năm số không*'. Đúng là, lịch hiện đại được cả thế giới sử dụng trong giao dịch hiện nay đã được đánh số từ năm 1, tức là năm chúa Giê-su ra đời, và nếu như những tính toán của nhà thờ Rô-ma là đúng thì ngày 25.12 năm 2000 chỉ mới là ngày kỷ niệm sinh nhật thứ... 1999 của chúa. Thực ra, tới năm 532 Rô-ma mới quyết định đánh số năm tính từ 1 là năm chúa sinh (thời ấy, châu Âu chưa biết tới con số không), và chọn ngày 25.12 (theo lịch Julien) làm ngày sinh của chúa, dựa theo quyết định của giáo hoàng Jules thứ nhất năm 337. Xa xôi (từ Nazareth tới Rô-ma) ở vào thời ấy, người ta có thể đặt câu hỏi về tính chính xác của việc định ngày sinh nhật ấy. Mãi đến cuối thế kỷ 16, tức hơn 1000 năm sau, từ năm giáo hoàng Grégoire XIII cải cách lịch Julien, cách đánh số năm này mới dần dần được các nước châu Âu công nhận. Quá trình công nhận cũng kéo dài hơn một thế kỷ riêng ở châu Âu, và sang đến thế kỷ 20, nhờ sức mạnh kinh tế áp đặt, nó mới dần dần được cả thế giới chấp thuận dùng trong giao dịch và trong các giấy tờ chính thức.

Song dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là cả thế giới đã ngả theo Ky-tô giáo và lại càng không có nghĩa là '*không có năm số không*'. Trước khi Giê-su ra đời, thế giới không là thời kỳ hỗn mang vô định ! Không những thế, ở nhiều nơi loài người đã xây dựng được một cuộc sống phong phú, với một nền văn hoá rực rỡ. Việc các sử gia châu Âu thời Trung cổ gọi năm trước năm 1 là '*năm 1 trước Giê-su*' (theo tiếng Anh : '*year 1 B.C.*') thay vì năm 0, năm trước đó nữa là '*năm 2 trước Giê-su*' thay vì năm -1, v.v... có thể hiểu được. Ngày nay, tiếp tục cách viết sử đó chỉ là vun dưỡng một thứ chủ nghĩa trung tâm Ky-tô (Christiano-centrism) thiết tưởng đã quá lỗi thời, cộng với sự kéo dài một thái độ cực kỳ bảo thủ, không chịu thừa nhận một tiến bộ của khoa học đã đi vào đại chúng (việc sử dụng số không cũng như các số âm).

Bước vào năm thứ nhất của thế kỷ 21 theo lịch hiện đại, tưởng không thừa khi nêu yêu cầu sửa đổi cách viết nói trên trong các sách sử.

Phạm B.Đ. (*Bordeaux*, Pháp)

Tản mạn Y2K, Bill Gates và Linux...

Anh Hàn Thuỷ thân mến,

Trong số báo *Diễn Đàn* 91, đọc bài " Y2K " của anh càng quí mến sự hiểu biết và tinh thần trách nhiệm của anh, xin cùng

Tin buồn

Chúng tôi được tin

cụ ông **Hoàng Kim Thi**

đã từ trần ngày 12 tháng 12 năm 1999, thọ 88 tuổi. Lễ hoả táng đã cử hành ngày 17.12 tại Mont-Valérien (Nanterre, Pháp).

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng tang quyến.

Compagnie EA SOLA

11, rue Gît-le-Coeur, F-75006 PARIS
Tel : 33 (0)1 56 24 32 42, Fax : 33 (0)1 56 24 32 43
E-mail : easola@cybercable.fr

trình diễn vở múa mới

Voilà voilà

mùa xuân 2000 :

HONGKONG, *Trung Quốc* (HK Arts Festival) :
6-7 tháng 3
LISBOA, *Portugal* (Culturgest) :
14-15 tháng 4
BRUGES, *Bỉ* (Cultuur Centrum) :
4 tháng 5
UTRECHT, *Hà Lan* (Stadsschowburg) :
11 tháng 5
ECHIROLLES, *Pháp* (La Rampe/Le Cargo hors les Murs) :
23 tháng 5

Trong vở múa này, Nguyễn Thuỷ Ea Sola sử dụng 3 dòng nhạc Việt Nam (chèo, ca trù và tuồng), phối hợp với tiếng nhạc hiện đại của đàn cello.

Phim Việt Nam trên màn ảnh Pháp

Trong tháng 1.2000, hai phim Việt Nam sẽ được trình chiếu ở Pháp :

bắt đầu từ ngày **12.1.2000**

ba mùa / three seasons / trois saisons

phim của **Tony Bùi** (nói tiếng Việt, tiếng Anh, phụ đề tiếng Pháp), 3 giải thưởng ở *Sundance Festival 1999* : giải lớn của ban giám khảo, giải của công chúng và giải quay phim ; tham dự liên hoan Berlin 1999 và giải Oscar 2000.

bắt đầu từ ngày **26.1.2000**

chung cư / l'immeuble

phim của **Việt Linh** (nói tiếng Việt, phụ đề tiếng Pháp), giải của Ban giám khảo tại Liên hoan Phim Quốc gia (Huế, 3.99) giải đạo diễn của ACCT tại Liên hoan phim Namur (Bỉ, 9.99) đã tham dự các liên hoan điện ảnh Moscou, Montréal, Arcadie, Fukuoka, Pusan, Tokyo, Mar Del Plata, Nantes, Châu Á - Thái Bình Dương (Bangkok).

chia sẻ trong tinh thần của người đồng nghiệp nhận xét sau : "*... Thiệt hại, nói cho cùng, là những điều không làm được trong các ngành khác, chỉ vì sự thiển cận của các lãnh đạo kinh tế và của ngành công nghệ thông tin nói chung*." Ngoài ra không có điểm gì cần tranh luận, mà xin trao đổi với anh một ý khác : vấn đề sao chép bất hợp pháp phần mềm ở VN nói riêng và vấn đề bản quyền nói chung.

Là người Việt sống ở nước ngoài, trong câu chuyện hàng ngày với đồng nghiệp tôi cảm thấy " hơi bị " khó chịu khi họ đề cập đến con số hơn 90 % phần mềm lưu hành ở VN là sao chép bất hợp pháp. Quan trọng hơn tự ái cá nhân của tôi là uy tín của doanh nhân VN, sự lép vế ở các thương thuyết kinh tế quốc tế, nguồn sống của người sản xuất phần mềm ở VN, và cuối cùng là tinh thần khoa học, sự tôn trọng hiểu biết, tìm tòi của người khác trong các thế hệ VN hiện tại và tương lai.

Một thí dụ để minh hoạ. Tôi đã tò mò qua mạng vào một trang thảo luận ở VN, hết sức ngạc nhiên và xấu hổ thấy họ bàn tán, xin nhau *crack* (bẻ khoá ?) của cả phần mềm VietKey của Đặng Minh Tuấn khi chính tác giả cũng tham gia trong mục diễn đàn này. Xin nói rõ là với ấn bản " không ghi danh " (*unregistred version*) phần mềm này được sử dụng miễn phí với đầy đủ chức năng. Họ bàn tán công khai, xem thường tác quyền và tác giả chỉ vì lý do muốn có dòng chữ " ghi danh " khi dùng mà thôi. Đáng chú ý là tác giả cũng chẳng lên tiếng : quá quen và nếu có lên tiếng chắc cũng không ích lợi gì ? Tôi

Lịch trình tấu của Nguyên Lê

Lịch lưu diễn của Nguyên Lê và các ban nhạc Jazz quen thuộc đã đầy cho tới tháng 8 (với một Jazz Festival dự tính ở Hà Nội). Dưới đây là những buổi trình diễn trong tháng 1 và 2 năm 2000 :

Ngày **28.1** tại quán Duc des Lombards (**Paris**), cùng với ***Peter Erskine*** và ***M. Benita***.

Ngày **11.2** tại **Wels** (Áo) với ***Linley Marthe*** và ***Laurent Robin***.

Ngày **24.2** tại **Nice** (Forum Nice Nord, 10 Bd Comte de Falicon) với ***Hương Thanh*** : Trăng & Gió (Moon & Wind)

Ngày 26.2 tại **Sifour** với ban « ***Maghreb & Friends*** »

DIỄN ĐÀN FORUM

—

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).
Kèm theo đây là ngân phiếu ..... FF
Giá mua 1 năm báo (11 số) :
Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro).
Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYÊN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gởi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYÊN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N□ 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

rất muốn được biết quan điểm của người VN và các người trong ngành công nghệ thông tin (CNTT) trong và ngoài nước về việc này.

Nhân đây xin nêu ra vài điểm để tránh hiểu lầm nếu có qua thí dụ trên. Các điều kiện khung sau theo tôi cần chú ý :

Sự độc quyền của Microsoft (MS) trong thị trường phần mềm PC

Đa số người sử dụng máy tính cá nhân ở VN và nhiều nước khác, ở nhà, ở công sở, hiện nay (vì thiếu thông tin) hầu như không có sự lựa chọn nào khác ngoài các phần mềm của MS : từ hệ điều hành, phần mềm văn phòng (office), môi trường lập trình... cho đến các ứng dụng mạng. MS một mặt khuyến cáo về việc sao chép bất hợp pháp, mặt khác không quan tâm lắm các phương pháp bảo vệ – tuy các văn bản tạo ra bởi phần mềm MS đều có chứa các thông tin về bản quyền, phòng khi họ cần đặt vấn đề – vì họ cũng muốn được sử dụng rộng rãi để tiếp tục độc quyền. Họ có nhiều cách để biến sản phẩm MS thành một loại gần như chuẩn : bán kèm với máy, cho không, thay đổi ấn bản nhưng không tương thích lẫn nhau, nhất là không tương thích với các nhà sản xuất phần mềm khác, cấp chứng chỉ MS cho những ai học công nghệ của mình và biến nó thành một giá trị đòi hỏi trong thị trường tìm việc làm... Một thứ " tôn giáo " MS có thánh thất, giáo chủ ở Richmond, có các tín đồ trung thành và cả tín đồ được " rửa tội " hoàn toàn không tự nguyện.

Trong nền kinh tế toàn cầu hoá hiện nay, MS được rao giảng đến các nước ít thông tin do hoàn cảnh kinh tế chậm tiến như một lời giải duy nhất. Rồi đến lượt mình, người tiêu thụ do thói quen, do thiếu hiểu biết hoặc thiếu can đảm nghĩ khác, vì lợi nhuận hoặc ngại bơi ngược dòng và cả do hoàn cảnh o ép, trong trách nhiệm, vị trí của mình... đã biến máy vi tính, CNTT và tin học thành đồng nghĩa với công nghệ MS.

Sự chênh lệnh giữa giá bán và điều kiện của người mua

Đây là một thực trạng kinh tế hết sức khắc nghiệt mà các nước chậm tiến phải đương đầu và là nguyên nhân sâu xa của tình trạng sao chép bất hợp pháp. Một mặt chính người lao động ở các nước nghèo góp phần làm giảm giá thành sản phẩm do đồng lương thấp của mình, mặt khác mức thu nhập của họ không đủ để mua vào các công cụ nhằm tự sản xuất để cạnh tranh ngay cả khi họ nắm được kiến thức. Số phận họ càng nghiệt ngã hơn trước bệnh tật. Vừa qua nhân ngày thế giới chống bệnh AIDS (SIDA) (1.12.1999), một phóng sự của đài truyền hình Thuỵ Sĩ đã cho biết : một bệnh nhân AIDS ở Thụy Sĩ sẽ sống thêm được năm năm so với người đồng bệnh ở Thái Lan, do giá thuốc quá cao (lý do bảo vệ bản quyền và lợi nhuận ?). Tiếc thay thuốc tây không sao chép được dễ dàng.

Nêu lên các điều trên tôi không nhằm bảo vệ, biện minh cho tình trạng sao chép, xem thường bản quyền, tác quyền nhưng chỉ nhằm nói lên thực trạng bất bình đẳng và những điều kiện khung tác động đến vấn đề. Tôi nghĩ không thể nhân danh công lý, đạo lý một chiều để giải quyết thực trạng, và cũng không tin hiệu quả của những giải pháp hành chánh hay trừng phạt (luật nghiêm cấm, tịch thu, bao vây kinh tế...) mà kết quả nếu có chỉ là tạm thời và càng đào thêm hố sâu bất bình đẳng.

Đề nghị phá bỏ các điều kiện khung từ các cơ sở nghiên cứu

Trong khung cảnh nhỏ hơn, việc sao chép phần mềm, thiết nghĩ nên tìm cách phá bỏ điều kiện khung này, nhất là khi đã có những lời giải khác.

Từ lâu ở các đại học của các nước phát triển, do nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu họ luôn luôn có các phần mềm độc lập hoặc tương đối độc lập với các nhà cung cấp. Phần lớn các phát minh, thay đổi kỹ thuật lớn thường từ các trung tâm này. Ngày nay các nguồn tự do (free sources) của các phần mềm cơ bản như hệ điều hành (Linux), các ứng dụng văn phòng (Star-Office)... đều có thể có với một giá rẻ. Từ cơ hội này từ các đại học của chúng ta có thể phổ biến rộng rãi đến người xử dụng, phát triển cho mình các ứng dụng đặc thù mà không sợ chạm đến bản quyền, như thế hy vọng số phần trăm sao chép bất hợp pháp sẽ giảm xuống trông thấy.

Điều này sẽ tích cực thay đổi cảnh quang CNTT của chúng ta, thay đổi cái nhìn của bản thân chúng ta và của người khác về chúng ta, đồng thời tạo ra khung cảnh mới cho việc sáng tạo, cạnh tranh lành mạnh, khung pháp lý mới để tôn trọng bản quyền của ta và của người khác.

Liệu điều này có là giấc mơ quá lớn không cho năm 2000 ?

H.V.Tiến (*Genève*, Thuỵ Sĩ)

Cám ơn lời cảnh báo của anh và hoàn toàn đồng ý với anh về những nhận định trên. Có thể là việc sử dụng ('chùa' hay không thì cũng vậy) *rộng rãi và độc nhất* phần mềm của MS cũng là một sai lầm loại Y2K, tưởng là nhỏ bé, nhưng tương lai có khi là phải trả giá rất đắt. Nhưng cũng xin thông tin để cùng anh tiếp tục giấc mơ cho năm 2000 với thêm một chút hy vọng : theo chỗ chúng tôi biết, một số đồng nghiệp tin học ở trong nước đang rất quan tâm đến phong trào Linux và 'freeware'. Dĩ nhiên như vậy không có nghĩa là không cần báo động càng nhiều càng tốt.

H.T.

nhắn tin

Ông Trần Văn Huê (80 tuổi, ở Thành phố Hồ Chí Minh) muốn liên lạc với bạn tên là Michel Huỳnh, có vợ là Marie và có bà con với Huỳnh Quan Tiêng. Xin liên lạc hay cho biết tin tức qua trung gian của báo *Diễn Đàn*, BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp).

Hồng hồng Toulouse

Số báo đầu tiên của năm 2000 này được lên khuôn ở Toulouse, Thành phố Hồng, nhờ sự hiếu khách nồng hậu của một số gia đình bạn đọc Diễn Đàn. Trong những ngày miền bắc nước Pháp chìm trong gió bão, chúng tôi đã được sống trong không khí ấm cúng tận tình, thưởng thức những đặc sản của nghệ thuật ẩm thực vùng tây-nam nổi tiếng.

Rượu ngon có thể gây ra vài sai sót trong số báo, nhưng không thể làm chúng tôi quên những ý kiến phê bình xây dựng. Và nhớ mãi tình cảm quý báu của tất cả bạn bè Thành phố Hồng.

Tin Tức

Kinh tế : kết quả ước tính năm 1999 và mục tiêu năm 2000

Kỳ họp tháng 11, quốc hội đã nghe thủ tướng Phan Văn Khải tường trình về hiện tình kinh tế năm 1999 và xác định mục tiêu của chính phủ cho năm 2000 là : " *chặn đà giảm sút nhịp độ tăng trưởng, phát triển kinh tế với tốc độ cao hơn năm 1999 ; nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế theo kịp tiến trình hội nhập quốc tế* ". Để đạt mục tiêu này chính phủ đề ra sáu giải pháp lớn : 1) Tạo thuận lợi và hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi tầng lớp nhân dân, mọi loại hình doanh nghiệp ; 2) Khai thông thị trường và chủ động hội nhập quốc tế ; 3) Khuyến khích nhân dân đưa vốn nhàn rỗi vào sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả đầu tư ; 4) Cải tổ hệ thống ngân hàng và giải quyết nợ quá hạn đang gây ách tắc trong hệ thống tín dung ; 5) Giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc ; 6) Cải tiến hiệu lực điều hành của chính phủ và hệ thống hành chính.

Thủ tướng nhấn mạnh " *nhiệm vụ hàng đầu của bộ máy chính quyền các cấp, các ngành là phải tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho dân thực hiện quyền tự do kinh doanh theo pháp luật, một quyền cơ bản của công dân đã được xác định trong hiến pháp* ". Ông Khải cũng khẳng định rằng những giải pháp của chính phủ đưa ra chỉ mang tính khả thi nếu có được sự đồng lòng của xã hội, nhằm xoá bỏ phân biệt đối xử với kinh tế tư doanh trong giới quan chức và giải toả tâm lý e ngại đầu tư kinh doanh trong người dân.

Giải thích thái độ chần chờ của đảng cầm quyền trong hội nhập kinh tế quốc tế, thủ tướng nói : "... (mặc dù có chủ trương hội nhập theo lịch trình đã cam kết nhưng) *trong sự chỉ đạo, điều hành của chính phủ và các cấp chính quyền cũng như trong hoạt động của các doanh nghiệp và phần nào trong dư luận xã hội, xu hướng bảo hộ và đòi hỏi bảo hộ quá mức có phần mạnh hơn quyết tâm phấn đấu nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế* ". Trong điều kiện đó, việc ký kết hiệp định thương mại Việt-Mỹ có xảy ra trong năm 2000 hay không là điều vẫn còn nhiều bất trắc. Nhận xét rằng thoả thuận thương mại vừa ký kết với Hoa Kỳ cho phép Trung Quốc mở rộng thị trường và thu hút thêm vốn đầu tư, ông Khải nhập nhằng nói : " *Việt Nam cũng sẽ ký hiệp định với Mỹ. Chỉ có điều là bước đi tuỳ thuộc vào điều kiện mỗi nước, lộ trình sẽ dài hơn...* "

Kinh tế, chỉ tiêu và thực hiện

Bản báo cáo về kinh tế Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố tháng 12 ở Hà Nội đưa ra những ước tính cho năm 1999 thấp hơn số liệu của chính phủ Việt Nam (xem bảng dưới đây). Theo WB, tổng thu nhập của Việt Nam (GDP) tăng 4% (xấp xỉ năm 1998) ; nông nghiệp tăng 5 % (1998 : 2,8%) ; công nghiệp tăng 5,7% (1998 : 7%) ; dịch vụ tăng 1,6% (1998 : 2%) ; xuất khẩu tăng 14% (1998 : 2%) ; đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 600 triệu USD (1998 : 800 triệu USD). Cho năm 2000, Ngân hàng Thế giới nhận định rằng nền kinh tế Việt Nam có thể hưởng lợi từ sự hồi phục kinh tế ở Đông Á, song chính quyền Việt Nam vẫn chưa thực hiện những thay đổi chính sách cần thiết để biến điều đó thành hiện thực. (Thanh Niên 19.11 ; Tuổi Trẻ 27.11, 9 và 11.12 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 18 và 25.11.99)

Kinh tế tư doanh : xoá bỏ phân biệt đối xử ?

Tóm lược trước quốc hội mâu thuẫn chính yếu của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, thủ tướng Phan Văn Khải cho rằng : " *nhìn chung, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước còn thấp và tiếp tục giảm sút* ", nhưng " *các thành phần dân doanh, nhất là kinh tế tư nhân, trong thực tế còn bị kỳ thị, phân biệt đối xử, nên chưa giải toả được tâm lý e ngại đầu tư kinh doanh làm giàu* ". Xoá bỏ kỳ thị trong kinh tế, theo ông Khải, là 'giải pháp đột phá' trước tình hình bế tắc hiện nay : " *Đột phá lớn nhất hiện nay là làm sao tạo ra không khí mới, năng động, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người dân làm ăn* ". Chính phủ ông Khải cam kết sẽ xoá bỏ 'dần' tình trạng này bằng các thể chế, chính sách mới về thủ tục lập doanh nghiệp, cấp tín dụng đầu tư, nộp thuế, thuê đất đai, kinh doanh xuất khẩu, cải tiến công nghệ...

Khu vực kinh tế tư doanh hiện tại gồm có 26 nghìn doanh nghiệp tư nhân, 7 nghìn công ty, 15 nghìn hợp tác xã, 130 nghìn tổ hợp tác, 100 nghìn trang trại, 10 triệu hộ nông dân và 3 triệu hộ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Trong năm 1999, khu vực này đã tạo ra 50% tổng sản phẩm quốc nội. Theo Công ty tài chính quốc tế IFC, kinh tế Việt Nam trong năm năm qua có tạo ra 5 triệu việc làm mới và hầu hết là từ khu vực tư doanh. Tốc độ tăng trưởng của khu vực quốc doanh

	Chỉ tiêu 1999	ước tính thực hiện 1999	chỉ tiêu 2000
Tăng trưởng GDP (%) :	5 — 6	4,7-5	5,5-6
Tăng trưởng nông nghiệp (%) :	3,5 — 4	5,2-5,5	3,5-4
Tăng trưởng công nghiệp (%) :	10 — 11	10,3-10,5	10,5-11
Tăng trưởng dịch vụ (%) :	4 — 5	3,5-3,8	4,5-5
Kim ngạch xuất khẩu (tỉ USD) :	10	10,7	12
Lạm phát (%) :	dưới 10	2	6
Bội chi ngân sách (% GDP) :	3,5	5	5

giảm liên tục từ 11,7% năm 1995 xuống còn 5,5% năm 1998. Song khu vực tư doanh hiện nay cũng chỉ tăng trưởng có 7,6% so với 10,2% trước đây.

Thủ tướng Phan Văn Khải đã đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (có vốn điều lệ dưới 5 tỉ đồng và số lao động dưới 200 người) và các hộ kinh doanh cá thể : " *Cần đặc biệt trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể là loại hình kinh tế chiếm số đông trong dân cư, hoạt động khắp nơi, tạo ra nhiều việc làm trong xã hội, có nhiều khả năng kinh doanh năng động và có hiệu quả* ". Được biết rằng, chỉ riêng các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang thu hút khoảng 25-26% lực lượng lao động phi nông nghiệp cả nước và đóng góp khoảng 24-25% tổng sản phẩm quốc nội. (Thanh Niên 19.11 ; Tuổi Trẻ 27.11 và 14.12 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 25.11 ; Lao Động 25.11.99)

Doanh nghiệp nhà nước : xoá bỏ độc quyền ?

Trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay, nhiều ngành sản xuất, kinh doanh đã hình thành nên doanh nghiệp độc quyền nhà nước : điện, nước, bưu chính viễn thông, cảng biển... Một hội thảo do ban vật giá của chính phủ tổ chức mới đây thừa nhận rằng nhà nước không kiểm soát nổi giá của những doanh nghiệp này. Trong ngành bưu chính viễn thông, chính phủ quản lý giá bán các dịch vụ nhưng vì không kiểm soát được chi phí sản xuất cho nên quản lý cũng chỉ là 'giá vẽ'. Còn trong ngành điện, có người nói rằng giá điện hạch toán có lãi, cũng có người cho rằng đó là giá bao cấp : " *nói thế nào cũng được, do không ai nắm rõ chi phí thực tế của ngành điện là bao nhiêu* ".

Điều mà các chuyên gia của chính phủ đều nhấn mạnh là hầu hết các doanh nghiệp độc quyền nhà nước không xuất phát từ ưu thế trên thị trường cạnh tranh, mà được tạo ra từ chính sách của nhà nước. Các liên minh độc quyền đã hình thành một cách có tổ chức dưới tên gọi tổng công ty, thống lĩnh thị trường và khống chế giá cả để thu lợi nhuận cao. Trong cơ chế hiện nay, quyền lợi của các ban lãnh đạo công ty quốc doanh đưa họ đến " *lạm dụng vị thế độc quyền để nâng giá hoặc giảm chất lượng nhằm theo đuổi mục tiêu ngắn hạn* " và " *làm giảm hiệu quả kinh tế và phúc lợi xã hội trên tổng thể* ". Nhìn chung, các doanh nghiệp độc quyền ở Việt Nam không thể hiện được tính ưu việt của sản xuất quy mô lớn, mà còn bị thua kém so với những doanh nghiệp khác. Trong khi các doanh nghiệp tư nhân, vừa nhỏ bé, vừa không được khuyến khích, lại hoạt động có hiệu quả hơn, những doanh nghiệp độc quyền trở nên một gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Phát biểu trước quốc hội, thủ tướng Phan Văn Khải khẳng định chủ trương giảm độc quyền kinh doanh của một số tổng công ty. Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho biết chính phủ sẽ phân loại lĩnh vực nào nhà nước giữ độc quyền, lĩnh vực nào thì mở ra cho tư nhân. Và ngay cả trong những ngành nhà nước độc quyền thì cũng không phải có một doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn mà sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước canh tranh với nhau : đó sẽ là trường hợp của các ngành điện lực hay bưu chính viễn thông. Sắp tới, tổng công ty Điện sẽ mất độc quyền sản xuất điện sau khi chính phủ thông qua đề án của tổng công ty Than làm nhà máy điện ở Cẩm Phả. (Lao Động 4.11 ; Tuổi Trẻ 23.11 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 25.11.99)

12 tỉ USD nợ

Trả lời câu hỏi của một đại biểu quốc hội, bộ trưởng tài chính Nguyễn Sinh Hùng cho biết tổng số nợ của Việt Nam là 12 tỉ USD, " *vẫn còn đang ở mức an toàn* ". Trong tổng số này, số nợ trong nước tương đương 1 tỉ USD. Số nợ nước ngoài gồm 7 tỉ USD, 10,4 tỉ rúp chuyển nhượng, 239 triệu rúp ghi nhớ và 175 triệu nhân dân tệ.

Theo ông Hùng, tổng số nợ nói trên ở dưới 50% so với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và nằm trong giới hạn an toàn. Song ông bày tỏ mối lo ngại nếu trong vòng 10 năm tới tốc độ tăng trưởng GDP ở dưới mức 5% thì khả năng trả nợ của quốc gia sẽ gặp khó khăn.

Riêng đối với viện trợ phát triển chính thức (ODA), Việt Nam đã ký các hiệp định hợp thức hoá 10,6 tỉ USD trong tổng số 13 tỉ USD mà các nước đã cam kết, và đã giải ngân được 6,5 tỉ USD, trong đó viện trợ không hoàn lại chiếm khoảng 15%. Khi giải ngân, các khoản ODA được chia thành hai loại : loại vốn dùng cho vay lại trực tiếp các dự án, và loại vốn được chuyển vào ngân sách nhà nước cho các dự án không tạo ra nguồn thu trực tiếp. Vừa qua, chính phủ đã quyết định thành lập một quỹ trả nợ ODA. (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 2.12.99)

Thuỷ cung hay mê cung ?

Sau quyết định của Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản kỷ luật ông Ngô Xuân Lộc, kỳ họp quốc hội tháng 11 vừa qua đã biểu quyết miễn nhiệm chức vụ phó thủ tướng của ông Lộc vì nhiều lý do, trong đó có những sai phạm trong quá trình thẩm định và trình duyệt dự án " *Thuỷ cung Thăng Long* ". Đó là tên gọi của một dự án xây dựng khu du lịch - văn hoá - thể thao - giải trí khổng lồ (diện tích tổng cộng hơn 200 nghìn m^2) bên bờ hồ Tây, Hà Nội.

Dự án này xuất hiện vào tháng 5.1996 với chủ thầu là công ty Vạn Thiện mà đứng đầu là một doanh nhân 38 tuổi, ông Lê Tân Cương. Tháng 6.1996, dự án thuỷ cung được phó chủ tịch uỷ ban nhân dân Hà Nội Đinh Hạnh ký trình lên chính phủ, song không được chấp nhận vì không có thẩm định của các bộ và ngành trung ương. Tháng 11.1997, ông Đinh Hạnh lại trình chính phủ phê duyệt một dự án xây dựng khác với tổng mức vốn đầu tư 204 tỉ đồng. Tháng 1.1998, bộ trưởng kế hoạch - đầu tư Trần Xuân Giá trình ý kiến thẩm định và đề nghị chính phủ cho phép công ty Vạn Thiện đầu tư và thuê đất trong thời gian 50 năm. Vào tháng 2, phó thủ tướng Ngô Xuân Lộc ký quyết định phê duyệt dự án thuỷ cung và đến tháng 5 phó thủ tướng Nguyễn Công Tạn ký quyết định cho thuê 206 nghìn m^2 đất và đất mặt hồ ở quận Tây Hồ.

Ngay sau đó, ông Lê Tân Cương đã rao bán đất và 400 m^2 đầu tiên đã được bán với giá 2,7 triệu đồng/m^2, tức từ 150 đến 200 lần so với giá ông Cương đền bù cho dân. Dư luận bắt đầu phản ứng và báo chí vào cuộc. Tháng 2.1999, ông Lê Tân Cương bị bắt giam, để lại một món nợ 15 tỉ đồng, 27 000 USD và 30 lượng vàng. Tháng 3, thủ tướng Phan Văn Khải thu hồi quyết định do phó thủ tướng Ngô Xuân Lộc ký một năm trước đó.

Vụ án được khởi tố điều tra và ngày càng phanh phui nhiều chuyện kỳ lạ.

Là một doanh nhân có " máu mặt " làm ăn ở Nga, ông Lê Tân Cương về nước năm 1994 và đứng đầu khách sạn Almaz, một khách sạn ở hồ Tây đã nhiều lần bị bắt quả tang kinh doanh mại dâm. Thế mà thủ đô Hà Nội lại giao cho doanh nhân đầy tai tiếng này hơn 200 nghìn m^2 đất thiêng hồ Tây để xây dựng và khai thác một công trình văn hoá gọi là tầm cỡ quốc gia. Còn về công ty Vạn Thiện của ông Cương, như báo **Tuổi Trẻ** có nêu lên : " *Thật là khó hiểu khi một công ty tư nhân không có giấy phép hành nghề xây dựng, không có bộ máy hoàn chỉnh, không có khả năng tổ chức dự án, không có vốn cũng không có phương án huy động tài chính... lại được chính phủ giao xây dựng một thuỷ cung trên 200 tỉ đồng. Cho nên không gì lạ khi ông chủ rao bán đất hồ Tây* ".

Theo những thông tin đầu tiên công bố trên báo chí, bản thẩm định của bộ kế hoạch và đầu tư về dự án thuỷ cung đã cố tình không xem xét những ý kiến nghi vấn của các bộ, ngành khác. Như công văn của bộ văn hoá - thông tin cho rằng với số vốn tự có là 4,2 tỉ đồng trên tổng số đầu tư 212 tỉ đồng, vốn của chủ đầu tư là quá ít, chỉ bằng 1,98%. Một công văn khác của bộ tài chính lưu ý dự án không có cam kết của các nhà tài trợ, cho nên không thể khẳng định tính khả thi của nguồn vốn hợp tác, liên doanh hay cho vay. Ngân hàng nhà nước nhấn mạnh kế hoạch nguồn vốn cho dự án thiếu sức thuyết phục. Còn bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thì cho rằng cần xem xét kỹ năng chuyên môn của công ty Vạn Thiện... Tuy nhiên, báo **Đầu Tư** ngày 24.11.1999 của bộ kế hoạch và đầu tư lại gây chấn động khi đăng tải ý kiến 'ủng hộ' của các bộ và ngành ngoài bộ kế hoạch - đầu tư và uỷ ban nhân dân Hà Nội. Với những tình tiết nêu trên, người dân Hà Nội càng bàng hoàng : " *lắm bộ, lắm ngành xét duyệt một dự án mà vẫn hở thì đó là mê cung chứ đâu phải thuỷ cung* ! "

Đến nay, cơ quan điều tra mới truy tố có hai quan chức bộ kế hoạch và đầu tư (trưởng vụ thẩm định và một cán bộ của vụ) và hai quan chức sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội (phó giám đốc sở và một phó phòng). Được hỏi về thuỷ cung Thăng Long, thủ tướng Phan Văn Khải cho rằng nó thể hiện " *cái hư hỏng* " và " *cái đại quan liêu* " của bộ máy mà ông đứng đầu. Nếu đúng như vậy thì dân tình thủ đô cũng như dư luận cả nước đều chờ xem kết quả xử lý tới nơi tới chốn, chứ không chỉ dừng lại ở một cấp nhân sự nào. (Tuổi Trẻ 16, 18, 25, 28.11 và Thanh Niên 19.11.99)

Người VN ở nước ngoài (tiếp theo)

Một cuộc toạ đàm tại Thành phố Hồ Chí Minh do **Thời báo Kinh tế Sài Gòn** tổ chức về chính sách mới đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã nêu lên nhiều điều chưa rõ ràng trong quyết định 210 của chính phủ (xem DĐ số 91). Về qui định cấp hộ chiếu Việt Nam, phó giám đốc sở ngoại vụ TPHCM Lương Văn Lý thú thật không hiểu rõ những người mang quốc tịch nước ngoài đến xin hộ chiếu Việt Nam có được chấp nhận hay không ? Về qui định cho người mang quốc tịch nước ngoài nhưng có công trong sự nghiệp giải phóng hay xây dựng đất nước, và có giấy xác nhận, được hưởng chế độ giá cả trong nước thì chính chủ nhiệm Uỷ ban người Việt Nam ở nước ngoài tại TPHCM Huỳnh Ngọc Ẩn nêu thắc mắc : liệu người có công có chịu đi làm thủ tục xác nhận không và liệu sự xác nhận đó có được các cơ quan khác chấp nhận hay không ?

(Lời bàn của người đánh máy : *Ông Ẩn théc méc làm chi, bởi chưng cứ nhìn nhà nước ta đối xử với những người như ông Trần Độ và nhiều người khác thì ai mà chẳng biết cái khái niệm 'có công' đây sẽ được công an áp dụng 'mềm dẻo' như thế nào.*)

Tràm Chim bị đe doạ

Công viên quốc gia Tràm Chim, thuộc tỉnh Đồng Tháp, được thành lập để bảo vệ sân chim nổi tiếng ở miền nam Nam bộ, đang bị đe doạ. Đó là lời kêu cứu được ông Trần Triết, thuộc khoa khoa học tự nhiên, đại học quốc gia TP HCM và tổ chức bảo vệ loài sếu International Crane Foundation, đưa lên mạng Internet ngày 11.12 vừa qua. Theo ông Triết, từ cuối tháng 11, Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã cho khởi công đào 6 con kinh trong hai khu A2 và A4 của Công viên, chia nhỏ các khu này thành 8. Mỗi con kinh rộng 6m, với đê rộng 10m, theo quy hoạch là nhằm chống cháy rừng tràm. Theo ông Triết, vấn đề phòng chống cháy được nêu ra thường xuyên trong các buổi họp của ban quản lý Công viên, và kế hoạch đào thêm kinh đã bị bác bỏ, vì tác dụng phòng chống cháy không hiển nhiên mà tác dụng thu hẹp mảnh đất sống của các loài chim thì lại quá rõ. Kinh đào còn là một phương tiện chuyên chở, cho phép người thường đi qua rất gần những nơi dành cho chim làm nhiễu loạn môi trường sống của nhiều loài như sếu.

Cuối năm 2000 số người mang vi khuẩn HIV sẽ lên đến 160 000

Phó giám đốc Uỷ ban AIDS toàn quốc, ông Chung A đã tuyên bố trên báo **Nhân Dân**, bệnh si-đa vẫn còn là một vấn đề nóng bỏng đầu thế kỷ tới.

Một điều tra cho thấy số người mang vi khuẩn HIV sẽ tăng lên giữa 135 000 và 160 000 vào cuối năm 2000. Trong số này khoảng 21 000 người sẽ phát bệnh si-đa, từ 10 000 đến 15 000 sẽ chết vì bệnh. Ông A cũng cho biết từ ba năm nay, trung bình mỗi ngày có 10 trường hợp mang vi khuẩn HIV được phát hiện và ba người chết vì bệnh si-đa.

Hiện uỷ ban đang đề ra một chương trình chiến lược nhằm nắm chủ động phòng chống si-đa trong giai đoạn 2000-2005, chương trình sẽ được trình lên chính phủ cuối năm. Mục tiêu là huy động toàn xã hội cũng như những tổ chức quốc tế và nước ngoài nhằm kiểm tra sự bành trướng của bệnh và đánh giá ảnh hưởng của nó về mặt kinh tế xã hội.

Trong tình hình hiện nay, cho đến ngày 28.10.1999 Việt Nam chỉ mới phát hiện được 16 193 người mang vi khuẩn HIV, trên số này 2 907 phát bệnh si-đa, 1 512 trong số này đã từ trần.

Trong những năm gần đây, Việt Nam cũng đã có những cố gắng nhằm làm chủ tình hình, huy động các ngành, các tổ chức quần chúng tham gia ngừa si-đa. Đặc biệt năm nay một chương trình thông tin giáo dục về si-đa được tiến hành trong

các xã và thành phố đã phần nào báo động dân chúng về nạn này. Song song, một số mô hình khám chuẩn bệnh và ngừa bệnh được đề ra và một số phòng khám cũng được xây dựng. (VNA 1.12.1999)

Lụt lội lần nữa ở miền Trung

Sau trận lụt lớn nhất thế kỷ chưa hết tàn phá (xem DĐ số trước), ngày 5.12 mưa bão lại một lần nữa ập vào gây lụt lội cho nhiều tỉnh miền Trung, từ Huế, Đà Nẵng xuống tới Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên. Theo những thông tin có được khi số báo này lên khuôn, số người thiệt mạng đã lên tới 115 người (trận lụt tháng trước làm cho 592 người chết). Hàng triệu đồng bào một lần nữa lâm vào cảnh màn trời chiếu đất và thiếu ăn trầm trọng. Hàng chục ngàn héc ta lúa mới gieo khi nước vừa rút sau trận lụt trước lại bị cuốn đi. Theo ước tính ban đầu, thiệt hại vật chất lên đến ít nhất 300 triệu đôla. Hàng trăm cây số đường bộ bị gián đoạn, quốc lộ số một có nhiều chỗ bị ngập dưới một thước nước. Quân đội đã được huy động để cứu trợ đồng bào bị nạn.

Sau khi tin hai trận lụt vừa được biết, một cuộc vận động rộng rãi chưa từng có đã được nhiều tổ chức và cá nhân người Việt ở nước ngoài tiến hành, thu được - theo những thông tin chưa đầy đủ mà chúng tôi có được - hàng trăm ngàn đôla, ở Mỹ, Canada... và được gửi về nước dưới nhiều hình thức.

Về phần Diễn Đàn, chúng tôi khẩn thiết kêu gọi bạn đọc và bè bạn đóng góp vào Quỹ Cứu trợ (xem khung trong trang này) nhằm giúp đồng bào khắc phục hậu quả của bão lụt.

Tỉ lệ mất rừng ở Việt Nam

Tại hội thảo giới thiệu gỗ thông xẻ Bắc Âu, tổ chức tại TPHCM trong hai ngày 18 và 19-10-99, cục trưởng Cục phát triển lâm nghiệp Nguyễn Ngọc Lung cho biết trong khi diện tích rừng tính trên đầu người ở Việt Nam chỉ có 0,12 ha/người, bằng 1/5 so với thế giới, thì tỉ lệ mất rừng của Việt Nam hàng năm lại cao gần gấp năm lần so với thế giới (khoảng 1,4%, trong khi mức bình quân của thế giới chỉ có 0,3%).

Trong 8,25 triệu ha rừng tự nhiên còn tồn tại, có đến 2/3 đã trở nên nghèo kiệt (trữ lượng gỗ bình quân dưới 100m^3/ha). Việc đóng cửa rừng nghèo trong giai đoạn 1995-2010 đã khiến các doanh nghiệp Việt Nam phải nhập khẩu từ 0,6 đến 0,8 triệu m^3 gỗ hằng năm, và nhu cầu nhập khẩu này sẽ tăng đến mức 2,2 triệu m^3 vào năm 2005. (Tuổi Trẻ, 19-10-1999)

7 cửa biển mới xuất hiện do lũ lụt

Theo báo cáo ngày 12-11-99 của UBND tỉnh Thừa Thiên, trong cơn lũ lụt từ ngày 1 đến 6-11-99, nhiều hiện tượng thuỷ văn khác thường đã xuất hiện trên địa bàn tỉnh. Lượng mưa rất lớn, kéo dài liên tục nhiều ngày, đạt gần 2.300 mm, cao nhất trong chuỗi số liệu mưa trên toàn lãnh thổ Việt Nam trong hơn 100 năm nay. Nước lên quá nhanh (vào lúc cao điểm tăng đến 1m/giờ) xảy ra tình trạng sụt đất ở nhiều nơi như A Lưới, Phú Lộc..., sạt lở rộng trên chiều dài hàng cây số bờ biển. Mưa lũ đã mở ra 2 cửa biển mới ở Hoà Duân (Phú Vang) và Vinh Hải (Phú Lộc) rộng từ 500 đến 600m, cuốn theo 100 hộ và toàn bộ nhà cửa, tài sản... Ngoài ra, nước lũ còn phá vỡ phá Tam Giang, mở ra 5 cửa biển phụ ở xã Vinh Hiền (Phú Lộc) làm chia cắt và cô lập nhiều vùng dân cư ven biển. UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế đặc biệt lưu ý về mối nguy hiểm lâu dài xuất phát từ nguy cơ thay đổi hệ sinh thái vùng đầm phá ven biển. Hơn 300.000 dân cư ngụ ở các khu vực này sẽ gặp khó khăn lớn trong đời sống, sản xuất do sự thay đổi nêu trên. (Thanh Niên, 16-11-99)

Hội An và những di tích cổ trong lũ lụt

Ngày 3-11-99, Hội An đã trở thành một ốc đảo với hơn 77 vạn dân cư đắm chìm trong cơn lũ lụt. Đỉnh lũ đã lên đến mức 3,1m ở khu phố cổ bên bờ sông Bạch Đằng, các căn nhà trệt chỉ còn một vài tấc trên đỉnh nóc nhà nhô lên khỏi mặt nước. Mặc dầu Hội An đã bảo đảm được sự an toàn về tính mạng cho người dân, song thiệt hại về tài sản sẽ lớn hơn nhiều so với năm 1998. Một vấn đề đáng quan tâm khác là các di tích kiến trúc cổ bị chìm ngập trong nước lũ.

Theo số liệu thống kê mới nhất, quần thể di tích đô thị cổ Hội An hiện có 1.310 di tích các loại, nhiều nhất là các di tích kiến trúc (1.229), với 10 loại hình công trình : đình, chùa, lăng, miếu, hội quán, nhà thờ tộc, mộ, giếng. Riêng di tích kiến trúc nhà ở có đến 1.048 căn. Trên tổng số các di tích nói trên, 55 di tích thuộc sở hữu tập thể, 263 thuộc sở hữu nhà nước, 992 thuộc sở hữu tư nhân. Hội An là một đô thị cổ, bắt đầu hình thành từ cuối thế kỷ 16, hằng năm vẫn thu hút nhiều du khách tới tham quan. Từ đầu năm nay, đã có 142.000 lượt du khách, trong đó có 56.000 lượt du khách quốc tế. Chỉ tính riêng doanh thu về bán vé đã được 3,5 tỉ đồng.

Quỹ cứu trợ bão lụt miền Trung

Để góp phần vào cố gắng khắc phục hậu quả thiên tai, *Diễn Đàn* mở quĩ cứu trợ bão lụt. Số tiền của bạn đọc và ban biên tập gom góp sẽ trực tiếp tham gia tài trợ phương án **xây dựng lại trường phổ thông cơ sở của xã Điện Dương** (huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

Trường sẽ có 4 lớp học. Chi phí dự trù cho mỗi lớp học là 40 triệu đồng Việt Nam.

Bạn đọc ở các nước thuộc **Liên hiệp châu Âu** có thể chuyển khoản (bằng FF hay Euro) vào trương mục số 30041 00001 0441614 W 020 76 của báo *Diễn Đàn*

Riêng bạn đọc tại **Pháp**, xin chuyển khoản vào CCP 4 416 14 W Paris của Diễn Đàn

Tại **Thuỵ Sĩ** : Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1

Tại **Đức** : Hrn TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : No 380 48 94 76 : blz 752 500 00)

Tại **Hoa Kỳ** : séc đề tên HOANG NGUYÊN và gửi về toà soạn ; **các nước khác** : money order bằng USD, đề tên HOANG NGUYÊN và gửi về toà soạn :

Journal DIENDAN
BP 50
92340 BOURG LA REINE (France)

Mọi ngân phiếu xin ghi chú : *quỹ cứu trợ bão lụt*.

Đầu tháng 12, UNESCO đã quyết định đưa tên Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn (quần thể di tích văn hoá Chăm ở phía Tây nam Đà Nẵng) vào danh sách những Di tích văn hoá Thế giới cần được bảo vệ. (Tuổi Trẻ, 2.11, AFP 2.12.1999)

Nhiều kho cổ thư ở Huế bị hư hại vì lũ lụt

Một kho cổ thư gồm hơn một vạn cuốn sách quí thuộc thư viện gia đình ông Hồ Tấn Phan, một nhà nghiên cứu về Huế, đã bị ngâm trong lũ lụt suốt mấy ngày đêm, hơn 8000 cuốn sách đã bị ướt trong đó gần một nửa không cứu vãn được, bởi đó là những cuốn sách Hán Nôm viết trên giấy bổi từ hai ba thế kỷ nay. Nhiều bản thảo chuẩn bị cho những công trình nghiên cứu của ông Hồ Tấn Phan cũng đã bị hư nát. Tủ sách của ông Phan Nhuận An ở từ đường Ngọc Sơn công chúa cũng bị chung một cảnh ngộ. Ngôi nhà được xem là bảo vật về nhà rường cổ của Huế đã bị ngập tới gần 2m nước. Hơn 100 bức ảnh tư liệu về Huế xưa, về kiến trúc các cung điện, đã bị ngâm trong nước bùn không thể cứu vãn được. Nhiều nơi lưu giữ sách quí hiếm khác cũng đã bị hư hại không kém : nhà giáo Châu Tăng, nhà nghiên cứu Bửu Kế, nhà thơ Phan Văn Dật, nhà văn hoá Nguyễn Hữu Nghị, ông L., nhà nhiếp ảnh Nguyễn Khoa Lợi, các nhà nghiên cứu Nguyễn Xuân Hoa và Trần Đại Vinh, ông Vĩnh Cao, v.v... Cả một tủ sách Đông y lớn nhất Huế của bà Khuê, trong đó có những sách được xem là quí nhất ở VN chưa được chuyển ngữ cũng đã bị hư nát. (TTCN, số 47-99, 4-12-99)

Xoá đói giảm nghèo ở TPHCM

Chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo (XĐGN) được bắt đầu thực hiện trên toàn quốc từ năm 1992. Theo số liệu điều tra mới đây của Ban chỉ đạo XĐGN TPHCM, hiện nay thành phố có khoảng hơn 120.000 hộ gia đình thuộc diện nghèo đói, chiếm 8,6% tổng số dân cư, trong khi Quỹ XĐGN chỉ mới trợ vốn cho khoảng 60.000 hộ. Hiện nay tổng quỹ XĐGN của thành phố có khoảng hơn 100 tỉ đồng, nhưng tồn quỹ gần 18 tỉ. Các quận tồn quỹ nhiều nhất là Tân Bình (2 tỉ), Q. 10 (1,8 tỉ), Q. 1 (1,6 tỉ). Xem như vậy, chương trình XĐGN đã để lọt khá nhiều người nghèo không được vay vốn để làm ăn. Ngoài ra, còn có những người nghèo nhập cư vào thành phố, nhưng vì không có hộ khẩu thường trú, nên không thuộc đối tượng được vay, và họ đã phải vay của tư nhân với lãi suất rất cao. Mặt khác, có không ít những hộ chẳng phải là nghèo đói, lại được cấp vốn của chương trình XĐGN. Theo nhận định của Ban chỉ đạo XĐGN thành phố : *... Người nghèo thiếu điều kiện để làm ăn sinh sống vì nhiều lý do : thiếu vốn, hoặc không đủ vốn ; thiếu kiến thức, kinh nghiệm làm ăn ; thiếu ruộng đất canh tác ; thiếu công cụ, phương tiện làm ăn; có việc làm không ổn định, và không có việc làm...* (Tuổi Trẻ, 23-10-99)

Việt Nam - Algérie

Chủ tịch Trần Đức Lương đã đi thăm chính thức Algérie trong ba ngày 5,6 và 7 tháng 12. Ông đã có một số buổi thảo luận chính thức với tổng thống Algérie Abdelaziz Bouteflika. Trong tuyên bố chung kết thúc chuyến đi hai bên " *kêu gọi phát triển thông cảm giữa các dân tộc* " và " *chống mọi hành vi can thiệp vào nội bộ nước khác với lý do nhân quyền* ".

Algérie và Việt Nam cũng " *tỏ ý lo lắng cho số phận của nhân dân Irak* " và " *kêu gọi bãi bỏ những biện pháp trừng phạt mà nhân dân Irak đang gánh chịu* ".

Chuyến đi của ông Trần Đức Lương là chuyến đi thăm Algérie chính thức đầu tiên của chủ tịch nước Việt Nam và đã được tờ báo El Moudjahid, thân chính phủ, gọi là " cuộc gặp gỡ lại của hai cuộc cách mạng lớn ".

Trao đổi giữa hai nước còn ít phát triển, thuận cho phía Algérie. Algérie xuất qua Việt Nam mỗi năm khoảng 200 triệu đô la trong đó có phosphate, và nhập khoảng 180 triệu hàng phần lớn là hàng may mặc.

Uỷ ban hỗn hợp Algérie - Việt Nam, trong khoá họp trước chuyến đi cũng đã quyết định tăng hợp tác trong các lĩnh vực kỹ nghệ và xây dựng. Cả hai phái đoàn cũng thoả thuận Việt Nam sẽ thử nghiệm trồng lúa, trà, bông, đậu phụng (lạc) và hột điều ở Algérie.

Nước mắm Việt Nam

Nước mắm Việt Nam đã mở được đường vào thị trường châu Âu với sản phẩm của hãng Thanh Hà. Nhãn hiệu Thanh Hà hiện là nhãn hiệu duy nhất được Uỷ ban Kiểm soát chất lượng thị trường châu Âu (UBKSCL) xếp vào nhóm 1, một tiêu chuẩn quốc tế cho phép sản phẩm chính thức vào thị trường châu Âu. Tiêu chuẩn này đã được sau một chuyến thanh tra của UBKSCL tại nơi sản xuất nước mắm ở Phú Quốc vào tháng 10 vừa qua.

Phương pháp sản xuất của Thanh Hà cũng đáp đúng chuẩn HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point) do đó một số thương gia Mỹ cũng đang thương lượng để nhập sản phẩm Thanh Hà vào Hoa Kỳ năm tới.

Hãng Thanh Hà là một trong những hãng rất hiếm vẫn giữ được những phương pháp sản xuất cổ truyền có từ 80 năm nay, cá được muối trong những thùng gỗ 12 tháng một cách tự nhiên, trong khi phần lớn các hãng khác chỉ muối trong vòng 6 tháng trong những phuy xi măng, họ còn bỏ thêm chất hoá học để rút ngắn thời gian.

Hãng còn có một đội thuyền đặc biệt đánh cá và xử lý cá tại chỗ làm tăng chất lượng của nước mắm. Thanh Hà có khả năng sản xuất 500 000 lít nước mắm mỗi năm. Năm nay Thanh Hà xuất sang châu Âu 100 000 lít nước mắm, phần lớn vào Pháp, tăng 20 000 lít so với năm ngoái. (VNA 5.12.1999)

TIN NGẮN

***** Sau hai tháng tiến hành kê khai đăng ký nhà đất đô thị trên toàn địa bàn TP HCM, đã thống kê được tổng cộng 987 482 căn nhà, thửa đất. Cũng theo những kết quả điều tra sơ bộ, số nhà xây dựng " không phép " sau ngày 5.7.1994 lên đến 156 816.

***** Ngày 4-10-99, viện phó Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM đã ký bản kháng nghị khắc phục vi phạm pháp luật tại Văn phòng kiến trúc sư trưởng thành phố, kiến nghị Cục Thuế thành phố xem xét tính thuế thu nhập đối với một số người có thu nhập cao tại cơ quan kiến trúc sư trưởng, đòi văn phòng nộp toàn bộ số tiền tồn quĩ về thẩm tra phê duyệt đồ án trên 1,1 tỉ đồng vào ngân sách theo chỉ đạo của UBND TP.

* Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở lại phiên sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, kiến trúc sư, nguyên

giám đốc Trung tâm Kiến trúc phong cảnh, thuộc Hội Kiến trúc sư VN, và Trịnh Hồng Triển, kts, nguyên phó giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội, nguyên phó kts trưởng thành phố. Cả hai bị buộc tội vi phạm các qui định về quản lý và bảo vệ đất đai trong thời gian tiến hành dự án " Làng kiến trúc phong cảnh " tại Võng Thị, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội. Một nhân chứng quan trọng vắng mặt trong lần xử trước là ông Trương Tùng, nguyên phó chủ tịch UBND TP Hà Nội, nguyên đại sứ VN tại Ucraina, người đã phê duyệt cấp hơn 5.000m^2 đất tại Võng Thị cho dự án.

* Tối 17-11-99, tại vòng bán kết cuộc bình chọn " Thời trang–Hoa hậu hữu nghị Thế giới và Đông Nam Á diễn ra ở khu Triển lãm Giảng Võ, Hà Nội, Hoa hậu Thái Lan Kanjana Jonkol, sinh năm 1976, cao 1,75m, đã đoạt giải Hoa hậu Hữu nghị Đông Nam Á. Giải Hoa hậu Hữu nghị Thế giới đã về tay Hoa hậu Rumani, Ana Maria Tudorache (với các số đo 93-66-97) ; Á hậu 1 : Hoa hậu Nam Phi, Burgette Vonblerk (85-61-90) ; Á hậu 2 : Hoa hậu Pháp, Celia Jourdheuil (97-69-99)...

* Sau những tệ nạn cướp giật, trấn lột tài sản của du khách nước ngoài ngay giữa trung tâm TPHCM, còn một tệ nạn khác cho đến nay vẫn tồn tại, và cũng không kém phần nguy hiểm, đó là nạn *xin đểu* do bọn anh chị, những dân nghiện ngập và hoạt động có băng đảng hẳn hoi dàn dựng : chẳng hạn như chúng cố tình gây ra một tai nạn giao thông nhỏ nào đó, với nhiều thủ đoạn giả trá, rồi đòi *nạn nhân* bồi thường !

* Kỳ họp quốc hội tháng 11 đã phê chuẩn đề nghị của thủ tướng chính phủ bổ nhiệm ông Lê Đức Thuý, phó thống đốc thứ nhất Ngân hàng nhà nước, làm thống đốc. Phó thủ tướng thứ nhất Nguyễn Tấn Dũng thôi kiêm nhiệm chức vụ thống đốc " để tập trung cho công tác thường trực chính phủ ".

* Tối ngày 20.11 vừa qua, một đám cháy đã thiêu huỷ hầu như toàn bộ chợ Libus — khu chợ lớn nhất của cộng đồng người Việt ở Praha (Tiệp). Ước tính thiệt hại ban đầu lên đến khoảng 10 triệu USD.

* Theo số liệu của bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, số người đăng ký sử dụng Internet ở Việt Nam là 40 000 người, sau hai năm khai trương dịch vụ này.

* Theo số liệu của Uỷ ban nhân dân TPHCM, hiện nay mật độ dân số ở khu vực nội thành lên đến gần 29 400 người/km^2. Ở các quận 3, 4, 5, 11, mật độ dân số cao gần gấp đôi mật độ chung. Mặc dầu mỗi năm thành phố đã giải quyết thêm việc làm cho 179 000 người lao động, nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn chiếm 7% lao động xã hội.

* Theo người phát ngôn bộ Ngoại giao Việt Nam, ông Nguyễn Thái Nguyên phó giám đốc Văn phòng chính phủ, phụ tá của ông Phan Văn Khải đã bị bắt giam để điều tra " chiếu theo điểm 3 điều 78 của hình luật ". Điểm này nói về việc phạm pháp vì có hành vi đe doạ mạng sống hoặc nhân phẩm người khác.

* Mười bốn người trong một tổ chức buôn lậu hàng trăm gam ma tuý và thuốc phiện đã bị toà án Hải Phòng xử hôm 9.12. Hai người, Đông Mạnh Văn và Lương Thị Oanh, bị án tử hình vì tội buôn trên 2,6 kí lô ma tuý và thuốc phiện ở Hà Nội, Hải Phòng, Lai Châu và Quảng Ninh. Từ năm 97, luật hình sự Việt Nam kết án tử hình những người nào bị bắt mang trên người trên 100 gam ma tuý hoặc trên 5 kí lô gam thuốc phiện. Hơn 80 người đã bị án tử hình vì tội buôn ma tuý từ đầu năm nay, tăng gần 40 % so với con số 49 cho toàn năm ngoái.

* Việt nam và Mỹ đã ký một thoả thuận về bảo hiểm tín dụng xuất cảng mở đường cho những nhà xuất cảng Mỹ vào thị trường Việt Nam. Ngân hàng xuất-nhập cảng Mỹ (Export-Import Bank) đang nghiên cứu một số đề án ước lượng khoảng 300 triệu đô la trong những lãnh vực thiết bị cho thuốc men, viễn thông, dầu khí và hàng không.

* Một trái bom bi từ thời chiến tranh đã nổ tại Quảng Bình làm ba học sinh chết và một người bị thương. Không quân Mỹ đã rải xuống Việt Nam hàng trăm ngàn tấn bom bi trong chiến tranh. Phần lớn đã nổ, tuy nhiên một số được thiết bị với hai ngòi nổ, chỉ nổ khi có người đụng tới.

* Theo một thông báo của hãng ePhone Telecom Inc. thì hãng này đã được công ty Bưu điện & Viễn thông Sài Gòn (Saigon Post & Telecommunication Corp., viết tắt là SPT) ký hợp đồng để thực hiện mạng điện thoại vô tuyến (Fixed Wireless Local Loop viết tắt là WLL), một cách phát triển hệ thống điện thoại nhanh chóng và ít vốn.

* Thủ tướng Hun Sen đã viết thư cho thủ tướng Phan Văn Khải xin toà án Việt Nam khoan hồng với hai người Cam Bốt bị kết án tử hình ngày 4 tháng 11 vì tội buôn lậu ma tuý. Ông Hun Sen nêu lên rằng hiến pháp Căm Bốt đã bãi bỏ án tử hình. Việt Nam đã kết án tử hình 14 người ngoại quốc buôn ma tuý, trong đó sáu người (1 người Singapour, 2 người Lào, 3 người Hồng Kông) đã bị hành quyết.

* Ông Emile Zuccarelli, bộ trưởng bộ hành chánh Pháp đã tới Hà Nội ngày 3 tháng 11 khởi đầu chuyến đi chính thức năm ngày nhằm phát triển hợp tác giữa hai nước về vấn đề hành chánh. Ông Emile Zuccarelli sẽ ký với đồng sự Đỗ Quang Trung, một nghị định hợp tác về cải tổ tổ chức nhà nước. Ngoài ra ông cũng gặp bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Đình Lộc và giám đốc Viện quốc gia hành chánh Nguyễn Ngọc Hiền.

* Hội nghị các nhà tài trợ cho Việt Nam, họp tại Hà Nội ngày 15.12.1999, đã quyết định tăng viện trợ cho Việt Nam tổng cộng 2,8 tỷ đôla, trong đó 700 triệu được dành riêng để thúc đẩy các cải cách kinh tế. Tính từ 10 năm nay, Việt Nam đã nhận được 16 tỉ đôla tiền hứa viện trợ, nhưng mới khoảng một nửa số đó đã được giải ngân.

tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA
Tel (714) 265-1394 ♦ Email : tchl@aol.com

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước*

♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Hội nghị Seattle thất bại...

(tiếp theo trang 1)

Thiên kỉ thứ III, vạch ra cái khung cho một vòng đàm phán nhằm tự do hoá một cách dứt khoát dòng mậu dịch quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp (vấn đề lớn còn tồn đọng là chính sách trợ cấp nông nghiệp) và lĩnh vực các dich vụ (kể cả nghe-nhìn). Seattle chính là nơi vừa diễn ra cuộc hẹn không thành ấy.

Thâm tâm người viết bài rất muốn coi đó hoàn toàn là nhờ công trạng của những người hoạt động chống TTT. Song phải nói nguyên nhân chủ yếu nằm ở sự mâu thuẫn quyền lợi trong các vấn đề :

– NÔNG NGHIỆP : các nước xuất khẩu lớn về nông sản (đầu tiên là Hoa Kỳ, nhưng cũng phải kể các nước thuộc " nhóm Cairns " là Australia, New Zeland, Argentina, Brasil...) đòi bãi bỏ chế độ trợ cấp nông nghiệp ; châu Âu, được Nhật Bản ủng hộ, thì chủ trương duy trì trợ cấp cho nông nghiệp vì dựa vào nguyên tắc " đa chức năng " (chức năng của nông nghiệp không chỉ đơn thuần là sản xuất thực phẩm, mà còn là bảo vệ môi trường và góp phần vào việc quy hoạch lãnh thổ...). Liên quan tới nông nghiệp còn có vấn đề an toàn thực phẩm : các nước Âu châu đề cao " nguyên tắc cẩn trọng " (đòi Mỹ phải chứng minh rằng thịt bò nuôi bằng hormon, ngô chuyển gien... là không độc hại trước khi đem bán) còn Mỹ chủ trương ngược lại (châu Âu muốn cấm nhập khẩu những sản phẩm đó thì phải chứng minh là chúng có hại).

– DỊCH VỤ : nói tới tự do hoá dịch vụ là đụng tới đủ mọi lĩnh vực, từ ngân hàng tới du lịch, qua y tế và giáo dục. Một số nước Âu châu, thậm chí có cả những tiểu bang ở Mỹ, lo ngại trong vòng đàm phán ở Seattle, dự án " Hiệp ước đa phương về đầu tư " (tiếng Pháp viết tắt là AMI) sẽ lại được đưa ra bàn. Năm 1998, dự án này đã bị dư luận Âu châu chống trả mãnh liệt. Liên quan đến dịch vụ là lãnh vực nghe-nhìn : Mỹ coi nghe-nhìn đơn thuần là một thứ hàng hoá, còn các nước châu Âu (đoàn kết chung quanh Pháp là nước khởi xướng) thì bảo vệ nguyên tắc " văn hoá là ngoại lệ ".

– SỞ HỮU TRÍ TUỆ : Hoa Kỳ muốn củng cố việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (tác quyền, bằng sáng chế...) ; các nước đang phát triển, đứng đầu là Ấn Độ, chống lại việc này, coi đó là một chính sách bảo hộ trá hình và nhằm ngăn chận không cho các nước nghèo mua rẻ được những công nghệ mới.

– CHUẨN MỰC VỀ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG: trong lĩnh vực này, châu Âu và Hoa Kỳ liên kết với nhau để đòi các nước phải tôn trọng những chuẩn mực tối thiểu về xã hội (cấm sử dụng lao động trẻ em, quyền công đoàn...) cũng như về môi trường ; còn các nước đang phát triển thì chống lại vì coi đó là cái cớ để Âu Mỹ bảo hộ thị trường của họ.

Bên cạnh những quyền lợi mâu thuẫn mà ở trên chúng tôi chưa kể hết, còn phải nói thêm : trong mỗi phe phái đối nghịch nhau, lại có những điều người ta làm ngơ, những điều người ta nói " vậy mà không phải vậy ". Thí dụ : Hoa Kỳ đòi huỷ bỏ trợ cấp nông nghiệp song chính quyền Mỹ vẫn trợ cấp chui bằng cách trả tiền để nông dân hoang hoá diện tích gieo trồng ; giới ngân hàng Mỹ chủ trương tự do mậu dịch trăm phần trăm, nhưng giới công nghiệp luyện kim lại không chịu ; công nghiệp điện ảnh Mỹ thì một mặt ra sức bành trướng, mặt khác lại đóng chặt thị trường nội địa ; công nghiệp may mặc giầy dép chủ yếu dựa trên các " xưởng mồ hôi " ở các nước thế giới thứ ba ; về mặt môi trường, Hoa Kỳ là nước xả khí oxit carbon nhiều nhất hành tinh mà lại từ chối mọi sự hạn chế, thậm chí còn đề nghị trả tiền cho những nước khác (tất nhiên là nước nghèo) nếu họ chịu giảm bớt ô nhiễm khí quyển ! Mấy thí dụ kể trên cho ta hình dung ra phần nào cái mớ bòng bong mà hội nghị Seattle đã không gỡ rối được.

Giải thể TTT ?

Sự thất bại ở Seattle không kết liễu " cuộc đàm phán thiên kỉ " : vài tháng nữa, sẽ bắt đầu ở Genève, những cuộc thương thảo về dịch vụ và nông nghiệp, tránh xa ống kính camera của các media. Song tiếng vang quá sức chờ đợi của phong trào chống toàn cầu hoá đã thể hiện thành công việc công khai lên án Tổ chức Thương mại Thế giới. Được khai sinh để làm công việc kiểm soát, có quyền trừng phạt (thông qua Cơ quan Giải quyết Tranh chấp), TTT có nhiệm vụ thay thế quan hệ quyền lực bằng quan hệ pháp lí trong mậu dịch quốc tế. Ý tưởng này đã nảy sinh ngay từ khi Liên hiệp quốc ra đời (1944), nhưng nó đã bị Hoa Kỳ gạt bỏ, thay thế bằng cơ cấu GATT, ít ràng buộc hơn. Phải đợi đến năm 1994 ở Marrakech, dưới sức ép của các nước châu Âu, TTT mới được thành lập. Kim ngạch thương mãi quốc tế mỗi năm đạt 6500 tỉ USD và tăng hàng năm 9 %, nên khó ai có thể nói rằng không cần tới một cơ quan điều tiết và trọng tài, dầu sao cũng hơn là để cho luật của kẻ mạnh chi phối (xin nhớ tới những biện pháp trừng phạt đơn phương, con bài cổ điển của Mỹ). Thế thì tại sao mà chỉ 5 năm thôi, TTT đã gặp phải sự phản đối chính trị mãnh liệt như vầy, ở bên tả cũng như bên hữu, đến độ nó trở thành con vật tế thần, bao nhiêu tội lỗi của chủ nghĩa mậu dịch tự do đều đổ lên đầu ? Bản tuyên ngôn của " *xã hội công dân quốc tế chống lại vòng đàm phán thiên kỉ* " mang chữ kí của đại diện 1200 tổ chức có mặt ở Seattle đã tóm tắt tội trạng của TTT như sau :

" *Trong năm năm qua, TTT đã góp phần vào quá trình tập trung tài nguyên trong tay một số nhỏ giàu có, làm tăng nạn nghèo khó cho đa số dân cư toàn cầu, và phổ biến những mô hình phát triển và tiêu thụ không bền vững. Những thoả thuận đạt được trong vòng đàm phán Uruguay chủ yếu thúc đẩy sự mở cửa những thị trường có lợi cho những xí nghiệp xuyên quốc gia, có hại cho các nền kinh tế quốc gia, cho người lao động, cho nông dân và những người khác, cũng như tác hại đến môi sinh. Hơn nữa, cách vận hành, các quy tắc và thủ tục của TTT mang tính chất phản dân chủ, không minh bạch...*".

Phải chăng phát triển thương mại quốc tế đã tạo ra bần cúng hoá đa số dân cư toàn cầu, đó là điều cần xem xét. Điều chắc chắn là 90 % mậu dịch quốc tế tập trung vào sự trao đổi giữa số nhỏ các nước giàu (tựu trung là 26 thành viên của OECD / Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế), trong khi một châu lục như Phi châu, với dân số 700 triệu người, chỉ chiếm vỏn vẹn 2 %. Song cũng phải nói là cách đây 10 năm, trong 10 người châu Á, thì có tới 6 người sống dưới thềm nghèo khó, nay chỉ có 2 ; và từ 1980 đến 1995, tốc độ tăng trưởng bình quân của các nước thành viên của GATT là 2,2 %, chẳng hơn tốc độ của các nước khác (2,1 %) là mấy : liên quan giữa thương mãi và phát triển không đơn giản chút nào... Tóm lại, đây là một tranh cãi kĩ thuật, đầy những con số, là thứ mà các chuyên gia rất ưa chuộng, nhưng chỉ có những nhà ý thức hệ (hay bọn lang băm) mới dám rút ra những kết luận dứt khoát. Về phần chúng tôi, chỉ xin khẳng định một điều, một điều thôi : phát triển là một hiện tượng không thể thu hẹp về một chiều kích.

Ngoài điều bảo lưu vừa kể trên, tất cả những trách cứ khác

đối với TTT xem ra đều có cơ sở. Nguyên nhân của nó nằm trong lôgic tự tại của tổ chức này : lôgic buôn bán. Cán bộ của TTT, từ những người chủ xướng, cho tới các uỷ viên và nhân viên thừa hành đều xuất thân từ khuôn mẫu của hệ tư tưởng *liberal*. Không nên ngạc nhiên nếu trong lập luận của TTT thiếu vắng mọi suy xét về môi trường, về chuẩn mực xã hội, về phát triển bền vững, về trao đổi công bằng..., nghĩa là những suy xét hoàn toàn xa lạ đối với lôgic buôn bán. Cũng vậy, các phán quyết của CGT, từ ngày thành lập đến nay, đều theo một chiều hướng : bò hormon, tôm rùa biển, chuối Caribê, ngô chuyển gien, chứng bằng sinh vật (*)... nhất nhất đều tuân theo lôgic của chủ nghĩa liberal cực đoan, tổ chức thương mại theo hướng lợi nhuận tối đa cho các đại doanh nghiệp. Cái lôgic ấy, nếu được đẩy tới cùng (thí dụ như trong một số điều khoản trong dự án AMI về "quyền" của các nhà đầu tư), sẽ dẫn đến những việc cực kì phi lí, chẳng hạn : chính phủ Pháp sẽ phải trích "quĩ ứng trước lấy từ tiền bán vé chiếu bóng" (**) để trợ cấp cho công ti điện ảnh Walt Disney, bộ Giáo dục sẽ phải... đấu thầu cả việc giảng dạy Anh văn và Toán học (người ta đã cố tình không xếp Triết học vào danh sách)... Ngay cả người Mỹ – nhất là người Mỹ – cũng bắt đầu nhận ra rằng chủ nghĩa duy thương quá mức có thể đe doạ cả nền dân chủ ở cấp địa phương (chính là nền tảng của nền dân chủ Mỹ) : chẳng hạn, có ít nhất 95 đạo luật của bang California, trong đó có Clean Air Act (Luật Không khí trong sạch) và Buy American Act (Luật ưu tiên cho hàng hoá Mỹ) có thể bị TTT coi là bất hợp pháp.

Thật là phi lí nếu công dân các nước dân chủ, mười năm sau khi Bức tương Berlin sụp đổ, còn phải một mực chịu phép trước sự áp đặt của một tổ chức u minh (CGT bao giờ cũng họp kín), thậm chí có tính chất toàn trị (thi hành những luật lệ do chính mình đặt ra). Nói vậy phải chăng là nên bãi bỏ TTT ? Các tổ chức biểu tình chống toàn cầu hoá ở Seattle đã tỏ rõ tinh thần trách nhiệm cao : không một tổ chức nào muốn quay trở lại thời kỳ các nước thi hành chính sách bảo hộ, hay thời kỳ chiến tranh thương mại. Chiến lược và đạo lý của họ tóm tắt trong hai khẩu hiệu : " *Dracula vốn sợ ánh sáng* " (nghĩa là : buộc TTT phải dân chủ hơn trong thảo luận và minh bạch hơn trong các quyết định) và " *Thế giới không phải là hàng hoá* " (mọi lời bình Thánh Thán đều là thừa). Mỗi " vòng " đàm phán kéo dài tới 3 năm. Những tháng tới đây, khi các "chuyên gia" nối lại những cuộc thương lượng hậu trường, chúng ta sẽ biết là phong trào còn giữ được cảnh giác, hay cái gọi là " Quốc tế Công dân " chỉ là một phiên hội chợ sớm nở tối tàn.

Nguyễn Quang

(*) Trong vụ bò hormon, TTT xử phạt châu Âu vì các nước này không chịu nhập thịt bò nuôi bằng hormon. TTT cũng kết án Mỹ không chịu nhập tôm đánh bắt bằng loại mắt lưới huỷ diệt cả rùa biển đang được bảo vệ. Trong vụ chuối, công ti United Fruit thắng kiện những người sản xuất ở Caribê (được hưởng giá ưu đãi khi xuất khẩu sang châu Âu). TTT cho phép phổ biến cây trồng chuyển gen, cho phép cấp bằng sáng chế về lai lịch di truyền, thậm chí cả về phân đoạn genom con người.

(**) Tại Pháp, 33 % tiền vé xinê được đưa vào quỹ " ứng trước " cho các nhà sản xuất phim Pháp. Phim Mỹ chiếm từ 70 đến 80 % thị trường điện ảnh Pháp : quỹ " ứng trước " là phương cách qua đó khán giả đi xem phim Mỹ cũng đương nhiên giúp điện ảnh Pháp. Nhờ vậy, trong ba thập niên qua, điện ảnh Pháp còn tồn tại được, trong khi các nền điện ảnh Anh, Italia... phải trải qua nhiều cơn khốn đốn. Nhiều nước ở châu Âu và các châu khác cũng đang muốn theo mô hình này của Pháp.

Đầu tháng 10 vừa qua lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa đã được cử hành rất trọng thể tại Bắc Kinh bằng cuộc diễn binh rầm rộ với xe tăng, tên lửa, và máy bay tác chiến đủ loại. Việc phô trương vũ khí này làm cho giới báo chí nước ngoài bình luận khá nhiều về việc Trung Quốc có thể sẵn sàng dùng sức mạnh quân sự trong đối ngoại như Trung Quốc đã có ý cho biết khi thử tên lửa gần bờ biển Đài Loan năm 1996. Ngoài ra, từ năm 1949 đã dùng sức mạnh quân sự 13 lần trong 15 lần có tranh chấp với bên ngoài hầu như để chứng minh rằng mình không phải là " con hổ giấy ". Và việc tham chiến ở Hàn Quốc đã giúp đưa Trung Quốc, lúc đó là một nước nghèo đói phải nhờ viện trợ quân sự và kinh tế của Liên Xô, lên địa vị một cường quốc (mà họ gọi là *Da Guo,* đại quốc) có thể tham gia với Mỹ và các cường quốc khác để quyết định vận mạng của Hàn Quốc và Việt Nam tại Hội Nghi Genève năm 1954.

Nhưng trong cuộc phỏng vấn với tờ *New York Times* ngày 2 tháng 10 năm 1999, ông Zhang Yunding, giám đốc Cơ Quan Nghiên Cứu Châu Á Thái Bình Dương của Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Trung Quốc, đã có nói như sau : " *Cuộc diễn binh này là để phô trương sự tự tin và sức mạnh, nhất là đối với trong nước. Cuộc diễn binh này là để cho nhân dân nhận thấy rằng chúng tôi có một nước Trung Quốc mới, là để cho nhân dân cảm thấy tự hào thay vì chỉ chú trọng vào những vấn đề khó khăn trong hiện tại.*" [1]

Vậy nước Trung Quốc mới ở chỗ nào ? Mới ở chỗ đã trở thành một cường quốc quân sự như việc phô trương lực lượng quân sự và vũ khí cho thấy, hay là mới ở chỗ đã thành một cường quốc kinh tế ? Để trả lời những câu hỏi nầy và để đánh giá đúng sức mạnh và khả năng của Trung Quốc, người ta không thể không đề cập đến những khó khăn trong hiện tại mà giới lãnh đạo của Trung Quốc không muốn nhân dân họ chú trọng vào. Những khó khăn này là tích tụ của 50 năm chủ trương nói đại và làm đại của đảng và lãnh tụ Trung Quốc mà mục tiêu chính là làm sao phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển công nghiệp, cho thật nhanh chóng. Vì thế mới có những cuộc " Đại Nhảy Vọt " và " Đại Cách Mạng Văn Hoá Vô Sản " trong thời kỳ Mao Trạch Đông làm " người cầm lái vĩ đại " và cuộc " Đại Cải Cách " trong những năm Đặng Tiểu Bình làm " lãnh tụ tối cao " (1978-1995). Mao Trạch Đông chỉ nói đại là nếu vận động quần chúng tham gia thì sản xuất công nghiệp của Trung Quốc sẽ vượt hẳn của Anh Quốc trong khoảng 10 năm. Thế là có phong trào toàn quốc sản xuất công nghiệp với những lò luyện kim thủ công mọc lên như nấm trong vườn của các hộ nông dân trong những năm 1958-1959. Còn Đặng Tiểu Bình chỉ tuyên bố rằng các công xã là xấu cho vấn đề phát triển kinh tế còn " làm giàu là vinh quang " thì lập tức sau đó bao nhiêu công xã hay dở gì cũng đều bị dẹp hết và mọi người đổ xô đi làm giàu một cách vô tội vạ. Kết quả là mặc dầu trong 50 năm qua sản xuất công nghiệp của Trung Quốc đã trung bình tăng trưởng khoảng 10 phần trăm một năm, nông dân và công nhân Trung Quốc (tức là 2 chỗ tựa chính trị chủ yếu của đảng và chính quyền) đã bị bóc lột một cách tàn tệ. Dưới thời Mao Trạch Đông họ còn bị hi sinh như những con vật tế thần cho chủ trương công nghiệp hoá và hiện đại hoá của Trung Quốc. Gần 20 triệu nông dân đã chết đói vì bị mất mùa trong những năm phong trào Đại Nhảy Vọt đang xúc tiến. Sau đó, thêm 80 triệu người nữa bị mất mạng hay đàn áp trong những năm cuộc Đại Cách Mạng Văn Hoá kéo dài.

Trong 20 năm cải cách (" đổi mới ", theo từ mới đổi của

Ngô Vĩnh Long

Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa 50 năm

Việt Nam) vừa qua, tuy không có cảnh chết chóc tràn lan như xưa nữa, nông dân và công nhân Trung Quốc vẫn còn là những nạn nhân của chủ trương hiện đại hoá ở Trung Quốc. Theo bà He Qinglian, tác giả cuốn *Xiandaihua de xianjing* [Cạm bẫy của hiện đại hoá] được xuất bản ở Bắc Kinh năm 1997, thì nông dân đã phải hứng chịu những hậu quả tai hại nhất của cuộc cải cách kinh tế ở Trung Quốc. Từ những năm cuối thập kỷ 80 đến đầu thập kỷ 90 có hơn 120 triệu nông dân phải bỏ làng đi ra các thành phố tìm việc. Kinh tế tăng vọt trong thập kỷ 90 đã chủ yếu xảy ra ở các thành thị trong khi thu nhập bình quân ở nông thôn giảm xuống rất nhiều. Dân số các thành thị (không kể 120 triệu nông dân di cư) là một phần năm tổng dân số của Trung Quốc, tạo ra hai phần năm của cải, nhưng tiêu dùng đến ba phần năm. Dân số nông thôn (kể cả những người di cư và dân cư các thành phố nhỏ) là bốn phần năm tổng số dân, sản xuất 3 phần năm, và tiêu dùng 2 phần năm. Đến năm 1994 cái phần năm giàu nhất ở Trung Quốc chiếm hữu 50,2 % tất cả của cải trong nước và cái phần năm nghèo nhất chiếm hữu chỉ có 4,3 %. Để so sánh thì cũng trong năm ấy tại Hoa Kỳ 20 % dân số giàu nhất chiếm hữu 44,3 % tài sản trong khi 20 % nghèo nhất chiếm hữu 4,6 %. Những con số nầy cho thấy là chỉ trong thời gian có mười mấy năm mà phân hoá giàu nghèo ở Trung Quốc có phần lớn hơn ở Mỹ, một nước đại tư bản hạng nhất thế giới có hơn ba trăm năm để tích tụ tài sản cho tầng lớp giàu.

Bà He Qinglian viết là ngay từ đầu công cuộc đổi mới, mà bà ta gọi là " thị trường hoá quyền lực ", là một quá trình mà trong đó những người nắm quyền và tay chân bộ hạ của họ dùng quyền lực để cướp tài sản công mà nhân dân đã khổ sở để gầy dựng trên 40 năm. Bà He Qinglian chứng minh rằng sự chuyển nhượng tài sản nầy, chứ không phải là sản xuất, là nguyên do chính cho sự tăng vọt thu nhập cá nhân ở các thành thị. Bà chứng minh thêm rằng kể cả những tài sản mới được tạo ra không phải là thành quả của những sức lực kinh tế mới hay của hiệu quả kinh tế mà là của hai nguồn : Một là, số tiền đầu tư trung bình mỗi năm từ 30 đến 40 tỷ đô la của nước ngoài, hay là 20 % của hầu hết tất cả tiền đầu tư ở Trung Quốc vào những năm giữa thập kỷ 90. Hai là, việc các ngân hàng nhà nước dùng tiền từ các quỹ tiết kiệm của thường dân để đổ vào cho các xí nghiệp quốc doanh. Các số tiền này gọi là tiền cho vay, nhưng từ 40 đến 60 % không có thể lấy lại được vì các xí nghiệp đó lỗ lã. Đến đầu năm 1997 gần một nửa tiền trong các quỹ tiết kiệm cá nhân (khoảng chừng 240 tỷ đô la) đã bị mất theo cách nầy. Vì nhiều người để tiền trong các quỹ tiết kiệm là nông dân, hành động trên thực chất có nghĩa là chính quyền đã bắt nông thôn bao cấp cho thành thị.[2]

Một trong những lý do chính mà lâu nay chính phủ Trung Quốc buộc các ngân hàng quốc gia cho các xí nghiệp quốc doanh vay là vì sợ mất ổn định ở các thành thị, nhất là Bắc Kinh, Thượng Hải, và những thành phố lớn khác. Độ 85 % của tổng số những người làm việc trong các thành phố là làm cho chính phủ. Giữa 45 đến 47 % là công nhân làm việc trong các xí nghiệp quốc doanh, 20 % làm việc trong các cái gọi là " hợp tác xã thành thị " hay cơ sở trực thuộc các xí nghiệp quốc doanh như là các cửa hàng mậu dịch, và 18 % còn lại làm việc trong các văn phòng chính phủ. Chính sách mua ổn định trên đã tạo nên một tầng lớp trung lưu thành thị càng ngày càng giàu có, nhất là các đảng viên và quan chức quản lý các xí nghiệp quốc doanh vì họ đã và đang dùng mọi thủ đoạn ăn cắp tài sản công qua việc quản lý các xí nghiệp này. Ngoài số tiền khoảng 60 tỷ đô la mà họ lấy để đầu cơ trong nước trong những năm đầu của thập kỷ 90, bà He Qinglian ước tính rằng số tiền những quan chức này lấy và chuyển ra nước ngoài bằng nhiều hình thức mỗi năm là tương đương với dòng chảy của tiền nước ngoài vào Trung Quốc. Trong khi đó thì những thủ đoạn nầy đã góp phần vào việc nâng số người thất nghiệp trong các thành phố lên đến 7 % vào năm 1997. Năm 1997 có 12 triệu công nhân bị sa thải, và trong năm 1998 người ta ước tính là có thêm khoảng 15 triệu công nhân nữa sẽ mất việc. Tình trạng nầy đã gây rất nhiều công phẫn trong tầng lớp công nhân nghèo mà, trên lý thuyết, là rường cột của đảng Cộng Sản Trung Quốc. Vì thế, trước sự đe doạ của cuộc khủng hoảng kinh tế mà đã gây mất ổn định chính trị cho các nước khác trong vùng, cuối năm 1998 chính phủ Trung Quốc đã quyết định mướn lại một số các công nhân xí nghiệp quốc doanh đã bị sa thải và một chương trình tài trợ khổng lồ cho các xí nghiệp quốc doanh, kể cả những xí nghiệp làm ăn thua lỗ.[3]

Chính sách trên đến nay đã mua chuộc được số đông đảng viên, quan chức và một số công nhân thành thị. Nhưng ở nông thôn thì mỗi năm có hàng ngàn cuộc biểu tình chống đối của nông dân và bao nhiêu cuộc đàn áp đẫm máu.[4] Thủ tướng Zhu Rongji (Chu Dung Cơ), trong cuộc điều trần trước Quốc hội đầu tháng 3 năm 1999 đã tỏ ra rất lo lắng là giới cầm quyền địa phương không đối phó với các cuộc biểu tình của nông dân một cách khéo léo và vì thế sẽ gây thêm nhiều hỗn loạn xã hội. Ông ta nhắc nhở là không nên dùng những thủ đoạn độc tài chống lại nhân dân.[5] Để giữ ổn định cũng như để phòng không cho các cuộc biểu tình phá rối trị an xảy ra thêm, Chủ tịch Jiang Zemin (Giang Trạch Dân) và các lãnh tụ đảng Cộng Sản Trung Quốc một mặt đang tìm giải pháp kiềm chế sự phân hoá giàu nghèo trong nông thôn và mặt khác tìm cách chứng minh rằng đảng họ không có trách nhiệm trong việc gây nên phân tầng xã hội đó. Việc kiềm chế phân hoá giai cấp trong nông thôn là việc rất khó làm vì đảng và chính phủ Trung Quốc phải đưa ra hàng loạt chính sách như là giảm thuế má cho nông dân và xây dựng các chương trình xoá đói giảm nghèo có hiệu quả khắp nước. Nhưng việc chứng minh rằng đảng không phải là nguyên nhân cội rễ của vấn đề phân tầng ở nông thôn thì lại càng khó hơn vì đảng ít ra cũng phải làm sao dẹp được sự tham nhũng tràn lan trong đảng và trong các cấp chính quyền từ địa phương đến trung ương. Trong năm 1998 Chủ tịch Jiang Zemin đã nhiều lần kêu gọi xoá bỏ tham nhũng, vì theo ông " đây là việc sống còn của đảng và chính phủ." Theo ông He Zengke, một nhà nghiên cứu về tham nhũng của Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc, tham nhũng là vấn đề nhân dân Trung Quốc phàn nàn nhiều nhất và cách chống tham nhũng

hữu hiệu nhất là tiến đến một chế độ dân chủ. Ông đề nghị là phải có bầu cử tự do và công khai ở các cấp đảng và chính quyền.[6] Nhưng Đảng Cộng Sản Trung Quốc có thái độ rất mập mờ trong việc dùng các cải cách dân chủ để bài trừ nạn tham nhũng.

Vào đầu tháng 10 năm 1998, trong một bài diễn văn kỷ niệm 20 năm cải cách nông thôn ở tỉnh An Huy, Chủ tịch Jiang Zemin kêu gọi tiến hành " *các cuộc bầu cử dân chủ, việc quyết định dân chủ các chính sách, việc quản lý dân chủ, và việc quản trị dân chủ* " ở nông thôn.[7] Tuần sau đó, cuộc họp toàn thể lần thứ ba của Trung Ương thứ 15 đã đưa ra quyết định về nông thôn và hoạt động của đảng ở nông thôn là phát triển dân chủ trong làng xã, quản lý công việc theo luật pháp, và thi hành chính sách tài chính trong suốt. Nhưng quyết định nầy cũng nhấn mạnh là phải tăng cường vai trò của các chi bộ đảng trong làng xã.[8] Từ đó đến giữa tháng 7 năm 1999 chính phủ Trung Quốc đã cho bắt giam hàng loạt những người kêu gọi dân chủ và nộp đơn đòi các chính quyền địa phương bài trừ nạn tham nhũng.[9] Chính sách cà giật của Đảng Cộng Sản Trung Quốc trên thực tế đã làm cho nhiều nông dân mất tin tưởng.

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc trong 20 năm qua đã dựa vào chiến lược " thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa " của họ phát triển chính danh của Đảng Cộng Sản và tạo ổn định chính trị qua việc liên tục tăng trưởng kinh tế. Nhưng tỷ số tăng trưởng từ năm 1992 đến năm 1997 đã trung bình suy thoái mỗi năm là 1,17 % [10]. Một trong những lý do chính là tiền để dành của nông dân đưa vào sản xuất đã cạn dần. Lý do thứ hai là công nghiệp hương trấn, tăng trưởng trung bình gần 34 % trong giai đoạn 1984-1994, đã bắt đầu suy thoái từ năm 1996 vì thiếu vốn và thiếu mãi lực trong nước. Rất may cho Trung Quốc là trong giai đoạn 1985-1997, tiền đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) đã thực hiện ở Trung Quốc tăng hơn 30 % mỗi năm. Nhưng đầu tư nầy đã tăng dưới 10 % trong năm 1996 và 1997 và còn thấp hơn nữa trong năm 1998. Trong giai đoạn 1985-97 xuất cảng của Trung Quốc tăng trung bình là 27,7 % (theo giá hiện hành) và tiếp tục tăng trong năm 1998 vì các nước láng giềng bị khủng hoảng kinh tế và vì Trung Quốc kịp thời chuyển hàng xuất cảng sang Mỹ và Liên hiệp Châu Âu. Nhưng trong năm 1999 hai điều kiện nầy không có thể tiếp tục nữa vì ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng sẽ tràn sang Trung Quốc làm cho xuất cảng khó có thể duy trì tăng trưởng kinh tế của họ.

Trong khi đó thì các xí nghiệp quốc doanh của Trung Quốc tiếp tục làm ăn lỗ lã rất lớn. Thủ Tướng Zhu Rongji đã nói rằng 40 % tổng số các xí nghiệp quốc doanh ở TQ hiện nay lỗ vốn vì quá dư thừa công suất. Ngân hàng Thế giới thì cho tỷ lệ là độ 50 % ; còn nhiều nhà phân tích cho rằng tỷ lệ còn cao hơn nữa.[11] Dư thừa công suất cũng cho biết rằng tiền cho vay mượn đã tăng vọt quá lớn. Số nợ chưa trả được ở cơ sở tài chính tăng từ 190 tỷ nhân dân tệ năm 1978 đến 75 ngàn tỷ năm 1997. Tính theo phần trăm của tổng sản lượng quốc nội (GDP) thì số nợ chưa trả được tăng từ 53 % năm 1978 đến 100 % năm 1997. Số lượng cho vay ở TQ đã tăng với tốc độ mau bằng ở Nam Hàn và Thái Lan trước cuộc khủng hoảng xảy ra năm 1997. Người ta có thể thấy sự tăng vọt quá lớn của nợ vay nầy qua các tờ quyết toán của các xí nghiệp quốc doanh, tức là những con nợ chính của các ngân hàng. Năm 1978 những tờ quyết toán cho thấy là tỷ lệ bên nợ bên có (debt-to-equity) chỉ độ 10 %, hay là khoảng một phần tư hay một phần năm tỷ lệ của các xí nghiệp ở các nước có nền kinh tế thị trường. Đến năm 1995, vì các xí nghiệp quốc doanh ở TQ đã mượn quá nhiều tiền, tỷ lệ bên nợ bên có của hết tất cả các xí nghiệp và doanh nghiệp quốc doanh ở TQ đã cao hơn 500 %. Một nhà nghiên cứu Mỹ kết luận :

Sự thay đổi này có nghĩa là nhiều xí nghiệp quốc doanh của Trung Quốc đã phá sản, trong đó có một số không có thể trả chi phí sản xuất với thu nhập của mình. Vì đã nợ quá lớn, càng ngày càng nhiều xí nhiệp sẽ không trả được nợ khi nền kinh tế chậm lại, do đó gây tác hại thêm cho tình trạng tài chính yếu ớt sẵn có của các ngân hàng.[12]

Sau 20 năm đổi mới các nhà lãnh đạo Trung Quốc hiện nay đang bước vào thiên kỷ mới với những mâu thuẫn khó giải quyết. Những mục tiêu ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế liên tục v.v... trong khi vẫn duy trì chế độ chính trị và kinh tế hiện nay không có thể tiếp tục mãi được. Phô trương sức mạnh quân sự và vũ khí chỉ có thể làm cho nhân dân quên chú trọng vào các vấn đề khó khăn căn bản trong chốc lát, nhưng nó có thể gây những tác hại lâu dài không có thể lường được, nhất là trong liên hệ với các nước láng giềng trong giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay *(còn tiếp)*.

Ngô Vĩnh Long

(Giáo sư Trường đại học Maine)

---

(1) Erik Eckholm, " With Pomp and Precision, China's Military Marks 50 Years of Communism, " *The New York Times*, Ngày 2 tháng 10 năm 1999.

(2) Để biết thêm chi tiết về cuốn sách nầy cũng như tình hình xã hội, kinh tế, và chính trị ở Trung Quốc trong 10 năm qua xin xem: Ngô Vĩnh Long, " China: Ten Years After the Tiananmen Crackdown, " *New Political Science*, Volume 21, Number 4, 1999, trang 463-473.

(3) Erik Eckholm, " Not (yet) gone the way of Asia, " *New York Times*, ngày 15 tháng 11 năm 1999; Maggie Farley, " Building boom in China blocks market reforms, " *Los Angeles Times*, ngày 1 tháng 11 năm 1999.

(4) *Far Eastern Economic Review*, ngày 27 tháng 5 năm 1999, trang 12-13; The New York Times, ngày 17 tháng 6 năm 1999.

(5) *Far Eastern Economic Review*, ngày 18 tháng 3 năm 1999, trang 26.

(6) " Excising the Cancer, " *Far Eastern Economic Review*, ngày 8 tháng 8 năm 1998, trang 10-14. Đây là một bài có nhiều chi tiết về vấn đề tham nhũng ở Trung Quốc.

(7) Jiang Zemin, *Advancing Rural Reform in an All-Around Manner and Opening Up a New Situation of China's Agricultural and Rural Work*, bài do Xinhua truyền thanh ngày 5 tháng 10 năm 1998. In trong FBIS, DR/CHI, ngày 5 tháng 10 năm 1998 (98-278).

(8) *Decisions of the CCP Central Committee on Several Major Issues Concerning Agriculture and Rural Work*, như trên, ngày 18 tháng 10 năm 1998. In trong FBIS, DR/CHI, ngày 20 tháng 10 năm 1998 (98-293).

(9) Hai bản tin sau đây cho vài ví dụ điển hình : " Chinese Police Arrest Professor, " *AP*, ngày 14 tháng 6 năm 1999 ; "China Crackdown Continues," *AP*, ngày 17 tháng 7 năm 1999.

(10) Tỷ lệ tăng trưởng GDP là 14,2 % năm 1992, 13,5 % năm 1993, 12,6 % năm 1994, 10,5 % năm 1995, 9,6 % năm 1996 và 8,8 % năm 1997.

(11) Neil C.Hughes, " Smashing the Iron Rice Bowl," *Foreign Affairs*, tháng 7 và 8 năm 1998, trang 70-73.

(12) Nicholas R. Lardy, " China and the Asian Contagion," Foreign Affairs, như trên, trang 80-81.

Nghĩ lúc giao thừa thiên kỷ

Vịnh Khai

0. Cái ta nào ?

Khó mà nghĩ đến một đời người vào lúc giao thừa giữa hai thế kỷ, càng khó hơn bên cột mốc của nghìn năm. Bởi đời một con người lọt thỏm trong vòng một thế kỷ, càng vô nghĩa hơn với cả ngàn năm. Cũng khó mà nghĩ đến những thiên hà xa xôi, bởi lịch sử của mối liên hệ giữa ta và chúng phải tính bằng hàng triệu hàng tỉ năm chứ không thể chỉ bằng vài ba thiên kỷ.

Bên cột mốc giữa hai thiên kỷ, cái ta đắm mình trong thời gian ở độ một đôi ngàn năm. Sự hiện diện (mà ý thức có thể quên nhưng vô thức khó lòng bỏ qua) của ta và của thời gian cỡ thiên kỷ dễ làm ta nghĩ đến một cái ta lớn hơn, một cái ta có thể trường tồn tới hàng nghìn năm lận.

Với tôi, cái ta nghìn năm ấy không phải gia đình, bởi tôi chẳng biết cụ kỵ tôi là ai trước đây vài trăm năm, cũng không phải toàn thể loài người, bởi lịch sử loài người dài đến cỡ trăm nghìn năm lận. Cái ta nghìn năm của tôi có thể là " thế giới ", mà lịch sử bắt đầu từ lúc đầu tiên xuất hiện văn minh. Nhưng cái ta nghìn năm của tôi trước hết là cái ta gần tôi nhất với lịch sử cỡ ngàn năm. Tôi sẽ chỉ lựa chọn " thế giới " nếu tôi không tìm ra được tộc-người-nghìn-năm-lịch-sử của tôi.

Với tôi, một " người Việt ", tìm ra cái ta nghìn năm của mình thật dễ dàng, nó là " người Việt " hoặc " Việt Nam ". Bởi trong mắt tôi, tộc tính Việt Nam đã bắt đầu hình thành từ hai ba ngàn năm trước và " người Việt " là cộng đồng mật thiết nhất đủ sức mang chở bản ngã của tôi vượt những thiên kỷ. Ở một hoàn cảnh khác, tôi sẽ có một đáp số khác. Tôi sẽ nghĩ về " thế giới " hoặc sẽ bó hẹp tầm nghĩ trong vài thế kỷ nếu tôi tự coi mình là một " người Mỹ ". Nếu là một người Âu, tôi sẽ ít nghĩ về dân tộc của mình như " người Pháp ", " người Đức " hơn là về một cộng đồng rộng lớn hơn mà tôi ưa gọi là " người Âu ". Tôi sẽ phân vân không biết nghĩ về đâu, về sắc tộc Hutu hoặc Tutsi của mình, về " người Rwanda " hay về một cộng đồng Phi châu nào đó có lẽ chỉ chung nhau màu da đen, khu vực địa lý và một số phận nhược tiểu trên địa cầu, nếu tôi là một công dân Rwanda. Có lẽ tôi sẽ nghĩ về thế giới chăng, bởi chỉ thế giới mới có cả ngàn năm lịch sử, nhưng thế giới, tức trung tâm thế giới, lại quá xa Rwanda. Và tôi cứ phải phân vân. Tôi cũng sẽ phân vân nếu tôi sống ở Quảng Châu vào thế kỷ 10 và giả sử rằng tôi đang đón giao thừa giữa hai thiên kỷ. Thiên hạ với tôi là văn minh cai trị man di. Nhưng thiên hạ với tôi cũng là Việt (tức Quảng Đông) với Mân (tức Phúc Kiến) với Sở (tức Hồ Nam) với trung nguyên, vân vân, thảy đều đã có tự ngàn năm nay cả. Tôi sẽ nghĩ về Nam Việt trước hay nghĩ về Trung Quốc trước ? Đâu đã, đâu đang và đâu sẽ là tộc người của tôi ? Tuy tôi có thể mường tượng cho cái ta nối dài của mình quá khứ, hiện tại và tương lai riêng biệt, nhưng ao ước về tính liên tục trong thời gian cuối cùng vẫn thắng thế.

1. Ta từ đâu đến ?

Khi ta sinh ra, có những điều ta không thể thay đổi được nữa. Ngoài một bộ gien cha mẹ di truyền cho, sẽ quyết định các đặc tính và xu hướng sinh học của ta, còn cả một (hoặc một bộ) chữ ***là*** nhân chủng - xã hội nữa, cái bắt ta thuộc về một (hoặc vài) tộc người, một cộng đồng huyết thống - văn hóa nào đó. Chữ ***là*** nhân chủng - xã hội ấy có thể lúc này lúc khác không quan trọng đối với ta nhưng nó là một trong những bản ngã mà ta không thể đổi thay được, không thể tẩy xoá được. Nó là máu thịt là xương tuỷ ta, lúc theo nghĩa đen khi theo nghĩa bóng, dù ta có quan tâm đến nó hay không. Nhưng nó không nhất thiết quả thực là gien di truyền. Nó cũng không chỉ và không hoàn toàn là thang giá trị, hệ ý nghĩa, quan niệm chung hay lối sống. Nó là tổ hợp của cả huyết thống lẫn văn hoá, nhưng không phải tổ hợp tất cả của cả hai. Một tộc người có thể bắt đầu hình thành vì cùng chia sẻ một tín ngưỡng, một quốc tịch, một đẳng cấp, một vùng cư trú, hay bất kể một cái gì khác. Nhưng cái hệ quả cho ta nhận ra đó là một tộc người, đồng thời cũng là chất keo căn cốt dính kết các thành viên trong tộc người đó với nhau, là mối nhằng nhịt các quan hệ huyết thống trong lòng tộc người này và ranh giới mà ý thức định ra giữa tộc người này với tộc người khác. Mối nhằng nhịt các quan hệ huyết thống không có nghĩa là mọi thành viên trong cộng đồng tộc người đều phải có máu mủ với nhau. Vả chăng, quan hệ huyết thống trước hết là một quan hệ xã hội chạy dọc theo thể chế gia đình, chứ không nhất thiết phải dựa trên cơ sở di truyền sinh học. Ranh giới mà ý thức định ra không nhất thiết trùng với ranh giới của *gene pool*, cũng không nhất thiết được tự nguyện chấp nhận mà là kết quả nhiều khi có tính cưỡng ép của mối quan hệ liên tộc trong đó yếu tố nhận thức đóng vai trò then chốt. Tộc tính, nhìn từ một góc độ khác, là nấc thang truyền dẫn giữa gia đình và nhân loại.

Ta có thể coi trọng tôn giáo, hệ giá trị, lối sống, quốc tịch hay địa vị xã hội hơn huyết thống ; nhưng tôn giáo, quốc tịch hay địa vị xã hội đều có thể thay đổi được trong một đời người, trong khi chữ ***là*** nhân chủng - xã hội kia, ta chỉ có thể thay đổi hộ con cháu ta mà không thể tự thay đổi cho chính mình. Chữ ***là*** ấy chỉ có thể thay đổi thông qua hàng thế hệ, và ta có thể giúp nó biến đổi bằng cách sống giữa chốn khác tộc hoặc kết hôn với người tộc khác, để cho con cháu ta có cơ hội lựa chọn hoặc tổng hợp.

Nhưng huyết thống không phải lúc nào cũng quan trọng, nó chỉ là cái lúc nào cũng trội vượt mà thôi. Huyết thống trội vượt so với các bản ngã thuần xã hội, không có quy chiếu sinh học khác ở chỗ, dù muốn dù không, nó ở trong ta suốt cuộc đời, ta chẳng thể chối bỏ nó, chỉ có thể tạm quên nó đi. Huyết thống cũng vượt trội hơn giới tính, một nguồn bản ngã cùng có quy chiếu sinh học, bởi số cộng đồng huyết thống trên thế gian đủ nhiều để khỏi nhàm chán như chỉ hai giới tính mà thôi. Huyết thống còn trội vượt ở chỗ, nó giúp ta trả lời một câu hỏi căn cốt : " Ta đến từ đâu ? ". Và huyết thống trở nên đặc biệt quan trọng khi ta bận tâm tới câu hỏi về nguồn cội của thân xác mình. Các cộng đồng huyết thống, bất kể hình thành vì lý

do gì, sẽ là những chốn hội tụ cho suy nghĩ của ta, khi ta đi tìm câu trả lời về nguồn gốc cái ta bằng xương bằng thịt của mình.

Song trong đời sống xã hội, huyết thống không còn là phả hệ sinh học nữa mà đã trở thành kiến tạo xã hội. Nó là cái ta tưởng là giòng gien của ta nhưng không nhất thiết quả thực là như vậy. Nhiều khi, nó là một giòng văn hoá làm ra vẻ như giòng huyết thống. Thành thử, huyết thống thật ra chỉ là cái cớ, một cái cớ không thể thiếu được để cho tộc tính chiếm vị trí then chốt giữa hai đơn vị cộng sinh căn bản là gia đình và loài người. Tộc tính là một kiến tạo xã hội, một hiện tượng văn hoá làm như một cộng đồng huyết thống. Để có được sức cố kết bền vững cả thiên kỷ, một cộng đồng người, dù xây dựng trên cơ sở nào, đều phải đồng thời hoặc trở thành một tộc tính.

Một tộc người không phải là tập hợp mà mọi thành viên đều có chung một cụ tổ. Cái chung mà mọi thành viên trong tộc người cùng chia sẻ, trên thực tế không nhất thiết và ít khi là một mối, mà nói chung và nhiều khi là một mạng quan hệ. Không có một sợi dây duy nhất gắn kết mọi người Việt lại với nhau, mà có một mạng lưới của những mối dây nhợ huyết thống, số phận, tình cảm, văn hoá, truyền thông nối người nọ với người kia chằng chịt nên một tộc tính mà ta gọi là Việt. Và lịch sử tộc Việt là câu chuyện về cái ta ngàn năm của thân xác tôi.

" Ta từ đâu đến ? " Hiểu biết của chính người Việt về nguồn cội của mình biến đổi qua các thế kỷ. Hơn nữa, cái biết đó không " vô tư ". Bởi câu hỏi " Ta từ đâu đến ? " được hối thúc từ một câu hỏi khác : " Ta là ai ? " Ta sẽ không quan tâm ta đến từ đâu nếu ta không cần biết ta là ai. Và bởi ta phải trả lời câu hỏi " Ta đến từ đâu " vì câu hỏi " Ta là ai " nên câu trả lời về cội nguồn của ta phải tương thích với quan niệm về chỗ đứng của ta bây giờ. Ta sẽ chưa thoả mãn chừng nào lời đáp cho câu hỏi " Ta từ đâu đến " đối chọi với lợi ích của ta trong hiện tại.

Vào thế kỷ 15, Ngô Sĩ Liên mở thêm phần Ngoại kỷ trong pho sử chính thống của nước Đại Việt để chép lại câu chuyện nguồn gốc người Việt. Câu chuyện đã lưu truyền từ lâu trong dân gian nhưng nhà viết sử dựng lại cho hợp lý, cái lý riêng của Nho gia xứ Đại Việt thời bấy giờ. Theo đó thì người Nam (tức Việt) và người Bắc (tức Hán) cùng chung một tổ tiên xa, gốc rễ dài ngang nhau, chỉ khác nhau ở chỗ mỗi bên theo một nhánh, do đất Nam đất Bắc cách xa. Câu chuyện nguồn gốc ấy, còn gọi " chuyện Hồng Bàng ", ứng hợp với quan niệm bấy giờ của giới nhà Nho nước Việt về tôn ti trong thiên hạ, tức trật tự trên thế giới. Thế giới mà nước Đại Việt nằm trong, theo giới sĩ phu Việt bấy giờ, quy về hai tâm Nam Bắc vai vế tương đương, khác về thể hiện nhưng cùng sẻ chia một cốt lõi là văn minh. Hãy nghe Nguyễn Trãi, gần thời với Ngô Sĩ Liên, nhân danh Lê Lợi, vị bá chủ mới của nước Nam đọc ***Bình Ngô Đại Cáo*** tuyên ngôn với thiên hạ :

" *Như nước Đại Việt ta,*
thực là xứ văn hiến.
Núi sông bờ cõi đã chia,
phong tục Bắc Nam cũng khác.
Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời xây dựng nước,
cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên đế một phương.
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
nhưng hào kiệt không bao giờ thiếu."

Thắng lợi cuộc " bình Ngô " càng khiến các sĩ phu Đại Việt thế kỷ 15 tin rằng họ có thể và cần phải trở thành một trung tâm thiên hạ. Với Nguyễn Trãi cũng như Ngô Sĩ Liên, nước Việt là một trung tâm bằng vai phải lứa với nước Minh trong một thế giới lưỡng cực. Và truyền thuyết Tiên Rồng trong dân gian được nhà viết sử soạn lại cho hợp với cái mô hình thế giới lưỡng cực ấy. Có thể câu chuyện Hồng Bàng đã phổ biến từ thời Lý, thời có Lý Thường Kiệt khẳng định " sông núi nước Nam vua Nam ở, rành rành định phận tại Sách Trời ", và nhà viết sử thế kỷ 15 đã không phải nhọc công lắm để " hợp lý hoá " những gì quá khứ để lại.

Vào thế kỷ 20, thế giới mà người Việt được biết đã khác xưa nhiều rồi. Nó có nước tây nước tàu và còn biết bao nước khác nữa ngoài nước ta. Trong bối cảnh ấy, câu chuyện Hồng Bàng của Ngô Sĩ Liên dễ hàm một ý nghĩa khác. Nếu trong thế giới được biết đến bởi người Việt thế kỷ 15, chuyện Hồng Bàng gợi ý nghĩ Ta và Ngô cùng nhau rạch đôi thiên hạ thì trong thế giới được biết bởi người Việt thế kỷ 20, câu chuyện trong Đại Việt Sử ký Toàn thư lại dễ đẩy người ta tới ý tưởng về một tảng nền chung, cội rễ chung giữa Việt Nam và Trung Hoa, làm nhạt cái riêng của Ta giữa thiên hạ. Nếu ở Đại Việt thế kỷ 15, nguồn gốc chung của Ta và Ngô trong câu chuyện Hồng Bàng cho ta mối liên hệ huyết thống với văn minh, bởi văn minh bắt nguồn từ Trung Quốc, thì ở Việt Nam thế kỷ 20, cái nguồn gốc chung ấy chỉ dễ tạo cớ cho Trung Hoa thôn tính Việt Nam, bởi văn minh bây giờ không còn bắt nguồn từ Trung Hoa nữa, liên hệ với Trung Hoa giờ đây là một món nợ chứ không phải của hồi môn.

Vì thế, nhà chính trị và nhà viết sử Việt Nam thế kỷ 20, bị hối thúc bởi tình cảnh Việt Nam mới và bị hối thúc bởi nhau, hứng thú với những phát hiện của khoa học khảo cổ về nền văn minh Đông Sơn trước Hán hoá, đã dựng lại và truyền bá một câu chuyện mới về cội nguồn tộc Việt. " Người Việt " không còn chung tổ tiên với người Hán nữa. " Người Việt " có một quá khứ cũng xa xưa và rực rỡ xấp xỉ " người Hán ", đó là nền văn minh Đông Sơn của các " vua Hùng ", nhưng điều cũng hệ trọng không kém là văn minh Đông Sơn có gốc gác riêng, không chung chạ gì với văn minh Trung Hoa.

Sự thực thì người Việt ngày nay vừa là giòng dõi những cư dân mang văn hoá Đông Sơn, vừa là hậu duệ những di dân từ Trung Hoa, và cũng là con cháu của nhiều thổ dân và di dân khác dọc bờ đông bán đảo Đông Dương. Khó mà nói phần máu mủ nào hoàn toàn trội vượt. Đặc điểm nhân chủng người Việt ngày nay đậm chất Mongoloid và gần với người Trung Hoa phương nam hơn những cư dân mang nhiều chất Indonesian thời " Hùng vương ". Tiếng Việt phản ánh một phần tính hợp chủng đa tạp của người Việt. Nó có một hệ từ vựng lõi Môn-Khme, một ngữ pháp Thái, một vốn từ Hán chiếm tới hơn 2/3 tổng vốn từ. Chắc chắn trong số người Việt ngày nay, còn biết bao người mà tổ tiên là Chăm, Khme, Mã Lai, Ấn, Pháp, Mỹ, v.v.

Nhưng cái sự thực đa chủng hỗn tạp ấy không hoặc chưa phục vụ cho cái quan niệm về trật tự thế giới mà giới ưu tú Việt Nam hôm nay hướng tới cho nên nó không được nhấn mạnh và tuyên truyền ồn ào. Trật tự thế giới mà giới élite Việt Nam hôm nay hướng tới không phải là một mô hình cho toàn cầu mà chỉ là một giải pháp cho vấn đề Trung Quốc của Việt Nam. Chừng nào " món nợ Trung Hoa " chưa được giải quyết thì chừng đó giới ưu tú Việt Nam chưa thể có được một viễn tượng toàn cầu.

Lịch sử để lại cho các thế hệ hôm nay một ý thức Việt được quy chiếu về Trung Quốc. Đúng ra phải gọi đó là " ý thức Nam ". Thức này khởi từ Triệu Đà, vua nước Nam Việt, truyền qua Lý Bí, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên tới với chúng ta ngày nay. Ý thức đó không có vấn đề trong một thế giới chỉ có " Bắc " và " Nam ", " Ta " với " Ngô " là hai thế lực bá chủ trong thiên hạ. Trong một hệ thống nhị nguyên, cái này quy chiếu về cái kia là điều không tránh khỏi. Nhưng ý thức đó cộm lên thành chuyện khi không chỉ có Việt và Hoa trên thế gian này, nhất là, khi Hoa đã mất đi địa vị nơi toả sáng của văn minh. Ý thức Nam, đã làm nên những chống chọi quật cường với đế quốc phương Bắc trong 20 thế kỷ, thì nay lại bó buộc viễn kiến và bận tâm của một dân tộc đã " đánh tan hai đế quốc to " đến từ trời tây.

2. Ta đang ở đâu ?

Nhà viết sử Hà Nội, sau khi dứt được ông vua Hùng ra khỏi gia phả phương Bắc, bắt đầu kiến tạo một ý thức mới. Văn minh Đông Sơn của dân các vua Hùng cũng là nền văn minh chung cho toàn Đông Nam Á thời cổ, khi chưa chịu ảnh hưởng cả Ấn Độ lẫn Trung Hoa. Việt Nam đã sinh ra trong lòng Đông Nam Á. Dường như đến đời các vua Lý Trần vẫn còn ý thức được điều này. Chỉ từ thời Lê Nguyễn trở đi, vì chế độ Nho giáo độc tôn và thói lười nghĩ của tầng lớp Nho sĩ mà ta đánh mất ta để chạy theo mô hình phương Bắc. (Quan điểm này đã thấm vào tôi, mà người dẫn dắt tôi tới chỗ hình thành cái nhìn ấy là sử gia tài hoa Trần Quốc Vượng).

Điều đáng ngạc nhiên là câu chuyện " Việt Nam trong lòng Đông Nam Á " không được chính quyền làm rầm rộ cho đúng cách lễ ra họ thường làm, tương xứng với vai trò đáng lẽ phải có của nó khi Việt Nam đã gia nhập Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), hoà mình trong viễn tượng Vùng Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA). Ta vẫn chưa rõ ta đang ở đâu. Nói cho đúng hơn, ta vẫn chưa biết ta nên ở đâu.

Hành động nhập vào ASEAN không phải để lấy lại bản ngã Đông Nam Á " đích thực " của người Việt mà " chỉ " là một cách giải quyết vấn đề Trung Quốc của Việt Nam. Có nội dung kinh tế trong đó. Nhưng bận tâm hàng đầu vẫn là an ninh. Việt Nam gia nhập ASEAN là cách giải một bài toán an ninh như một mũi tên nhắm hai ba mục đích.

Song vấn đề Trung Quốc, với Việt Nam, không chỉ đơn thuần là một bài toán an ninh. Còn là chuyện văn minh nữa. Sâu vào thế kỷ 20 này, kẻ thức giả nước Nam, dù học Tây, Nga, Mỹ, vẫn đinh ninh một niềm tin " Ta thuộc văn minh Á Đông ", mà Á Đông ở đây được hiểu có trung tâm ở nước Tàu. Đông Nam Á của những Thái Lan, Mã Lai, Indonesia, nếu có thuộc " văn minh Á Đông " đi chăng thì cũng chỉ là thứ ngoài rìa, còn ngoài rìa hơn Việt Nam. Ta là dân cầm đũa ăn nước mắm nhưng đa số dân ta chỉ biết Ta chung văn hóa cầm đũa với Tàu mà không rõ ta chung văn hoá nước mắm với ai, nếu không cũng với Tàu thì tuồng như không với ai cả. Ý thức Nam vẫn còn đậm lắm. Trong 20 thế kỷ, Việt Nam chỉ biết hướng tới Trung Quốc để tự khẳng định mình cũng là một nước-ở-giữa-thiên-hạ (tiếng Hán : *trung quốc*). Vấn đề Trung Quốc của Việt Nam, ấy là bài toán an ninh xoắn quyện với bài toán văn minh.

Xu hướng tổng quát của 20 thế kỷ trước : Ly tâm Trung Quốc về an ninh, hướng tâm Trung Quốc về văn minh. Xu hướng này có phải là tất yếu theo nghĩa không còn lựa chọn nào khác hay chăng ? Trái với đinh ninh của nhiều người, câu trả lời là không. Người Chămpa, láng giềng thật gần của người Đại Việt, cũng tiếp xúc rất sớm với văn minh Hán, nhưng cũng sớm ngoảnh mặt đi nơi khác. Trước theo đạo Bàlamôn (từ Ấn Độ), sau theo đạo Hồi (từ Arập), dù buôn bán với Trung Hoa có khi còn vượt cả Đại Việt. Có một lời cãi, chủ yếu dựa trên cảm giác thoạt nhìn : " Chămpa cuối cùng đã bị Đại Việt thôn tính, đó là minh chứng hùng hồn cho tính ưu việt của mô hình Trung Hoa." Phải chăng nước Việt ngày nay tích hợp trong mình cả Âu Lạc lẫn Chămpa và Phù Nam xưa là minh chứng cho tính hơn hẳn của mô hình Trung Quốc so với các mô hình Ấn Độ hoặc Đông Nam Á cổ, ít nhất trong điều kiện lịch sử của các thế kỷ đã qua ? Câu hỏi này không dễ gì trả lời và bài viết này cũng không liều khẳng định đâu là chân lý. Tuy vậy, có hai lý do lớn để không a dua theo cảm tưởng ban đầu. Yếu tố địa lý khác biệt và dân số chênh lệch giữa Việt và Chăm là hai điều kiện không thể coi nhẹ. Hai yếu tố này không liên quan gì đến " mô hình Trung Hoa ". Mặt khác, cuộc Nam tiến thực sự khẩn trương và hiệu quả trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh và được thực hiện do các chúa Nguyễn, một chính quyền ít nhuốm màu Trung Hoa hơn chế độ chúa Trịnh. Yếu tố trung ương tập quyền, nếu coi đây là một nét đặc sắc Trung Hoa so với tính đa tâm của các mô hình Ấn và Đông Nam Á, rõ ràng không phải một bí quyết thành công của Việt nuốt Chăm. Chắc chắn mô hình Trung Hoa đã có nhiều hỗ trợ cho cuộc Nam tiến của người Việt, song không chắc đã là điều kiện then chốt.

Mặt khác, mô hình Trung Hoa phải chăng là nguyên nhân chính làm nước Đại Nam rơi vào vòng thuộc địa Pháp ? Câu hỏi này cũng hắc búa ngang câu hỏi trên kia. Ở đây, một lần nữa, cảm giác thoạt đầu muốn khẳng định nhưng cũng lại có những lý do lớn để hoài nghi cảm tưởng của cái nhìn đầu tiên. Rất nhiều cường quốc khu vực cũng bị thực dân Tây phương chiếm làm thuộc địa chứ không riêng gì các nước " Hán hoá ". Nước duy nhất ngoài châu Âu chẳng những không bị các đế quốc Tây phương lôi vào vòng kiểm soát mà còn tự mình vươn lên thành một cường quốc hiện đại thì lại là nước thấm nhuần văn minh Trung Hoa : Nhật Bản.

" Vấn đề Trung Quốc " xem ra thật khó giải đáp. Song có nhất thiết phải giải quyết " vấn đề Trung Quốc " hay không ?

(còn tiếp)

Vịnh Khai

trích hồi ký **Phùng Quán**

NGƯỜI BẠN LÍNH CÙNG MỘT TIỂU ĐỘI

LTS – Phùng Quán đã từ trần ngày 22 tháng 1 năm 1995. Nhân ngày giỗ lần thứ năm của nhà văn, chúng tôi xin trích đăng phần đầu một chương hồi ký mà tác giả viết khoảng 1991-92. Chương này kể lại những kỉ niệm về Tuân Nguyễn, người bạn cùng tiểu đội của ông. Phùng Quán bị đánh thời Nhân văn (56-58), Tuân Nguyễn bị đánh năm 64, trước cả " vụ xét lại ". Đây vừa là một chứng từ chân thực, vừa là một áng văn đầy ắp tình người. DĐ cảm ơn Thông điệp xanh đã vui lòng cho phép đăng lại chương hồi ký này.

Vào những năm đầu của thập kỷ sáu mươi (1960), trên các mặt báo trung ương và địa phương các trang thơ tràn ngập đề tài sản xuất, chiến đấu, ca ngợi các hợp tác xã điển hình, các nông trường, các nhà máy, hầm mỏ tiên tiến, nào " *sóng Duyên Hải, gió Đại Phong* ", nào gương người tốt việc tốt, tố cáo tội ác Mỹ Diệm..., thôi thì đủ thứ.

Bỗng dưng, trên một trang thơ tuần báo *Văn Nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam xuất hiện một bài thơ tứ tuyệt, nhan đề : *Nghe nhạc Strauss*.Tên tác giả lạ hoắc : **Tuân Nguyễn**.

Đã hơn ba mươi năm trôi qua kể từ ngày ấy, nhưng bài thơ nọ vẫn đọng lại tinh khôi trong trí nhớ của tôi.

Sóng sông Hồng bồng xanh màu Danube
Nhạc bồng bềnh trôi tới các vì sao...
Trời lung linh khẽ chao mình theo nhịp
Những người nước lạ phải lòng nhau...

Đề tài và nội dung bài thơ lạc lõng giữa biển thơ-hiện-thực sục sôi, nóng bỏng, thơ-minh-họa cho cuộc đấu tranh giai cấp " *long trời lở đất* ", khẳng định con đường " *ai thắng ai* ".

Như thể tự thấy mình chẳng giống ai, bài thơ đã tứ tuyệt rồi mà vẫn còn nép mình ở góc cuối trang báo, khiêm nhường, nhỏ thó với vẻ ngơ ngác, lo lắng, nhìn lên những bài thơ bốc lửa, hừng hực khí thế đấu tranh, sang sảng lạc quan cách mạng của những tên tuổi thời thượng...

Có điều lạ là ngay sau khi xuất hiện, bài thơ nhỏ bé nọ lập tức nổi tiếng, được nhiều độc giả mến mộ thơ ngày đó nhắc nhở, truyền tụng ; nhiều đôi trai gái chép vào sổ tay tặng nhau...

📖

Mùa hè năm 1950. Trảng cát Phong Chương bắc Thừa Thiên bị rang bỏng dưới cái nắng như dội lửa. Gió Lào khô rát thổi tung cát thành những đám mây, phủ trùm lên một vùng cỏ cây cằn cỗi, nhuộm màu cháy xém.

Tôi lúc đó là tiểu đội trưởng một tiểu đội mũi nhọn trong đại đội chủ công trung đoàn quân chủ lực 101.

Tôi cùng tiểu đội dầm mình trong cát bỏng, gió Lào, mải mê luyện tập môn đánh bộc phá, chuẩn bị cho chiến dịch hè thu.

Tiểu đội tôi trẻ nhất đại đội, toàn những chàng trai 17, 18, 19... Tôi đang làm thị phạm động tác ôm thủ pháo chuẩn bị lao lên đột phá khẩu thì cậu Tiệm, liên lạc viên của đại đội, tay xách tiểu liên " Tuyn ", đầu đội mũ nan giắt đầy lá ngụy trang, chạy như ngựa tế băng qua những động cát, nhảy phóc qua những dãy xương rồng gai mặt nguyệt, chạy thẳng đến bãi tập. Tiệm đứng nghiêm, đưa tay lên vành mũ chào, vừa nói, vừa thở : " *Báo cáo tiểu đội trưởng ! Đại đội trưởng triệu tập đồng chí về ngay đại đội bộ ! Hết !* "

Tôi giao tiểu đội lại cho tiểu đội phó tiếp tục khoa mục tập. Khoác lên vai khẩu tiểu liên " Mát " tôi hộc tốc chạy theo Tiệm về đại đội bộ. Tôi đoán chừng đại đội trưởng điều động tiểu đội tôi đi phối hợp chiến đấu với một đơn vị nào đó.

📖

Đại đội trưởng chỉ hơn tôi ba bốn tuổi, cũng trẻ măng, nhưng đã được tặng thưởng huân chương Quân công. Anh đang ngồi trước bộ tràng kỷ bằng tre. Trên bàn một siêu nước lá vàng và mấy cái bát sành. Ngồi đối diện với anh là một thanh niên trạc tuổi tôi, dáng dấp học trò, tóc chải ốp, áo sơ mi màu trứng sáo, quần tây xám, chân dận dép săng đan da. Anh ta đeo kính trắng, cái miệng thật rộng và thật tươi.

– Báo cáo Đại đội trưởng ! Tiểu đội trưởng Quán có mặt !

Đại đội trưởng chỉ chiếc ghế tre chỗ cạnh anh, nói :

– Quán ngồi xuống đây.

Anh rót cho tôi một bát nước lá vàng đắng ngắt vị bộc phá.

Chờ tôi uống cạn bát nước và kéo vạt áo quân phục sũng mồ hôi lau gương mặt sạm đen, đầy bụi cát, anh giới thiệu một thanh niên lạ mặt ngồi đối diện :

– Đồng chí Nguyễn Tuân đây hoạt động trong phong trào học sinh kháng chiến nội thành. Tuân học trường Providence, đỗ tú tài toán. Vừa rồi, sau vụ học sinh bãi khoá, Tuân bị lộ. Thị ủy Huế bố trí cho Tuân theo đường dây lên chiến khu. Nguyện vọng của Tuân là được gia nhập quân đội. Trung đoàn tiếp nhận, bố trí đồng chí ấy làm việc tại phòng Chính trị. Nhưng Tuân lại tha thiết muốn được cầm súng chiến đấu. Trên cử đồng chí ấy về đại đội ta. Tôi đã trao đổi với chính trị viên. Chúng tôi quyết định : Tuân sẽ về tiểu đội của Quán. Qua thư giới thiệu của Phòng chính trị trung đoàn, thì Tuân giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh, biết cả chữ Hán, lại có khả năng sáng tác văn thơ... Chúng tôi nghĩ hai đồng chí cùng trạc lứa tuổi, lại cùng thích văn thơ, chắc sẽ hợp nhau...

📖

Tôi đăm đăm nhìn người đội viên mới của tiểu đội mình. Ý nghĩ đầu tiên là cậu ta quá thư sinh, đã thế dáng dấp lại còm nhom, hai cánh trần nom như hai ống quyển, và hai cẳng chân chắc cũng không to hơn. Thế mà hành trang một người lính trận thì nào súng, cơ số đạn, lựu đạn, bộc phá, ruột tượng gạo, ống muối, ba lô... Khi cần tuýt một tiếng còi chỉ huy, tất cả phải nằm gọn trên lưng, trên vai, quanh thắt lưng chỉ trong vòng ba phút. Và phải lên đường hành quân bất kể ngày đêm, bất kể sấm chớp, mưa bão, lửa đạn...Tự nhiên tôi đâm giận hắn. Chắc khi ngồi mài đũng quần trên ghế nhà trường, cậu ta say sưa đọc câu thơ " *Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa* ", mơ mộng thấy đời lính trận mê ly lắm. Chỉ cần mấy hôm thôi, cậu ta sẽ thấm đòn thế nào là " *phai bạc áo hào hoa* ". Sao hắn

ta không ở lại trung đoàn bộ làm lính văn phòng có hơn không ?

" *Đồng chí Quán vào Vệ Quốc Đoàn từ trước ngày Huế nổ súng* – lời giới thiệu của Đại đội trưởng về tôi cho Tuân nghe cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi – *Quán đã tham gia chiến đấu ở mặt trận Huế, rồi mặt trận phía Nam, đèo Phát Tượng, Truồi, Nong... Tuy cùng trạc lứa tuổi với đồng chí, nhưng Quán là cựu binh của Trung đoàn, giãi dầu trận mạc không thua chúng tôi đâu. Quán còn là cây văn nghệ quần chúng của đại đội. Chúng tôi mong hai cậu sẽ thân thiết nhau.*

Tôi và Tuân Nguyễn biết nhau từ đó.

Khi hai chúng tôi đã khá thân nhau, tôi thường đọc cho Tuân nghe thơ tôi làm. Những bài thơ tràng giang đại hải, sặc mùi lính tráng.

Một hôm, nhân bàn chuyện thơ, Tuân hỏi tôi :

– Này, cậu có biệt hiệu không ?

– Có chứ, tôi đáp. Lúc đầu mình lấy biệt hiệu là Lúa Xanh. Nhưng sau đó nghe nó thối thối làm sao ấy, nên bỏ. Đang cố rặn ra một biệt hiệu khác, nghe đỡ nặng mùi hơn, nhưng chưa ra... Khi mới tập tọng làm thơ, người ta ai cũng nghĩ rằng việc quan trọng đầu tiên là phải có một cái biệt hiệu thật kêu, kiểu như các thi sĩ nổi danh : Tản Đà, Kinh Kha, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, T.T.K.H., Hoàng Cầm...

Tuân nói :

– Mình cũng từng nghĩ vậy. Rồi thấy biệt hiệu, biệt hiếc, vô duyên ồm... Tên cha mẹ đặt cho thế nào cứ để nguyên nó thế ấy. Khốn nỗi, tên mình lại trùng với ông Nguyễn Tuân *Vang bóng một thời* quá nổi tiếng. Mình đành xoay ngược nó thành Tuân Nguyễn. Tuân Nguyễn ! Nghe cũng vô duyên, nhưng thôi, đành vậy.

– Cậu thấy thơ mình thế nào ? – tôi hồi hộp hỏi Tuân, trong bụng chờ được Tuân khen. Cả đại đội khen thơ mình, nhiều cậu còn chép để học thuộc đấy.

Tuân Nguyễn nhìn tôi qua tròng kính cận dầy cộp, chợt mỉm cười. Cái miệng Tuân cười thật rộng, thật tươi...

– Thơ của cậu, hai mươi câu đầu để giữ gìn trật tự, hai mươi câu cuối chuẩn bị cho người nghe vỗ tay, còn đoạn giữa là vè !...

Tôi không ngờ thơ của mình bị ông bạn mới " mạt sát " đến thế. Tôi đau quá, nổi sùng, chỉ muốn đạp cho hắn một đạp ! Nhưng tôi đã ghìm được, vì nhớ đến chức danh Tiểu đội trưởng của mình. Tiểu đội trưởng mà đạp đội viên vì thơ bị chê thì ê quá.

Nhưng Tuân hình như không để ý gì đến thái độ giận dỗi của tôi. Cậu ta đọc cho tôi nghe những bài thơ cậu ta làm, đủ các thể loại : tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú, lục bát, những bài thơ mỗi đoạn bốn câu ba vần... Mặc dầu tự ái một cây, tôi phải cay đắng nhận rằng bên cạnh những bài thơ ý tứ hàm súc, đầy nhạc điệu của Tuân, thơ tôi đúng là những bài vè tràng giang đại hải, không chối vào đâu được.

Từ đó đến nay đã hơn bốn mươi năm trôi qua, mỗi lần tôi đặt bút định viết một bài thơ, lời nhận xét vừa nghiêm khắc, vừa giễu cợt của Tuân lại vang vọng bên tai tôi, làm tôi chùn bút.

Một đêm ở chiến khu Câu Nhi, hai chúng tôi nằm trên sạp nứa, gác vế lên nhau, Tuân khuyên tôi :

– Cậu phải học luật thơ Đường làm cái vốn cơ bản, sau đó phát huy thành các thể thơ tự do, mới hy vọng thơ có thể khá lên được.

Tôi mộng ước được làm nhà thơ, tôi chấp nhận lời khuyên của Tuân. Tôi hạ quyết tâm phải học thành thục luật thơ Đường. Ban ngày tôi dạy Tuân các môn xạ kích, ném lựu đạn, đâm lê, đánh bộc phá... Đêm đến, bên bếp lửa bập bùng chiến khu, Tuân giảng dạy tôi luật bằng trắc, luật các vế đối, luật cấu trúc các thể loại thơ Đường : tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, ngũ ngôn... Tôi dùng mũi đinh nhọn ghi lời giảng dạy lên báng súng để lúc nào cũng có thể ôn lại được. Tôi tập làm thử một số bài thơ theo cách Tuân dạy. Nhưng làm xong tôi phải vo viên liệng ngay vô bếp, không dám đọc cho ai nghe. Trong nghề thơ, tôi tự ví mình như anh chàng ham trò đánh nhau nhưng chỉ quen dùng độc một môn " võ dân gian " là " đá củ đậu ", ba năm võ tàu không bằng một chầu đá củ đậu. Bây giờ tôi phải học đâm lê theo đúng quy tắc, một bước tiến, hai bước lùi... gạt trái, đâm phải... làm sao tiếp thu nổi.

Mỗi lần nghĩ về người đội viên mới của mình, lòng tôi lại thấy buồn vì ghen tài và đố kỵ : " *Hắn mới là người được trời sinh ra để làm thi sĩ. Tên tuổi hắn nay mai sẽ lẫy lừng trên thi đàn đất nước. Còn mình dù cố gắng đến hết đời cũng chỉ là một anh* 'văn nghệ quần chúng', *ca dao, hò, vè...*". Để dịu bớt đau khổ, tôi tự an ủi : " *Nhưng về mặt binh nghiệp mình sẽ hơn hắn. Khi hắn nổi danh về văn thơ, thì mình sẽ lên đến chức Sư đoàn trưởng. Vậy là huề* "!

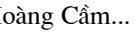

Những năm 1950, 1951, 1952 là những năm gian lao nhất của chiến trường Thừa Thiên. Những trận lụt bão chưa từng thấy cuốn phăng cả một làng ở bên Phá Tam Giang. Biển Thuận An nổi sóng thần, ném những thuyền đánh cá lớn lên bãi cát như ném cái vỏ trứng. Giặc Pháp hùa với thiên tai tổ chức những trận càn lớn, phối hợp cả thuỷ lục không quân, tăng pháo ; quyết xoá sổ trung đoàn 101 chúng tôi. Chúng tôi phải đánh những trận đẫm máu và tổn thất khá nặng nề.

Nhưng nỗi gian lao thường trực của chúng tôi chưa phải là lụt bão, bom đạn, mà là đói. Đói lả người. Đói mờ mắt. Có đận sáu tháng liền, chúng tôi phải ăn thứ gạo chôn dưới đất lâu ngày bị ngập lụt. Gạo mục, mũn, có mùi hôi thối như phân người ôi, mà muốn có thứ gạo mục thối đó, chúng tôi phải vượt qua những hệ thống đồn bót dày đặc, luồn sâu vào hậu địch, rình rập hàng trăm họng súng phục kích... Nhiều anh em chúng tôi bị giặc bắn gục trên đường đi lấy gạo. Nhiều ruột tượng gạo mang về đến đơn vị, xổ ra, đỏ lòm những máu, nhưng không thể bỏ đi. Chúng tôi tìm đủ cách để vuốt gạo cho sạch máu. Những hạt gạo mục xốp hút máu như giấy thấm. Chúng tôi ngâm gạo xuống suối, nhờ nước rửa máu. Ngâm suốt đêm, sáng vớt gạo lên vẫn có màu hồng hồng. Chúng tôi bưng bát cơm chan máu đồng đội, nhắm mắt nhắm mũi lùa vào miệng thật nhanh và nuốt chửng... Mỗi chén cơm chúng tôi trộn một phần tư chén ớt bột, loại ớt hiểm, cho dịu bớt vị tanh của máu...

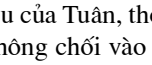

Từ ghế nhà trường, Tuân Nguyễn nhảy thẳng vào đơn vị tôi đúng thời điểm khốc liệt đó. Hôm đầu tiên, tôi còn nhớ như in, Tuân bưng bát cơm chan máu đồng đội lên ăn, mới và được hai miếng, anh nôn thốc nôn tháo. Tôi nói với Tuân : " *Cứ trộn thật nhiều ớt vô lùa thật nhanh, không nên chần chừ* ". Tuân ứa nước mắt nói : " *Nhưng mình không quen ăn vậy... Mình chỉ sợ anh em cho mình là học sinh tiểu tư sản, không chịu được gian khổ... Cậu nói giúp với anh em thông cảm cho*

mình... lần sau mình sẽ cố gắng không như thế nữa..."

Đêm đó, họp tiểu đội, Tuân đứng lên xin lỗi, đã làm cho bữa ăn của anh em mất ngon. Tuân còn nói thêm : " *Ngay cả trong thiên anh hùng ca bất hủ Odyssée của Homère, cũng không có hình ảnh nào dữ dội và bi tráng như bát cơm thấm máu mà chúng ta ăn... Tôi sẽ ghi khắc nó vào ký ức ; và nếu qua cuộc chiến tranh mà tôi còn sống, nhất định tôi sẽ đặt nó vào trong tác phẩm của tôi* ". Anh em trong tiểu đội chẳng hiểu Tuân muốn nói gì, nhưng vẻ mặt và giọng nói của cậu ta làm họ cảm động. Họ còn xúm lại an ủi, động viên : " *Đồng chí cứ ăn năm, bảy lần rồi sẽ quen thôi.* "

Điều làm tôi lo lắng băn khoăn hơn cả là chuyện cử Tuân đi lấy gạo, Tuân chưa quen chiến trận, vừa chậm, vừa yếu, lại cận thị. Nếu cử cậu ta vào địch hậu lấy gạo, chết dễ như chơi. Nhưng tôi là tiểu đội trưởng, việc phân công anh em mình vào địch hậu lấy gạo, phải hết sức công bằng. Mỗi lần họp tiểu đội phân công, tôi phải tìm đủ cách để tránh cho Tuân công việc nguy hiểm này : " *Đồng chí Tuân ở nhà làm bích báo cho đại đội* ". " *Đồng chí phải viết xong cho cả tiểu đội khẩu hiệu :* 'Rèn cán chỉnh quân' *để cài lên mũ trong đợt tổng diễn tập sắp đến* ". " *Đồng chí phải hoàn thành bài thơ nói lên lòng quyết tâm, tinh thần hăng say luyện tập trong thời gian qua của tiểu đội ta, để đọc vào dịp liên hoan văn nghệ kết thúc đợt luyện tập !* "

Tuy vậy, cứ làm mãi cách đó, anh em bắt đầu xì xào phản ứng. Họp tiểu đội, anh em phê bình tôi hết sức gay gắt : " *Đồng chí tiểu đội trưởng thiên vị đồng chí Tuân !* ". Có anh còn chua chát hơn : " *Dù đồng chí Tuân có đậu tú tài, có văn hay chữ tốt, nhưng đã ăn thì cũng phải đi lấy gạo như anh em.*" Tuân đứng bật ngay dậy, yêu cầu được phân công đi lấy gạo, nhưng tôi cương quyết gạt đi. Tôi đanh giọng, nói : " *Tôi không thiên vị ai hết ! Làm bích báo, viết khẩu hiệu, làm thơ cũng cần thiết như việc đi lấy gạo. Tôi sẽ phân công đồng chí Tuân đi lấy gạo tối nay. Nhưng hiện đồng chí phải dịch truyền đơn địch vận ra tiếng Tây, do phòng Chính trị trung đoàn yêu cầu, mà phải dịch gấp. Đây, truyền đơn địch vận trung đoàn mới giao về hôm qua đây. Giấy bút đây ! Đồng chí nào có thể đảm nhiệm công việc này thay đồng chí Tuân, xin giơ tay cho biết !* " Thế là cả tiểu đội ngồi ngay như phỗng. Quá nửa tiểu đội tôi trình độ văn hóa lớp một, lớp hai, số còn lại vừa đọc vừa đánh vần.

Trong cuộc đời chiến sĩ của tôi, nếu có một niềm tự hào nào đó đáng ghi nhớ, thì đó chính là niềm tự hào : trong những năm gian truân nhất của cuộc kháng chiến chín năm, tôi đã tận dụng quyền lực tiểu đội trưởng để bảo vệ một nhà thơ tương lai của đất nước.

Sang cuối năm 1953, hai chúng tôi phải xa nhau vì nhiệm vụ của chiến trường. Tôi được cử đi học trường Quân chính Bình Trị Thiên. Tuân Nguyễn được bổ sung vào đơn vị tình nguyện quân mặt trận Trung Lào.

Mãi đến năm 1957 chúng tôi mới gặp lại nhau. Hòa bình lập lại, Tuân ra khỏi quân ngũ, đi học tiếp và tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, làm thầy giáo. Sau đó được điều về Đài phát thanh *Tiếng nói Việt Nam*. Lương của Tuân Nguyễn năm đó là 93 đồng. Còn tôi, lâm vào cảnh khổ nạn văn chương Nhân Văn Giai Phẩm phải về tá túc bên bờ hồ Tây, nhập phường câu cá trộm...

Trong khi bạn bè thân thích, kể cả máu mủ ruột thịt, người yêu, đều xa lánh tôi, thì Tuân Nguyễn vẫn gắn bó, cưu mang tôi. Mặc dầu lúc này anh là người có chức danh của một cơ quan quan trọng, bắt đầu có tiếng tăm trên thi đàn. Tuân mò tìm được nơi tôi tá túc, thường xuyên mang cho tôi áo quần, tem gạo, phiếu thịt, kẹo, thuốc lá căng tin... (kẹo, thuốc lá do cơ quan bán theo tiêu chuẩn bậc lương). Mỗi lần đem cho như vậy, Tuân rất sợ tôi mếch lòng, tủi thân, nên bao giờ cũng tìm cách nói thác. " *Có bộ áo quần mình thuê may hỏng, mặc rộng thùng thình cứ như áo tế. Cậu đậm người hơn mặc giúp mình cho đỡ phí* ". " *Một nhà báo ngoại quốc có nhận xét người Việt Nam ta rất có đầu óc hài hước. Hài hước ngay cả trong việc sản xuất bánh kẹo. Ngoài bao bì đề kẹo cứng thành kẹo mềm muốn chảy nước. Nếu đề kẹo mềm thì cắn muốn vỡ răng. Này, cậu khoẻ răng ăn giúp mình hai gói kẹo mè này* ".

Một lần, tôi hỏi Tuân : " *Cậu hay gặp mình, thế nào cơ quan họ cũng biết. Cậu không ngại à ?* " Tuân Nguyễn vốn là người ăn nói hết sức nhã nhặn, lịch sự. Ở cơ quan cấm ai thấy cậu ta văng tục. Nhưng chỉ khi hai đứa với nhau, hoài niệm cuộc sống lính tráng, cậu ta văng tục ào ào : " *Có ngại cái con cặc ! Đù mạ, mình căm ghét nhất là thói vô ơn ! Nếu ngày đó cậu không chơi trò* 'Nhân danh tiểu đội trưởng' *thì chắc mình đã nằm mục xương giữa trảng cát Phong Chương, Thanh Lam Bồ, Phú Đa, Hà Thanh... với một ruột tượng gạo thối mục đầy máu... Cậu quên rồi à, đúng cái hôm cậu phịa chuyện Phòng chính trị giao mình dịch truyền đơn địch vận, bốn cậu được cử đi lấy gạo, tụi phục kích xơi tái mất hai, cậu gì nhỉ, à cậu Lượng, cậu Vinh... Có đâu mình còn sống đến bây giờ mà đại học đại hiếc, nhà thơ nhà thiếc, phát thanh phát thiếc !... Cứt !* "

Năm 1963, vợ chồng tôi sinh con gái đầu lòng. Đến đón cháu ở nhà hộ sinh A, có bà ngoại cháu (bà đã mất năm 1986), tôi và Tuân Nguyễn.

Vợ tôi vui lắm, nói với hai người :

– Bà với chú Tuân thấy cháu có xinh không ?

Tuân cúi xuống nhìn gương mặt nhỏ xíu còn đỏ hỏn của cháu, cười cười. Bà ngoại cháu vốn suốt đời chỉ biết công việc nội trợ, và gần như không biết chữ, buột miệng nói :

– Bây giờ thì mẹ mừng mừng rỡ rỡ thế đấy, không biết đời con rồi có ngóc đầu dậy được không !...

Bà ngoại và hai mẹ con đi xích lô về nhà. Tôi và Tuân lững thững đi bộ dọc đường Ngô Quyền. Dáng vẻ cậu ta trở nên trầm ngâm và lặng lẽ. Im lặng một lúc khá lâu, Tuân chợt nói :

– Bà cụ nói thật khủng khiếp ! Đó là lời tiên đoán về số phận những nghệ sĩ quyết định " *Yêu ai cứ bảo là yêu. Ghét ai cứ bảo là ghét. Dù ai ngon ngọt nuông chiều. Cũng không nói yêu thành ghét. Dù ai cầm dao doạ giết. Cũng không nói ghét thành yêu...*".

Lời nhận xét bất ngờ của Tuân làm tôi bất giác rùng mình. Một câu Kiều chợt ập đến trong đầu : " *Đường xa nghĩ đến đoạn trường mà kinh !* "

Tuân bảo tôi :

– Bắt đầu từ hôm nay, mỗi tháng mình gửi cậu 5 đồng mua sữa cho cháu. Hàng tháng cứ đến ngày mùng ba – ngày mình lĩnh lương – cậu chịu khó đến chỗ mình. Sợ có khi mình mắc việc, không xuống chỗ cậu được. Nếu mình đi công tác vắng, mình sẽ gởi lại chỗ cậu V. ở tổ thơ.

Ngày đó, 5 đồng mua được ba hộp sữa Ba Vì. Lúc chia tay, Tuân còn dặn thêm :

– Lỡ khi nào câu kéo không được gì, nếu tiện đường tạt vào

chỗ mình mà ăn cơm. Cơm tập thể chỗ mình khá lắm...

Từ đấy, hôm nào cạn túi, tôi lại đạp xe lên 20 phố Tràng Tiền, bếp ăn tập thể của cơ quan Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. May mắn được gặp Tuân là no bụng.

Tuân Nguyễn sống trong một gian buồng nhỏ, rộng chừng 8 mét vuông, ở tầng gác hai, ngay đằng sau gian nhà ăn tập thể. Buồng kê một giường cá nhân, một giá sách lớn che kín mặt tường chiều ngang. Cạnh giá sách là bàn viết. Đối diện cửa ra vào treo chân dung Dostoievsky lồng khung kính trên tường, phía đầu giường treo ảnh của cậu ta, phóng to, cũng lồng khung kính. Đó là hai vật trang trí độc nhất trong gian buồng.

Trên giá sách, có khoảng vài chục cuốn sách tiếng Việt. Còn lại là sách tiếng Pháp, tiếng Anh. Tiền lương tháng, ngoài tiền ăn, một ít dùng may mặc, tiền cho tôi, Tuân dồn hết vào việc mua sách. Tuân là khách quen của cửa hàng sách ngoại văn. Toàn tập Dostoievsky, toàn tập Chekhov, toàn tập Brecht, Maxim Gorki, Jack London...

Tôi đến, hầu như lúc nào cũng bắt gặp Tuân hí hoáy trước bàn viết. Trước mặt, hai ba cuốn sách mới... Tôi biết lúc này cậu ta hoàn toàn đắm mình trong suy tưởng, mộng mơ.

Đã từ lâu, Tuân chuẩn bị viết tác phẩm văn xuôi quan trọng của đời mình, anh tâm sự. Chủ đề tác phẩm là một thanh niên trí thức say mê cách mạng, lúc nào cũng sống trong mộng tưởng san phẳng hết mọi điều phi lý xúc phạm con người, và xây dựng một cõi địa đàng nhân loại. Kết cục con người cách mạng mộng mơ đó đã bị thực tế trần trụi, nghiệt ngã đè bẹp.

Tuân Nguyễn đọc đến nát nhừ toàn tập Dostoievsky. Cậu ta đọc Đốt đến rạc cả người. Nhà văn mà Tuân đặt thành tích để vươn tới là Đốt.

Tuân nói với tôi :

– Điều này mình chỉ nói riêng với cậu thôi. Nhiều đêm mình nằm mơ, cuốn sách của mình được in ra, và được những người sành văn đánh giá là sấp sỉ với Đốt...

Bạn hữu chúng tôi không ai bảo ai cùng gọi đùa Tuân là *cụ Đốt*. " *Ta đến chơi* cụ Đốt *đi*. Cụ Đốt *vừa có thơ được in trên báo Văn Nghệ, ta đến bắt* cụ *khao một chầu thịt chó* ".

Một bữa, tôi và một người bạn đến chơi, bắt gặp cụ Đốt trong tình trạng bứt rứt, buồn bã. Tôi hỏi : " *Có chuyện gì thế, Tuân ? Hay tại chúng mình đến chơi hơi nhiều, quấy rầy cậu ?* " Và chúng tôi nháy nhau, dợm đứng lên, định chào ra về. Tuân vội đưa tay ngăn lại : " *Các cậu chẳng có liên quan gì hết, Tuân nhìn đồng hồ đeo tay, nhà ăn sắp mở cửa rồi, đợi tý ta xuống ăn cơm* ".

Tôi thầm đoán cậu ta chắc gặp chuyện gì rắc rối ở cơ quan. Nghe nói, trong đợt học tập Nghị quyết 9, cậu ta xin bảo lưu ý kiến, bị cơ quan đưa ra kiểm điểm vì những luận điệu ủng hộ chủ nghĩa xét lại Liên Xô. Cậu ta làm thơ ca ngợi Khrusov, đả kích Mao và Stalin... Tuân lấy sách đỏ của Mao làm giấy lau bàn, có người trong cơ quan trông thấy, hớt lẻo với trên. Nói chung, vào thời gian ấy, những chuyện như thế là chuyện chết người cả.

Như đoán biết chúng tôi đang nghĩ gì, Tuân giải thích :

– Cách đây hai hôm, mình dọn dẹp lại gian buồng, quét tước mạng nhện... Mình gỡ chân dung Dostoievsky và bức ảnh của mình xuống, lau sạch bụi rồi treo lại. Vừa dọn dẹp xong thì có mấy cô sinh viên văn khoa đến chơi. Một cô nhìn lên giá sách, hỏi mình : " *Anh đọc nhiều sách, thế theo anh nhà văn nào lớn nhất, anh khâm phục nhất ?* ". Lúc đó mình đang ngồi gần cửa ra vào. Theo thói quen, mình đưa thẳng tay chỉ lên chỗ treo chân dung Dostoievsky : " *Ông này, chỉ một mình ông này thôi ! Đó là thiên tài của các thiên tài !* ". Các cô nhìn theo tay chỗ mình chỉ, không nói gì, nhưng đều quay lại nhìn mình với ánh mắt rất lạ, lúc đó mình không để ý...

Các cô về rồi, mình nhìn lên tường, thấy chân dung Dostoievsky treo hơi bị lệch. Mới bắc ghế đứng lên sửa lại. Nhìn gần mới biết té ra đó là ảnh của mình, chứ không phải chân dung Đốt. Thì ra, mình treo nhầm chỗ, do cận thị nên không nhận ra. Thế có chết người không chứ ? Thảo nào, mấy cô đều quay lại nhìn mình với ánh mắt rất lạ, mà lúc đó mình không hiểu tại sao. Không nói ra miệng, nhưng chắc chắn trong bụng các cô phải cho mình là một thằng cha kiêu căng đến ngu xuẩn !

Kể đến đó, nét mặt Tuân càng rầu rĩ, ủ rũ hơn.

Tôi không sao nhịn được cười, tôi ôm bụng mà cười, tôi cười lăn lộn, cười chảy nước mắt nước mũi !

– Thì đã sao ! Thì đã sao !... – tôi nói, càng cười dữ hơn – Cậu cũng là một cụ Đốt thứ hai đấy chứ ! Nga thì Đốt Tôi, Việt Nam thì Đốt Tuân ! Ha ! Ha ha ! Ha ha ha ! Đó là một lầm lẫn vĩ đại !

Tuân nổi quạu, giận dữ nói :

– Cậu thì chuyện chi cũng tếu được !

Tôi cố nhịn cơn cười, đưa ống tay áo quệt nước mắt nước mũi, lấy giọng nghiêm túc nói :

– Theo mình, biết đâu chính sự lầm lẫn này là cái điều báo hiệu xuất hiện một tài năng lớn. Có lần cậu đã kể với mình, nhà thơ Nekrasov sau khi đọc tác phẩm đầu tay của Đốt, đã đội tuyết Petersburg đến nhà Belinsky lúc một giờ sáng, mà reo lên : " Tôi đến báo với anh một tin vui : Nước Nga xuất hiện một Gogol mới ! Belinsky càu nhàu : các anh làm như Gogol là nấm không bằng ! Quả nhiên, sau này Đốt còn vượt cả Gogol. Cũng có thể cậu rơi vào đúng trường hợp này. Mình biết cậu từ thuở 18, 19 tuổi. Mình không có cái tài tiên tri thấu thị của Nekrasov, nhưng mình có cái trực giác của người lính dãi dầu trận mạc. Mình đã tiên cảm trong tương lai, cậu sẽ là nhà văn làm sáng danh đất nước. Bởi vậy mà mình mới quyết định chơi trò " Nhân danh Tiểu đội trưởng ".

Cung cách Tuân Nguyễn trợ cấp tiền cho tôi hàng tháng mua sữa nuôi con, cũng rất... Tuân Nguyễn. Mỗi lần đưa tiền cho tôi, Tuân đều có vẻ ngượng nghịu, xấu hổ như anh đang làm một điều gì không phải với bạn. Tiền cậu ta bỏ sẵn trong phong bì dán kín – thứ phong bì vẫn dùng để viết thư trả lời các cộng tác viên của Đài. Tuân dúi phong bì vào túi áo tôi, mắt tránh không nhìn tôi. Dúi xong, cậu ta nói lảng ngay sang chuyện khác, thường là lấy cớ phải đến ngay cơ quan có cuộc họp quan trọng gì đó. Vừa bước vội xuống cầu thang Tuân vừa bắt tay tôi : " *Hôm nào rỗi đến chơi. Bữa nay mình có chút việc bận, không vắng mặt ở cơ quan được* ". Tôi biết Tuân không muốn ngồi lại với tôi, khi số tiền cậu ta cho vẫn còn nằm cộm trong túi áo tôi.

Con gái tôi uống sữa của chú Tuân chu cấp cho đến lúc cháu bập bẹ biết nói. Rồi chú Tuân bị bỏ tù cho đến lúc cháu học hết cấp I, mới được gặp lại chú.

Tuân Nguyễn là người vỡ lòng cho tôi về Dostoievsky,

cũng như hơn mười năm trước đó đã vỡ lòng cho tôi về niêm luật Đường thi. Nhờ cậu ta mà từ những năm 1961, 1962, tôi được biết nội dung tóm tắt những tác phẩm quan trọng nhất của Đốt. Từ tác phẩm đầu tay *Những người cùng khốn* đến các tác phẩm viết sau khi bị lưu đày ở Tây Bá Lợi Á mười năm : *Kỷ niệm ngôi nhà những người chết*, *Những người bị lăng nhục và bị xúc phạm*, *Tội ác và hình phạt*, *Con bạc*, *Thằng ngốc*, *Đầu xanh tuổi trẻ*, *Lũ người quỷ ám*, *Anh em nhà Karamazov*... Những câu văn của Đốt Tuân trích dẫn đã in khắc vào trí nhớ tôi cho mãi đến hôm nay : " *Địa ngục nằm trong lòng những con người không còn biết yêu thương* ", " *Liệu chúng ta có quyền xây dựng lâu đài hạnh phúc cho nhân loại trên một giọt nước mắt của trẻ con ?* ". " *Những con người đơn giản là những con người hết sức nguy hiểm* ", " *Cái đẹp sẽ cứu chuộc nhân loại* ", v.v... và v.v...

Về sau này, tôi được đọc khá nhiều những tác phẩm nghiên cứu về Đốt của các chuyên gia nổi tiếng, cả xã hội chủ nghĩa lẫn phương Tây, nhưng chưa một tác giả nào gây nên trong lòng tôi một ấn tượng kinh hoàng về thiên tài vô song, phong phú và phức tạp của Đốt, như Tuân Nguyễn.

Một lần tôi đến chơi, đúng vào chiều ngày mồng ba... Bước vào buồng, tôi thấy Tuân đang tiếp ba cô gái, nữ sinh hay sinh viên gì đó. Cửa buồng mở rộng cả hai cánh,và ngọn đèn trên trần bật sáng chói.

Tôi đứng khựng lại một chút ở ngưỡng cửa, liếc nhìn ba cô. Cô nào cũng đẹp ngời ngời. Tôi định chào xin lỗi bước ra, nhưng hai chân cứ như bị trói, không bước ra nổi. Tôi chưa bao giờ được nói chuyện với một, chứ đừng nói đến ba cô gái đẹp đến thế. Một ý nghĩ ganh tỵ chợt ập đến trong đầu : " *Hắn với mình cùng lứa mà mình sao kém thế, còn hắn sao mà ngon thế !* "

Tuân Nguyễn thì hình như chẳng chú ý gì đến sắc đẹp ba cô gái. Cậu ta mời ba cô ăn bánh, chuối, kẹo, và... rao giảng Đốt. Bao giờ " bập " vào Đốt – mà bập thường xuyên – gương mặt Tuân cũng sáng lên một cách khác thường. Đó là gương mặt của những nhà truyền giáo lớn – tôi nghĩ. Cậu ta rao giảng Đốt như các nhà truyền giáo rao giảng Thánh Kinh. Có một khác biệt là Tuân rao giảng Đốt, không cần quan tâm người nghe có nghe và có hiểu hay không. Tôi thường nói đùa : " *Tuân Nguyễn đang nhập đồng Đốt* ".

Chốc chốc Tuân ngừng lời, đưa tay lên giá sách, không cần nhìn, mà rút rất trúng tác phẩm nào đó của Đốt mà cậu ta cần dẫn chứng. Cậu ta lật lật rất nhanh những trang sách, đọc lên cái đoạn cần trích dẫn bằng tiếng Pháp rồi dịch miệng rất lưu loát.

Để khỏi quấy rầy " cụ Đốt ", tôi ngồi nép mình ở góc buồng, chốc chốc lại ngước mắt nhìn những cái miệng xinh đẹp như bông hồng hàm tiếu, những hàng răng trắng như ngọc trai nhỏ nhẻ cắn bánh, nhai kẹo... những cặp mắt long lanh như mắt trẻ nít chăm chú nhìn " cụ Đốt " nhập đồng...

Tôi thì hầu như chẳng nghe thấy gì. Đốt điếc với tôi lúc này trở thành vô nghĩa. Tôi chỉ thèm rộn rực được hôn lên một trong ba cái miệng hé hé mở có mùi thơm trái chín cây kia, chỉ một lần thôi, rồi nằm lăn ra chết thẳng cẳng cũng đáng đời !

" *Các cô ăn chuối, ăn bánh đi...* ", Tuân đưa tay lịch sự mời, cốt để lấy hơi rao giảng tiếp. Cậu ta đang giới thiệu với ba cô chương *Ngài Đại pháp quan* trong *Anh em nhà Karamazov* mà theo cậu ta, là khúc giao hưởng văn xuôi sáng giá nhất trong nền văn xuôi cổ kim của nhân loại. Cậu ta đọc một mạch cuộc đối thoại dữ dằn và hài hước giữa ngài Đại pháp quan đại diện của quyền lực vô song của Giáo Hội và Pháp Đình tôn giáo ở Y Pha Nho thế kỷ 15, với Chúa Trời giáng thế lần thứ hai : " *Ông đấy à ?* ". Ông già Đại pháp quan gằn giọng hỏi. Chúa không trả lời. Ông ta nói tiếp : " *Ông đừng nói gì mà lại hơn ! Vả chăng ông biết nói gì bây giờ ? Ông đã trao tất cả quyền năng cho Giáo hội chúng tôi. Chúng tôi đã mất 15 thế kỷ mới thiết lập được một trật tự như hiện nay, thiết lập nhân danh ông ! Bởi vậy ông không có quyền xuất hiện lần thứ hai, và nói thêm bất cứ điều gì trước đây ông đã nói. Tại sao ông còn xuống đây gây rắc rối cho chúng tôi ? Ông có biết ngày mai sẽ xảy ra chuyện gì không ? Tôi chỉ cần chỉ vào mặt ông, lên án ông : Đây là một tên tà giáo ! Và tôi chỉ cần phẩy tay ra hiệu, là đám quần chúng hôm qua cuồng nhiệt hôn dấu chân ông, sẽ trói nghiến ông lại, ném ông vào giàn hoả !...* "

Gương mặt, giọng nói của Tuân sáng rực niềm cảm xúc do đoạn văn tác động. Nom cậu ta lúc này thật quyết liệt, thật dữ dội. Cậu ta im lặng trân trân nhìn ba cô gái, như muốn ba cô chia sẻ niềm cảm xúc lớn lao đang rần rần trong huyết quản mình...

Một trong ba cô, cô xinh nhất, đã chia sẻ niềm cảm xúc của cậu ta. Cô ngừng cắn trái chuối tiêu trứng cuốc, hỏi :

– Anh đã đọc cuốn *Nam Tước Phôn Gôn Rinh* chưa ? Cũng chuyện của Liên Xô. Sách dày ba tập mà em chỉ đọc có một đêm !

Cô ngồi cạnh liền đặt miếng bánh xuống, góp chuyện :

– Theo mình thì tác phẩm *Chiếc khuy đồng* còn hay hơn. Đọc mà tim cứ giật thon thót !

Mặt Tuân Nguyễn tự nhiên nghệch ra. Miệng hơi hé mở mà không nói được, như bị cấm khẩu. Cậu ta đỏ bừng mặt, nhìn ba cô như những sinh vật kỳ dị lạc vào buồng mình. Tôi thì sướng tỉnh cả người, nhảy vào chuyện luôn :

– Các cô đã đọc *Chiến dịch Phượng Hoàng* chưa ? Sách vừa xuất bản, mới toanh ! *Nam Tước Phôn Phôn Gôn Rinh* và *Chiếc khuy đồng* còn phải gọi bằng cụ !

Cả ba cô lập tức quay sang tôi, như bất ngờ vớ được người cùng hội, cùng thuyền. Nét mặt ba cô vụt trở nên nhẹ nhõm, rạng rỡ như vừa trút được gánh nặng kinh người. Cả ba cô lúc này nom lại càng đẹp. Cả ba cô tranh nhau thuật lại những chi tiết giật gân của mấy anh chàng tình báo vườn. Còn tôi thì tranh thủ bồi dưỡng cặp mắt mà hàng ngày không nhìn thấy gì khác ngoài mặt hồ rong rêu, tăm cá và khuôn mặt dữ dằn của mấy tay tuần hồ, chuyên rình rập tóm cổ bọn câu cá trộm chúng tôi. Tuân Nguyễn nổi quạu thật sự, đút Đốt vào giá sách, lẳng lặng ngồi vào bàn viết chúi đầu xuống cuốn sách đọc dở. Chốc chốc cậu ta quay lại hết nhìn các cô lại nhìn tôi như nhìn mấy con ruồi con muỗi cứ vo ve bên tai. Tôi cứ tảng lờ như không hay biết, cười nói hể hả góp chuyện với ba cô.

Tuân Nguyễn tiễn các cô về với vẻ lạnh nhạt cố ý. Còn tôi thì xăng xái theo các cô xuống hết các bậc cầu thang, tranh thủ ngắm các cô đàng sau. Eo, lưng, mông – lưng mềm như ngọn lửa – mông tròn như trứng chim – và những cặp đùi, nói theo kiểu trường ca Tây Nguyên – nếu gió thổi tung váy sẽ sáng chói như tia chớp !...

Lúc tôi trở lên, Tuân Nguyễn quạu cọ nói :

– Những chuyện bá láp như thế mà cậu cũng rỗi hơi bàn luận !

Tôi cười tràn :

– Cậu vẫn rao giảng cho mình điều rao giảng của Đốt : " *Cái*

đẹp sẽ cứu chuộc nhân loại ! " Theo mình thì chỉ với ba cô này thôi cũng đủ cứu chuộc cho cả nhân loại rồi !

🕮

Sau cái đận " Cứu chuộc nhân loại " kể trên, có đến hơn nửa tháng tôi mới đến thăm Tuân. Cậu ta bước ra hành lang đón tôi, gương mặt hốc hác, phờ phạc, hai mắt thâm quầng. Tôi lo lắng hỏi :

– Cậu ốm hay làm sao thế ?

Tuân vuốt mớ tóc rũ xuống trán, nói :

– Dostoievsky thì năm đêm trắng, mình thì mười đêm trắng cậu ạ !

– Nhưng đầu đuôi thế nào ?

Tôi đăm đăm nhìn người chiến hữu cùng tiểu đội năm nào, tên một tác phẩm của Đốt chợt hiện ra trong đầu : *Những người bị quỷ ám*. Tôi nghĩ cậu ta bị Đốt ám. Cái ma lực văn chương của thiên tài này thật kinh dị ! Hai chúng tôi ngồi xuống mép giường còn buông màn, Tuân rầu rĩ kể :

– Thế này, mình gọi nhầm tên người và bị tát !... Mà là gọi nhầm tên người yêu mới chết chứ ! Cách đây đúng mười hôm, mình mời cô ta đến chơi... Mình có ý định cầu hôn với cô ấy... Mình đang bối rối chưa biết mở đầu thế nào, thì nghe tiếng trẻ con reo hò dưới sân. Mình mới bước ra hành lang để nhìn xuống xem có chuyện gì. Mấy đứa trẻ trong khu tập thể đang vây quanh hai con gà trống xù lông, vươn cổ chọi nhau rất hăng. Mình vốn mê xem gà chọi từ nhỏ, thích quá liền ngoái đầu gọi cô ta cùng ra xem. Nhưng đáng lẽ gọi A ơi, ra xem hai con gà chọi nhau hay lắm ! Mình lại nhịu ra thành B ơi !... B. là tên một cô gái cũng có cảm tình với mình, cô A của mình cũng biết, hai cô này không ưa nhau... Thế là cô ta bước ngay ra, mắt nảy lửa, rít lên : " *Anh là thằng đểu ! Anh đang ngồi với tôi, nhưng đầu óc anh vẫn nghĩ đến con B., nên anh mới gọi nhầm ra thế !* " Mình chưa kịp phân trần thì đã bị ngay một cái tát. Rồi cô ta đùng đùng bỏ về... Suốt mười đêm nay mình thức trắng vì chuyện đó...

– Nhưng cô ta tên là gì mà cậu gọi nhầm là gì ? – tôi thắc mắc hỏi.

Tôi là đứa ham cười. Nghe những chuyện như thế là tôi không sao nhịn được cười. Nhưng tôi sợ Tuân giận nên cũng cố làm bộ mặt đưa đám để chia sẻ nỗi khổ tâm của bạn.

Tuân lắc đầu, phẩy tay :

– Cậu không cần đi vào chi tiết làm gì. Chỉ cần biết đáng lẽ gọi là A., thì mình gọi là B.

Chúng tôi ngồi với nhau khoảng tiếng đồng hồ, nói đủ chuyện linh tinh. Nhưng tôi không sao tập trung được tư tưởng. Tôi quá tò mò muốn biết tên của cô gái bị gọi nhầm tên. Chọn đúng vào lúc cậu ta bất ngờ nhất, tôi làm như vô tình buông một câu :

– Nếu cô ta tên An mà gọi nhầm thành Lan, thì cũng dễ thanh minh thôi ! Người ta lỡ miệng là thường...

Tuân buột miệng :

– Không, cô ta tên Nguyệt, mà mình lại gọi là Huệ, thanh minh thế nào được !

Đến đây thì tôi không sao nín nhịn được nữa. Tôi cười đến nỗi phải ôm chặt lấy bụng sợ lỡ đứt ruột như Trình Giảo Kim ba búa. " *Đúng !... Đúng !* ", vừa nói tôi vừa nấc, " *nhầm thế thì đến thánh cũng không thể thanh minh được ! Nguyệt - Huệ ! Hai vần tréo trẹo hẳn nhau !* ".

(***xem tiếp số sau***)

Thơ & các nhà thơ

Diễm Châu

DĐ: Chúng tôi vừa nhận được tập "**thơ và các nhà thơ**" của Diễm Châu, nhà xuất bản Trình Bày 1999, do dịch giả gửi tặng. Đây là một tuyển tập thơ thế giới trên chủ đề *các nhà thơ nói về thơ*, gồm hơn 100 bài và gần 100 tác giả. Không cần giới thiệu với độc giả Diễn Đàn về Diễm Châu, người đã công phu giới thiệu những cảm hứng thơ thế giới qua những chọn lọc và dịch thuật rất uyên bác của mình, chỉ xin cảm ơn dịch giả đã cho phép đăng lại trên Diễn Đàn. Sau đây là hai bài đầu tiên, chú thích về các tác giả của Diễm Châu.

Con cá hoá thạch

Ai Ts'ing

Con cá hoá thạch
Câm nín đã từ mười ngàn năm
Bị bưng bít trong quặng đá

Mười ngàn năm nữa
Vẫn còn tung tăng trong lòng bàn tay
Những người tìm ra nó.

Ai Ts'ing (Ngải Thanh), bút hiệu của Tsiang Hai- Tcheng, sinh ngày 27-3-1910, mất ngày 5-5-1996 tại Bắc kinh, một trong những nhà thơ quan trọng nhất của Trung hoa lục địa. Năm 18 tuổi học vẽ ở Paris và khám phá ra thơ mới của Pháp... Về nước, bị bắt giữ vào năm 1932, vì những "tư tưởng nguy hiểm". Ra tù năm 1936, đi khắp nước, làm thơ ca ngợi quê hương và những khát vọng của dân chúng. Năm 1957 ông bị tố cáo, lên án, khai trừ, rồi bị đẩy lên miền cực tây của Trung Quốc và chỉ trở lại vào năm 1976. Bản dịch dựa trên bản Pháp văn của François Cheng.

Sáng Thế

Maxime Alexandre

Trên một sa mạc vọt lên tiếng đầu tiên
Một tiếng giản đơn hơn im lặng
Một ly nước cho đứa bé
Một cánh chim cho mọi câu trả lời

Tôi thấy đất bị lửa nuốt
Đất mới sinh
Với búi cỏ đầu tiên đơm hoa
Và miệng tôi để nói ra.

Maxime Alexandre sinh ngày 24-1-1899 tại Wolfishem, Alsace và mất tại Strasbourg ngày 12-9-1976. Là một nhà thơ siêu thực lãng mạn trong số các nhà thơ siêu thực đầu tiên của Pháp bên cạnh André Breton. Để lại 12 tập thơ và 12 tập văn xuôi...

Từ trong lũ lụt...

nghĩ về tương lai đô thị cổ Hội An

Văn Ngọc

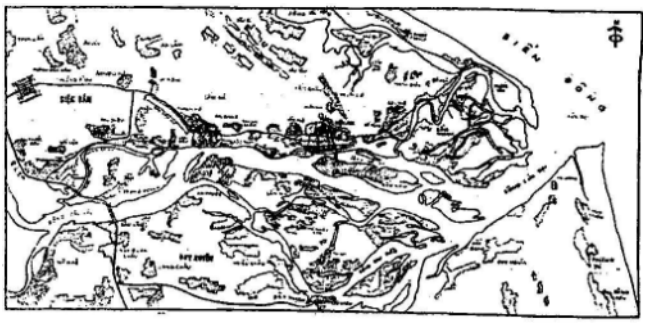

Sơ đồ Hội An và các vùng lân cận

Một trong những hình ảnh vẫn luôn luôn ám ảnh tôi trong trận lũ lụt vừa qua ở miền Trung là hình ảnh đô thị cổ Hội An ngập chìm dưới dòng nước lũ. Tôi không thể nào hình dung được rằng trong quá khứ cả hai thành phố cổ Huế và Hội An đều đã từng bị ngập lụt như vậy nhiều lần rồi (đương nhiên ở một mức độ thấp hơn, mặc dầu không có được những thông số chính xác của những trận lụt trước kia để có thể khẳng định điều đó một cách chắc chắn – báo chí chỉ nói đại khái : *cả trăm năm nay* chưa từng có trận hồng thuỷ nào lớn bằng trận này, kể cả trận lụt lịch sử năm 1983).

Tôi chợt hiểu vì sao ở nước ta, những di tích kiến trúc cổ, dù cho có được xây dựng bằng gạch đá đi nữa cũng không tồn tại được lâu dài với nào là mưa bão, lũ lụt, ẩm thấp, mối mọt, không nói gì đến những hiểm hoạ khác : chiến tranh, và hoả hoạn !

Người ta thường hay nghĩ nôm na rằng thiên tai là một cái gì *từ trên trời sập xuống*, khó biết trước được lúc nào, cho nên cũng khó tránh, cũng như khó có thể phân tích, lý luận được một cách chặt chẽ. Chẳng hạn như người ta biết nguyên nhân sự hình thành của áp thấp nhiệt đới, gây nên những trận mưa, bão, và từ đó gây nên lũ lụt, nhưng chưa làm chủ được những biến động của nó. Cũng như người ta vẫn biết rõ vùng nào có nguy cơ động đất, nhưng không biết trước được biến cố sẽ xảy ra vào lúc nào, v.v... Có những tham số quá phức tạp mà các nhà khoa học chưa nắm hết được về những hiện tượng gây nên bởi sự giải toả các khí CO2, (CH4), NO, v.v...vào khí quyển ở các nước công nghiệp phát triển, hoặc đang phát triển, mà hậu quả là hiệu ứng nhà kính (effet de serre), ảnh hưởng trực tiếp đến khí hậu trên mặt trái đất, đến chế độ bốc hơi nước, chế độ mưa, đến sự ô nhiễm của môi trường sinh thái, v.v...

Tuy nhiên, ngay từ buổi bình minh của nhân loại, để đương đầu với thiên tai, con người đã phải tìm ra những biện pháp, tuy sơ khai, song cũng đủ hữu hiệu, lâu dần trở thành những kinh nghiệm truyền thống trị phong, trị thuỷ, v.v... Tôi không biết truyền thống trồng rừng, đắp đê, xây cống có tự bao giờ, nhưng truyền thống làm nhà sàn trên cọc tre hay gỗ thì có từ những thời rất xa xưa. Nhà sàn của người nguyên thuỷ không chỉ để đề phòng thú dữ, mà còn để tránh lũ. Nhà sàn khắc trên trống đồng Ngọc Lũ (thời đại đồ đồng thau, khoảng 2000 năm tr. C.N.) cũng cùng một kiểu dáng với nhà sàn hiện vẫn còn thông dụng ở Toradja, đảo Célèbes, Indonesia, cũng như nhà sàn của cư dân các đảo Nouvelle Guinée, Papoua, v.v... Nói rộng ra, người ta có thể tìm thấy đủ mọi kiểu nhà sàn, giống nhau trên những nét cơ bản, ở nhiều nơi trong một vùng địa dư rộng lớn, khí hậu nhiệt đới nóng ẩm : từ Mã Lai, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam (các vùng bắc, tây-bắc Bắc bộ và Tây Nguyên), đến Indonesia, và các đảo Đại Châu dương. Thậm chí, trong kiến trúc cổ truyền Nhật Bản, những ngôi chùa đạo Shinto cũng được xây trên cọc gỗ như hệt một chiếc nhà sàn. Ngôi nhà truyền thống Nhật Bản cũng là một loại nhà sàn biến tướng (biệt thự Katsura, tu viện Daisen-In, v.v...), cũng như ngôi đình cổ truyền của Việt Nam (đình Chu Quyến, đình làng Đình Bảng, v.v...).

Song, truyền thống làm nhà sàn đã chỉ được áp dụng ở một số dân tộc quen sống ở những vùng rừng núi, ẩm thấp, hoặc cạnh sông nước, có nguy cơ bị lũ lụt. Ở nước ta, chẳng hạn, người Kinh ở đồng bằng không có truyền thống này, ngược lại, họ thích ở ngay trên nền nhà đất thấp, vừa tiếp xúc được dễ dàng với sân phơi, lại vừa thuận tiện hơn để làm những công việc nhà nông hàng ngày. Người Trung Quốc và người Ấn Độ cũng vậy. Lâu dần thành thói quen, thành phong tục, thành một thứ *nếp sống văn hoá* : ngay ở những vùng gần sông, gần núi, dễ bị lũ lụt, người ta cũng vẫn xây nhà trên nền thấp, hoặc đôi khi không có cả nền. Nhà phố ở thành thị lại càng ít thấy xây trên nền cao (ngoại trừ các đình, chùa, nhà thờ họ), mà luôn luôn ngang bằng với mặt đường phố, như những *nhà ống* ở phố cổ Hội An, chẳng hạn, ít ra những nhà phố còn lại ngày nay, và những nhà thấy trên hình vẽ " phố người Nhật " trong *Giao Chỉ Độ Hải Đồ* của Chaya Shinroku (đầu thế kỷ 17) còn được lưu trữ tại chùa Jomyo Jomyoji, ở Nagoya, Nhật Bản. Điều này không hợp với lô gích phòng chống lũ lụt, nhưng lại tuân theo một lô gích khác, đó là nếp sống quen thuộc, sự thuận tiện đi lại, mua bán, làm việc, ăn ở, giải trí, giao tiếp, v.v... Tuy nhiên, cũng trên các hình vẽ trong tài liệu vừa dẫn, người ta thấy bên cạnh " phố người Nhật " có " phố người Đường ", và đáng chú ý hơn nữa là " phố người lân cận ", với những nhà sàn xây trên cọc. Người ta cho rằng những dãy nhà xây trên cọc này chắc hẳn là của những người dân địa phương, xây theo truyền thống lâu đời của địa phương này, tức của người Chàm. Như đã trình bày ở trên, do tập quán, do nếp sống văn hoá, các ngôi nhà ở " phố người Nhật " và " phố người Đường " đã không xây trên cọc, mà chỉ có tầng gác xép để làm kho chứa phòng khi lũ lụt. Ở đây, một câu hỏi cần được nêu lên : tại sao, ở thế kỷ 17,18, những người Nhật Bản và Trung Quốc đến đây định cư buôn bán, cũng như những chủ nhân mới của thương cảng này (người Việt), đã không noi theo truyền thống xây dựng của người Chàm để phòng tránh lũ lụt, mà lại cứ xây theo cái nếp sống quen thuộc của mình ? Cũng

như ở Huế, gần hai thế kỷ sau, các cung điện, lăng tẩm của vua chúa cũng đã không được xây ở những địa điểm cao ráo để tránh hẳn lũ lụt, tại sao vậy ? Lăng Tự Đức (Xưng Khiêm Tạ) được xây trên cọc, nhưng cũng chỉ là để nằm trên mặt hồ cho đẹp mà thôi. Trong trận lũ lụt vừa qua, cả Điện Thái Hoà, cả Lăng Minh Mạng, cả Lăng Khải Định, v.v... đều đã bị ngập lụt. Ngay cả chùa Thiên Mụ cũng đã bị đe doạ, kè đất dọc bờ sông Hương đã bị sụt lở nghiêm trọng. Nhìn chung, kiến trúc cung đình ở Huế đã được quan niệm một cách khá nửa vời : khi xây trên nền gạch đá, thì không đủ cao (có lẽ chỉ trừ Ngọ Môn), khi không có nền, hay nền thấp, thì toàn bộ kiến trúc gỗ và gạch đá ở đây cũng khó có thể chuyển dịch đi chỗ khác được, như trong quan niệm kiến trúc gỗ truyền thống (Một trong nhiều thí dụ : chùa Keo, ở Thái Bình, xưa đã từng được di chuyển từ bờ sông Hồng vào mãi tận bên trong).

Ở nông thôn ta , nói chung, trong viễn cảnh một nền nông nghiệp ngày càng phát triển và hiện đại, đời sống ngày càng văn minh hơn, thì cái quan niệm truyền thống ngôi nhà một tầng trệt, ba gian hai chái, hay năm gian, chắc cũng sẽ dần dần mất đi, để nhường chỗ cho những công trình kiến trúc cao ráo, sáng sủa, bền vững và tiện dụng hơn : nhà cửa của người nông dân có thể lên hai, ba tầng, xây bằng gạch, đá, bê tông, có terrasse làm sân phơi khi cần thiết, có vựa thóc ở nơi cao ráo v.v... Ở những vùng hay bị lũ lụt, tầng trệt có thể chỉ là những kết cấu cột chịu lực thông thoáng, một không gian dùng để cất giữ nông cụ, và để nuôi gia súc ; sân phơi và kho chứa có thể đưa lên trên tầng gác cao, vừa đủ để vượt khỏi mực nước lũ cao nhất v.v... Ở nhiều vùng nông thôn đồng bằng Bắc bộ xưa kia, những nơi gần sông lớn, đã có những năm nước lũ tràn về, phải lấy nong treo thóc lên phơi tận ngọn tre mới khỏi bị nước lũ cuốn đi.

Ở những đô thị gần sông, gần núi, có nguy cơ lũ lụt, có thể quan niệm những quần thể kiến trúc nhiều tầng ăn thông với nhau, trong đó số tầng nằm dưới mực nước lũ chủ yếu chỉ gồm những kết cấu chịu lực thông thoáng và những thiết bị không sợ bị hư hại vì nước lũ như : cầu thang, chỗ để xe, v.v... Mọi sinh hoạt, chức năng khác như : cửa hàng, nhà ở, công trình văn hoá, phúc lợi công cộng, không gian giao tiếp, v.v... đều diễn ra ở những tầng nằm trên mực nước cao nhất. Về mặt kiến trúc, một cơ cấu tổ chức không gian như vậy thật ra cũng không phức tạp hơn một tổ chức không gian kiến trúc bình thường, trong đó tầng kỹ thuật thường nằm dưới (hoặc nằm trên hẳn) các tầng có chức năng sinh hoạt, đi lại, mua bán, giao tiếp, làm việc, nghỉ ngơi, ăn ở, v.v... Đương nhiên, chống lũ vẫn phải chống ngay từ nguồn.

Trong những biện pháp chống lũ lụt, trước hết phải kể đến biện pháp trồng rừng. Rừng từ thuở nào đến giờ vẫn là cái hàng rào tự nhiên ngăn cản nước lũ, thấm hút một phần nước mưa nhờ hệ rễ của cây cỏ, qua đó làm giảm bớt lưu lượng nước chảy xuống các sông ngòi. Ở nước ta, rừng đang bị mất đi với một tốc độ đáng lo ngại. Người ta cho rằng trong vụ lũ lụt vừa qua, sở dĩ vùng Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế bị mạnh, nước lũ lên nhanh, một phần lớn là do nạn chặt cây lấy gỗ rừng một cách bừa bãi từ nhiều năm nay ở vùng này. Đương nhiên, cũng còn có nhiều nguyên nhân khách quan khác : núi quá gần, triền núi quá dốc, khoảng cách quá ngắn giữa đầu và cuối nguồn sông, v.v...

Các hệ thống cống (écluses), đập (barrages) cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc điều hoà mực nước của các dòng sông. Ở một số vùng trên nước Pháp, người ta đã làm chủ được mực nước của nhiều con sông. Ở ngay vùng Paris, tại nhiều thị xã nằm bên bờ sông Yerres, một nhánh của sông Seine, có những nơi trước kia cứ đến mùa nước sông lên cao là nhà cửa ở hai bên bờ lại bị lụt đến tận đầu gối, có khi đến tận thắt lưng. Thống kê cho biết cứ 15, 30 năm lại có một trận lụt to. Nhưng từ một ít năm nay, sự kiện đó đã không xảy ra nữa, hoặc được giảm bớt đi, vì người ta đã xây thêm một số cống ở thượng lưu sông Yerres, cũng như ở trên sông Seine.

Ngoài hệ thống cống, đập ra, còn có hệ thống đê điều, kênh ngòi. Ở miền bắc nước ta, vai trò của hệ thống đê điều là tối quan trọng. Ngay khi nhà Lý rời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (Hà Nội ngày nay) đã cho đắp ngay đê Cơ Xá. Thời Trần cũng tiếp tục cho đắp thêm nhiều lớp đê khác ở lưu vực các sông Hồng, sông Mã, sông Chu. Hà Nội và một số vùng đồng bằng nằm dưới mực nước sông Hồng, nếu không có một hệ thống đê điều che chở vòng trong vòng ngoài thì đã bị ngập lụt từ lâu rồi.

Nhìn bản đồ vùng Hội An – Đà Nẵng, với hệ thống các sông Đế Võng, Câu Lâu, Hội An, Thu Bồn, và Cửa Đại, người ta không khỏi kinh ngạc trước địa hình rất đặc biệt của vùng này, chằng chịt những là sông nước và xóm làng nằm ngay sát bờ sông. Không lấy gì làm lạ là xưa kia Hội An đã từng là một đô thị-thương cảng quan trọng. Trên những bản đồ cổ thế kỷ 17-18, người ta thấy sông Thu Bồn trước kia đổ ra biển ở cửa Đại Chiêm, về phía bắc cửa Đại (cửa Hội An) ngày nay, và sông Đế Võng nối liền sông Thu Bồn với cửa Hàn và Đà Nẵng. Sau này, do cát bồi lấp, ép dòng sông Thu Bồn chảy về phía nam và lấp một đoạn sông Đế Võng đi, làm cho sự giao thông ngắn nhất giữa Hội An và Đà Nẵng bằng đường sông bị cắt đứt, đồng thời gây khó khăn cho sự neo đậu và ra vào của tàu thuyền lớn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân sa sút của cảng thị Hội An bắt đầu từ cuối thế kỷ 18 trở đi, để đến cuối thế kỷ 19 phải nhường vai trò thương cảng cho Đà Nẵng.

Vào thời kỳ hưng thịnh của cảng thị Hội An, từ đầu thế kỷ17 đến cuối thế kỷ 18, " *những hoạt động buôn bán diễn ra theo mùa, tập trung vào ba tháng 3, 4, và 5, đôi khi kéo qua tháng 6, lúc đó là lúc có gió mùa Đông Bắc tạo cơ hội thuận lợi cho phép các thương thuyền Nhật Bản, Trung Quốc, Bồ Đào Nha, từ Ma Cao xuống cập bến Hội An. Lúc đó cũng vừa là mùa khô thuận lợi cho việc bốc dỡ, vận chuyển, trao đổi, cũng như cất giữ hàng hoá. Khi mùa mưa bão đến vào tháng 7, tháng 8, việc buôn bán tạm ngưng nghỉ để chuẩn bị cho mùa xuân năm sau. Một yếu tố địa lý nữa cũng có tác động không nhỏ tới hoạt động và diện mạo của đô thị thương cảng này, vì vùng thượng nguồn sông Thu Bồn nằm lọt vào một trong những trung tâm mưa lớn ở nước ta, tâm mưa được xác định tại khu vực Trà Mi, thành thử lượng nước sông Thu Bồn rất lớn, lớn nhất miền Trung. Hàng năm sông Thu Bồn đổ ra biển gần 80.000 m3 nước (?), tập trung vào các tháng 9 -12. Do cửa sông Thu Bồn hẹp, lượng nước lại dồn dập vào một thời gian ngắn, nên vùng Hội An thường hay bị lũ lụt* " (Nguyễn Quốc Hùng, *Phố Cổ Hội An*, tr. 16-17).

Song vị trí đặc biệt của cửa Hội An (cửa Đại) nằm giữa tiếp điểm trên đường cong lồi của khúc miền Trung, nơi giao thoa

hứng gió hai mùa : tháng 7 gió mùa đông bắc, tháng 8 gió mùa tây nam, bờ biển lại là một bờ biển bồi tụ, những gioi cát chắn ngoài cửa biển tạo nên những vũng vịnh, vô hình chung tạo điều kiện thuận lợi cho tầu thuyền quốc tế đến neo đậu. Ngoài ra, hệ thống đất đai màu mỡ bao quanh thị xã Hội An, cộng với một mạng lưới sông đảm bảo nước cho việc canh tác lúa và trồng cây lương thực, cây ăn quả và cây công nghiệp, trên các hải đảo lại có nhiều yến sào, biển với thềm lục địa khá sâu, giàu hải sản, và tôm, cá, đều là những điểm mạnh của Hội An.

Về mặt văn hoá-lịch sử, những kết quả điều tra, khai quật khảo cổ học những năm gần đây cho phép coi Hội An nằm trong địa bàn tụ cư của cư dân văn hoá Sa Huỳnh, cách đây vài ngàn năm. Ven bờ dòng chảy phía bắc sông Thu Bồn thuộc địa phận xã Cẩm Hà, ngay từ thời kỳ văn hoá Sa Huỳnh, rất có thể đã tồn tại những bến sông, tụ điểm giao lưu, buôn bán. Có nhiều khả năng Hội An đã đóng vai trò cảng thị từ những thế kỷ đầu Công Nguyên. Bên cạnh những vết tích văn hoá Trung Quốc và Đại Việt, lòng đất Hội An còn lưu giữ những vết tích kiến trúc Chàm ở cửa Đại Chiêm, lùm Bà Vàng, xóm Thanh Chiêm, xã Cẩm Hà, v.v... Những chứng tích trên cho phép nghĩ rằng người Chàm đã là chủ nhân khá sớm trên mảnh đất Hội An.

Kể từ năm 1307, Hội An thuộc về đất Hoá Châu của Đại Việt. Dưới đời Trần những cuộc chiến tranh giữa Chàm và Đại Việt diễn ra liên tiếp. Nhà Hồ đưa dân đến chiếm cứ lập nghiệp ở vùng này. Việc chinh phục Hội An phải đến năm 1403 mới tạm xong. Dần dà trên đất Hội An xuất hiện một số làng của người Việt mang tên Cẩm Phô, Hoài Phố, Thanh Hà, v.v.... Sự cộng cư giữa hai dân tộc Chàm, Việt đã đóng vai trò quyết định trong quá trình mở mang phát triển kinh tế vùng. Nhiều thư tịch cổ đã xác nhận rằng vùng cửa Đại xưa kia đã từng là hải cảng chính của nước Champa. Các chiến thuyền và thương thuyền Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập, Ba Tư vẫn thường ghé đậu để lấy nước ngọt và mua bán, trao đổi.

Đầu thế kỷ 16, một số tàu thuyền Bồ Đào Nha cập bến giao thương ở " Faifo " tức Hội An. Cuối thế kỷ 16, Hội An đón các thương nhân người Trung Quốc vào buôn bán (1577). Tiếp theo đó là tàu thuyền Nhật Bản (1588). Bắt đầu từ thế kỷ 17 thương thuyền của Trung Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Xiêm La, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp và Philippines đến Hội An buôn bán thường xuyên. Hội An có ưu thế ven sông, giáp biển, cách cửa Đại 5 km, được đánh giá như một hải cảng lý tưởng vào thời đó. Trong cuốn *Phủ Biên Tạp Lục*, Lê Quý Đôn dẫn lời một thương nhân Trung Hoa : " *Thuyền từ Sơn Nam về chỉ mua được một thứ củ nâu, từ Thuận Hoá về chỉ mua được hồ tiêu, còn từ Quảng Nam (tức Hội An) về thì mua hàng hoá không thứ gì không có* ". Thích Đại Sán (cuối thế kỷ 17) có nhận xét về Hội An như sau : " *Nhân dân đông đúc, tôm cá rau quả tập hợp mua bán suốt ngày. Thuốc Bắc hay các hàng khác tìm mua ở Thuận Hoá không có thì người ta vào mua ở đây* ". Trong hồi ký của mình, Christoforo Borri cũng cho hay : "... *tàu của người Anh xuất hiện trên sông Hội An năm 1613, còn người Nhật Bản và người Trung Quốc vẫn đóng vai trò thương khách hàng năm của Hội chợ, thường kéo dài 4 tháng, người Nhật đem bạc nén, còn người Trung Quốc đem đến tơ lụa và sản vật đặc biệt* ".

Hội An thu hút được đông khách hàng buôn bán ở thế kỷ 17 và 18 một phần nhờ ở chính sách mở cửa và khuyến khích thương nhân của các chúa Nguyễn (Nguyễn Hoàng,1558-1570 và Nguyễn Phúc Nguyên từ 1613 trở đi), song một phần cũng nhờ chính sách cấm vận giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong thời gian này. Những năm đầu thế kỷ 19, nhà Nguyễn ra qui định cho *mọi tàu buôn phương Tây chỉ được cập bến buôn bán tại cửa Đại*. Sự kiện này tạo tiền đề cho Đà Nẵng có cơ hội lấn dần Hội An. Sau 30 năm, từ 1880 đến 1917, Đà Nẵng dần dần trở thành nhượng địa của Pháp và tiến tới giành vị trí quan trọng mà xưa kia Hội An đã từng chiếm giữ.

Giờ đây, Hội An chỉ còn là một thị xã trực thuộc tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, với dân số khoảng 70.000 người sống chủ yếu bằng những nghề thủ công, trong đó có những nghề truyền thống như nghề lấy tổ yến, nuôi tôm xuất khẩu, v.v...

Nói đến đô thị cổ Hội An giờ đây, người ta chỉ còn nghĩ đến khía cạnh *chứng tích văn hoá-lịch sử*, " vang bóng một thời ", đến những " phố người Nhật ", " phố người Đường ", " phố người lân cận ", và đặc biệt là những di tích kiến trúc đô thị thế kỷ 17, 18 còn bảo tồn được tương đối nguyên vẹn, v.v... Hội An đương nhiên đã trở thành một địa điểm du lịch, tuy nhiên những hoạt động du lịch ở đây hiện nay hãy còn rất giới hạn, và chưa đem lại một nguồn thu nhập đáng kể về mặt kinh tế. Trước mắt, tôi vẫn đồng ý là phải tôn tạo lại một số công trình đang bị thời gian, và mối mọt đe doạ.

Với vị trí và địa hình đặc biệt có một không hai của nó, Hội An và cả vùng hạ lưu sông Thu Bồn lẽ ra có thể trở thành một vùng rất hấp dẫn về mặt văn hoá và du lịch, với điều kiện là phải đầu tư xây dựng những thiết bị tối thiểu để giới thiệu những khía cạnh văn hoá phong phú của vùng đất này, và để có thể đón tiếp du khách đến đây tham quan.

Tôi ước mơ, một ngày kia, khi mà những cánh rừng Trường Sơn không còn bị chặt phá, và được tu bổ lại rồi, các con sông trong vùng đã được thiết bị bởi một hệ thống cống, đập đầy đủ, với trí tưởng tượng giàu có của các nhà qui hoạch đô thị và kinh nghiệm dày dạn của các nhà kiến trúc và xây dựng Việt Nam , Hội An sẽ trở thành một đô thị hiện đại, hoặc một cảng thị bổ túc cho Đà Nẵng, nằm ngay trên cửa biển, với ở trong lòng nó một khu phố cổ được bảo quản và được che chở chống lũ lụt bằng một biện pháp thích ứng, một đô thị có một đời sống văn hoá và kinh tế dồi dào, dựa vào tiềm năng đa dạng của vùng, một đô thị hướng về tương lai, với những quần thể kiến trúc hoà hợp với cảnh quan, thích ứng với các điều kiện khí hậu và địa lý, mà một trong những chức năng quan trọng là tránh cho người dân ở đây khỏi còn bị nạn lũ lụt triền miên.

Văn Ngọc

Tài liệu tham khảo :

– Uỷ ban Quốc gia Hội thảo Quốc tế về *Đô thị cổ Hội An* tổ chức tại Đà Nẵng ngày 22 và 23-03-1990, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội - 1991.

– Nguyễn Quốc Hùng (Viện Đông Nam Á), *Phố Cổ Hội An và việc giao lưu văn hoá ở Việt Nam*, NXB Đà Nẵng - 1995

– Robert Kandel, *Kyoto, un pas vers la stabilisation de l' effet de serre ?* La Science au présent 1999 (Encyc.Univ.)

– *Tuổi Trẻ, Thanh Niên,* các số báo tháng 11-1999.

Nhân đọc bài tổng quan về hồi ký
Tô Hoài của Đặng Tiến

Vài cảm giác với *Chiều chiều*

Thụ Nguyễn

Sau ***Cát bụi chân ai***, Tô Hoài lại đào thêm một tầng nữa của quá khứ với tác phẩm ***Chiều chiều***. Lần trước, tác giả dựa vào cái trục giữa ông và Nguyễn Tuân để nói về *một thời chưa xa vắng* *, một thời của những khuôn mặt văn chương với bao hệ luỵ. ***Cát bụi chân ai*** chưa hẳn là một bức hoành tráng, có độ dài, rộng chứa đựng nhiều vấn đề còn tồn nén trong chiều sống của Tô Hoài. Dù CBCA có gửi gắm bao suy tư sâu lắng về thời thế, tình người nhưng cũng bị hạn chế bởi tính quy mô của hệ thống các nhân vật.

Có thể tự nhận thức như vậy, Tô Hoài đẩy tiếp một hơi, kéo dài cái *hơi thở* của CBCA đến CC lần này. Qua hơn 500 trang sách, người ta dễ nhận thấy, vẫn một mạch văn như thế ; dù tiết tấu linh hoạt khác thường, dù câu chuyện đã thay đổi về dung lượng vấn đề và thời gian, dù thái độ *có vẻ nghiêm nghị hơn* * khi động tới những vấn đề của đời sống chính trị.

Trước hết, ***Chiều chiều*** rất cuốn hút. Nó đầy ắp những sự kiện vừa quen vừa lạ trong cuộc sống. Quen cho nhiều người đã nhìn thấy ở đâu đó mà không nắm bắt được như Tô Hoài ; lạ vì câu chuyện rất riêng, chỉ Tô Hoài và vài người trong cuộc được biết. Nó cuốn hút, bởi từng trang, từng trang dù được kể với một giọng bình thản, không câu nệ thứ tự của thời gian, thứ tự các tình huống, nhân vật, nhưng thấm đượm cái nhìn rất riêng, rất dí dỏm của tác giả. Tiết tấu chuyện cũng thay đổi liên tục. Những sự việc, cảm nghĩ, số phận của nhiều nhân vật, khi được kể rõ ràng mạch lạc, khi đan cài nối chăng như tơ nhện, buộc người đọc cứ hối hả tự tìm ra dấu vết. Giọng kể, tả lại tận dụng hết sức mạnh của thể ký, tận dụng lối nói dân dã, mang đầy hơi thở của cuộc sống. Có nhiều đoạn đối thoại, tưởng như tác giả bê nguyên cuộc sống tươi rói đặt vào trang sách. Cách viết như thế, kết hợp với những đoạn, những câu không có chủ ngữ, làm tăng tính khách quan, hiện thực, gây hiệu quả xây dựng lòng tin cho người đọc... Kể ra trong lịch sử văn chương, Trung Quốc đã có tác phẩm ***Sử ký*** Tư Mã Thiên chuyên một giọng như vậy, nhưng dùng nhuần nhuyễn, đúng chỗ đúng lúc, kết hợp với đời sống dân dã trong ngôn ngữ thì văn học Việt, thể tự truyện, hiếm mấy ai làm được như ông.

Nói thêm, ở **Chiều chiều**, khi nhiều tình huống, nhân vật không được tác giả chắp nối theo thứ tự thời gian, cũng là một thủ pháp *đắc ý chủ nhân*, nhằm gợi mở vấn đề. Liệu pháp ở nhiều câu nói, sự kiện, cảm nghĩ như từ đâu rơi vào trang văn nằm trong ngón nghề rất riêng của Tô Hoài. Đọc CC, *vướng* phải nhiều đoạn như vậy, cứ tưởng ông bạ đâu kể đấy ; nhưng thực ra, ấy là lối nói nhẩn nhá. Cứ đọc kỹ những đoạn *vướng* đó, người đọc tinh ý sẽ nhận ra những ẩn dụ bật lên trong lối so sánh rất kín đáo mà tác giả thầm trao gửi. Và khi ai đã khám phá, hẳn chợt tự ồ lên trong thanh vắng, hẳn nhớ, bị ám ảnh mãi. Đọc văn Tô Hoài, cần sự tĩnh lặng của tâm hồn người đọc mới cảm thụ hết các tầng của tác phẩm – dù nó là tự truyện. Tôi liên tưởng những dịp nghe cha tôi và bạn bè người chơi đàn đáy ở Hà Nội. Những âm thanh nhún nhẩy, đong đưa, lúc mau khi thưa, lúc dồn lúc dãi, tạo thành một không khí rất gợi. Dụng văn như Tô Hoài, hẳn không dễ. Nó phải tự nhiên, không tỏ ra khiên cưỡng mới có tác dụng. Cái dòng chảy của ***Chiều chiều*** là dòng chảy tự nhiên. Là thứ văn chương đạt tới mức bình dị, không dụng công lộ liễu trong câu chữ (Mặc dù câu chữ khá tinh vi) kể cả những đoạn Tô Hoài thấp thoáng một vài câu triết lý nào đấy, thì cũng là sự gửi gấm tinh tế.

Toàn bộ ***Chiều chiều*** là ba chân dung.

Chân dung thứ nhất, chân dung của Tô Hoài.

Thường thường, khi viết tự truyện người ta hay mắc chứng tự tô vẽ cho mình.Tô Hoài không như vậy. Ông thật thà bộc lộ, kể những câu chuyện lố bịch từng trải của ông. Tự vạch mình trong đoạn kể kiểm điểm Phan Kế An (CC. Trang 187-188-189), trào lộng mình khi *vô tình gặp* viên đại sứ Pháp khi họp bàn về bầu cử : *Tôi không ba hoa chích choè như hôm uống vang Bordeaux*. Trang 298) v.v... Và rất nhiều đoạn dở mếu dở cười khi kể việc ông thi hành phận sự của ông trưởng ban đại diện... Nhưng thông qua những điều tự bạch trung thực ấy, người đọc không hề ác cảm với ông. Người ta thông cảm với con người ông trong giai đoạn lịch sử ấy. Dường như Tô Hoài vẽ lại con người nào trong ông, một Tô Hoài thường đời trong tình huống *thế thời thế thời phải thế ; dù không muốn, rất không muốn phải thi hành, thậm chí cam phận*. Có thể chính vì thế mà ông thoát ra khỏi bao tai ương của thời cuộc. Ông đã chẳng kể *ông đi mây về gió* trong khi bao bạn bè ông liêu siêu đấy ư ! Con người Tô Hoài, khi *Chiều chiều* nhìn lại, dám bộc bạch mình hay, dở cũng là hiếm thấy ! Nhất là *tư cách văn chương* hiện tại, ở một số người, còn biết bao điều đáng buồn, thậm chí đáng giận, đáng thương thay !

Chân dung thứ hai Tô Hoài dựng lên bao gồm *chân dung hệ thống các nhân vật*.

Trong CC chúng ta gặp không ít nhân vật. Vài nhân vật được ông vẽ lên thoang thoáng, nhưng nhiều nhân vật được dựng lên có số phận. Từ lão nông dân có vẻ na ná như Phan Khôi đến những người bạn nước ngoài đủ màu da được Tô Hoài khắc họa khá chi tiết, để hình thành một *đời sống* có tính thân phận. Đây là nét khá thành công của ***Chiều chiều***. Khác với nhiều tác giả khác khi viết hồi ký (hay tự truyện), Tô Hoài không chỉ đưa các nhân vật để dẫn chuyện, kể về mình. Những khuôn mặt ta gặp gỡ trong ***Chiều chiều***, mỗi khuôn mặt một tính cách và hoàn cảnh ; mỗi nhân vật một ứng xử và số phận. Tùy theo cảnh huống và ý đồ, Tô Hoài kể về họ với những nét đậm nhạt khác nhau, rồi ở mỗi người, khi đọc hết cuốn sách, đã hình dung khá rõ về bao sinh linh. Cách thức *khai thác tính*

thân phận của con người trong CC nổi lên rất rõ. Chính vì thế, chất văn học của CC được nâng lên, và cùng các thủ pháp khác, một mặt Tô Hoài mang thông tin cho người đọc, mặt khác cũng là *mẹo* gây hiệu ứng hấp dẫn, cuốn hút người đọc phải lần mò theo số phận của nhân vật. Có nhiều đoạn không dài, Tô Hoài đã mô phỏng khá khái quát về cuộc sống lênh đênh của bạn bè ông. Sự thu tóm nắm bắt các chi tiết của nhân vật đưa ra không những ly kỳ về cuộc sống nhiều vẻ của họ, mà khi tập hợp những chân dung ấy lại, nó còn mang tính khái quát về hoàn cảnh xã hội ; giúp ông thông qua nó trình bày nhãn quan của ông, một cái nhìn bao quát, phản ánh thời thế thông qua hệ thống nhân vật. Rõ nhất là mảng ông viết về những thân phận của bè bạn ông ở nước ngoài.

Đề cập tới số phận của những con người, nhiều giai tầng trong suốt bốn chục năm qua, từ Việt Nam đi khắp Đông Âu, tới khi hệ thống CNXH ở Đông Âu tan vỡ, Tô Hoài đã dựng lên một chân dung thứ ba, *Chân dung của một thời đại lịch sử*.

Theo bước chân của cá nhân Tô Hoài tới những sự kiện của hệ thống nhân vật, những chi tiết ghi bao dấu ấn, sự biến động theo thời gian, ***Chiều chiều*** cho người đọc hình dung thấy khuôn mặt của đời sống lịch sử dưới con mắt Tô Hoài. Có một dòng chữ khá đậm, một câu hỏi cứ lặp đi lặp lại, nằm dưới những văn bản của ông trong ***Chiều chiều***. Hình như ở đây, ông đã đưa ra một vấn nạn rất nhức nhối trong hiện tại ; ấy là số phận của con người, số phận của những quần thể con người, của những nước nhỏ không phụ thuộc vào những cố gắng có tính tự thân. Tất cả chúng ta, trong nửa thế kỷ vừa qua, những sinh linh nhỏ bé trên khắp mặt đất, như những hạt bụi nắng cố nhẩy tung tăng tán loạn, để rồi một ngày nào đó, ***Chiều chiều***, sa xuống... trở thành vạt bụi của thời gian ! Thân phận của bao dân tộc, con người như vậy ? Số phận bị chi phối bởi một lực vô hình nào đó, dù có cố gắng bao nhiêu chăng nữa, cũng chua chát bất lực như ông than thở : *Mọi người cũng như tôi, chứng kiến cuộc họp quần nhau trong tưởng tượng* (C C. Trang 189).

Đây cũng là vấn đề vượt lên, rõ hơn, khác cơ bản so với ***Cát bụi chân ai***.

Trong ***Chiều chiều***, Tô Hoài không ngần ngại bộc lộ thái độ của ông với nhiều con người và sự kiện. Lúc nghiêm nghị, lúc hài hước ông luôn thể hiện thái độ của mình với cảnh đời. Đọc văn ông, người ta không thấy cái chấp chửng nước đôi trên các trang sách. Song dù thái độ tỏ ra sao chăng nữa, Tô Hoài vẫn là con người có tấm lòng nhân ái. Tấm lòng nhân ái của người cầm bút. Các nhân vật hiện ra dưới ngòi bút ông, khi cao thượng, khi ti tiện, thậm chí bẩn thỉu, chi phối tình cảm của người đọc, nhưng người ta hầu như chỉ đọng lại lòng thương cảm chứ không hằn học thù ghét. Qua tự truyện, ta thấy cách ứng xử của ông rất khác nhau với nhiều tầng lớp trong xã hội. Hãy so sánh cách nói không úp mở của ông với nhân vật Dương trong khi thi hành công vụ và cách nói của ông với những con người ở tầng lớp cao hơn... Dường như Tô Hoài nghiêng về những kẻ bần hàn, có cái nhìn bao dung hơn, bớt trào lộng và tỏ ra thông cảm với cuộc sống đau khổ của họ. Phải nói rằng, thái độ nhân bản ấy cho ta tìm hiểu Tô Hoài rõ hơn khi đã... *Chiều chiều*. Người cầm bút, không lịch lãm từng trải như ông khó có tiếng nói thông cảm với đồng loại, với xã hội một cách vị tha như vậy. Bây giờ thiếu gì những trang sách, khi phanh phui một phần cuộc sống, do ngòi bút thiếu *con mắt* bao quát sâu sắc, đã viết những trang văn mà dưới chữ đầy những tiếng cười khanh khách ma quái, trước bao điều đau khổ không đáng mai mỉa của đồng loại!

Tô Hoài cũng nhìn thấy, chỉ ra, phanh phui, cười chứ không mỉa nhạo, báng bổ...ngòi bút của ông luôn cao hơn sự thấp hèn khi ông đề cập tới.

Và bè bạn, lần này, ông vẫn dành ra nhiều trang viết làm người đọc ứa nước mắt. Tôi nghĩ, hẳn Tô Hoài, trong cuộc đời thường ông không thể nào sống vô tình. Chúng ta một lần nữa gặp lại thi sỹ Nguyễn Bính, Phùng Quán v..v..với những tình cảm tốt đẹp của Tô Hoài. Không thương nhau sao lại viết như thế ; không yêu nhau sao lại mô phỏng ông già nông dân Ngãi chỉ nhớ đến Phùng Quán, cứ ngỡ Phùng Quán về thăm chứ không phải là ông ! (CC. trang 531). Không có tình, hẳn chúng ta không được về thăm cô Thẹn ; *cái người con gái mỏng như que đóm, cô hát hàng hoa nhẹ nhàng đỡ mẹ* ** ngày nào, xưa như cơn gió mong manh thoáng thổi trên dòng đời, nay hiện về cuối trang sách với hình hài cận cảnh, đôi mắt hiện rõ choán đầy *nước chết lưu niên*, *tiếng đàn đáy lắc lư* trên nền *tiếng hát phều phào, rè rè* *** tạo nên đoạn kết rất ấn tượng, rất xót xa khi ta đóng lại ***Chiều chiều***.

Chiều chiều là một trường văn buồn.

Nó như *ly rượu buồn* **** thứ hai, sau CBCA mà Tô Hoài dành cho người đời. Ai đã nhâm nhi chầm chậm ly rượu lớn lần này, hẳn đọng lại đầu lưỡi không chỉ vị cay đắng của cuộc sống mà còn vương nơi đâu đấy cái thoang thoảng lâng lâng, cũng say ngấm, là cái tình người cần gìn giữ cho mỗi một đời người. Như ông chiêm nghiệm : *dường như ở đâu cũng tương tự, những khúc quanh của tình thế cứ qua đi, chỉ còn tấm lòng con người vẫn ấm và đượm lại* (CC. Trang 474). Có lẽ đấy chính là điều trao gửi lớn nhất của Tô Hoài, cái hương vị đượm lại của ***Chiều chiều***, cái hương vị suốt đời con người, có khi phải nổi chìm, xô đẩy, trả giá mà mấy ai sớm nhận ra!

Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Đặng Tiến trong bài viết *Tổng quan về hồi ký của Tô Hoài : Chiều chiều mang lại nhiều ánh sáng mới, rọi chiếu vào một giai đoạn dài... Ngày nay không thể viết phê bình hay lịch sử văn học mà không đọc Tô Hoài*. Song nói như vậy, chắc ông Đặng Tiến cũng không có ý công nhận tất cả những điều Tô Hoài suy luận, kiến giải các vấn đề (theo cách nhìn rất *Tô Hoài*). Có nhiều vấn đề, có lẽ chúng ta phải chờ đợi. Thời gian sẽ là thước đo nghiêm khắc nhất cho mỗi suy nghĩ và kể cả những phản ứng tình cảm riêng biệt con người. Và, chúng ta còn hy vọng, chờ đợi những ***Chiều chiều*** mới, có thể của chính Tô Hoài hay một ai đó trong lớp hậu sinh.

Nước Đức 20-10-1999

Thụ Nguyễn

---

* *Chữ của Đặng Tiến*

** *Tô Hoài:* . Trang 557.

*** Tô Hoài.*Chiều chiều*

**** Tô Hoài *Bia có bia vui bia buồn*

Hải nữ

Miêng

Khi tôi trở về thì em đã chết rồi, giản dị như một cơn mơ.

Tôi thấy em mỗi chiều, nằm trên các tảng đá chất chồng, nhìn ra xa, trong tư thế cô độc, kiêu sa và tự tin của loài hải nữ.

Căn nhà bạn tôi cao hơn mặt biển ít nhất vài mươi thước, từ cửa sổ phòng khách nhìn xuống, chưa bao giờ tôi trông rõ mặt em. Tôi chỉ thấy lờ mờ một vùng mắt mày sâu thẳm, đen tuyền và trong đầu óc tôi, em như một bức tranh tố nữ. Trông em mảnh khảnh như con chim chìa vôi nhỏ, và vẻ xa vắng lặng lẽ cô đơn của em như một quyển truyện tình hãy còn khép kín.

Hầu như chiều nào cũng vậy, nằm một lát rồi em lại bỏ đi dọc theo bờ đá. Em thường đi như thế với vẻ cô đơn lạ lùng, và chúng tôi như có cái gì gần nhau, cùng một mẫu số chung trong nỗi cô đơn cao khiết đó. Em đi, hờ hững khua nước ngấp nghé hai chân chim nhỏ nhắn, mắt dõi mông lung ra xa vẻ chờ đợi, tìm kiếm một cái gì và như biết nó sẽ không bao giờ đến. Tới một lúc nào đó thì em khuất khỏi tầm nhìn của tôi từ cửa sổ phòng mình.

Chiều nay cũng vậy, em nằm đó, trên các tảng đá màu chì, thân thể nổi bật căng phồng trong chiếc áo tắm màu hổ phách. Nhưng khi tôi xuống tới nơi thì không còn thấy em đâu nữa. Tôi nhìn lên cửa sổ phòng khách ra dấu hỏi mẹ em đi đằng nào, nhưng mẹ lắc đầu, khoát tay ra cái điều không thấy.

Nhiều lần như vậy liên tiếp, tôi đâm nghi ngờ bực bội mẹ. Cái cảnh một mẹ một con không bao giờ rời nhau và tôi có cảm tưởng là mẹ không muốn tôi có liên hệ với ai, gây cho tôi cảm giác mình là anh chàng Bates trong phim *Psychose* của Hitchcock. Người vợ mà cụ đã chọn cho tôi với tiêu chuẩn là nền nếp Việt Nam một chút, – chớ " cái thứ dở đầm " thì sẽ ăn ở không ra gì – đã đưa đến kết quả là một cuộc ly hôn sau ngày cưới chưa đầy năm. Tôi luôn luôn khoác tấm áo cô đơn vào người, kể cả khi mẹ cưới cho cô vợ. Đối với tôi, niềm rung cảm của con tim tựa hồ như một cánh cửa kho tàng mà tôi đã đánh mất chìa khoá từ khi mẹ không chấp nhận người tôi lựa chọn. Và tình yêu là cái gì còn xa lạ mơ hồ hơn nữa. Làm sao gây đổ máu cho một thân thể đã chết rồi ? Nên bây giờ thì tôi là một loại trai già gàn dở, bẳn tính, vụng về, ngoài mẹ ra là không ai chịu đựng được.

Cho đến một chiều trời rắc từng hạt nước nhỏ mịn xuống trần, tôi nhìn xuống các tảng đá và thấy em vẫn nằm đó, lơ đãng như không biết dù mưa bụi cũng có thể làm em thấm lạnh. Tiếng mưa mỏng nhẹ như hơi thở, như tiếng em thì thầm bên gối, như nũng nịu gọi tôi hãy đến bên em. Một nỗi thôi thúc kỳ lạ như dồn tất cả sinh lực hối hả lên tim và chạy dài xuống chân bảo tôi phải bước đi. Một nỗi ham muốn được đối diện nhìn ngắm em mãnh liệt như dồn hết máu lên mặt làm tôi cảm thấy cả người bừng bừng thiêu đốt. Tôi lao ra cửa như bị thôi miên, như có một động lực vô hình khích lệ.

Bầu trời xám xịt hạ thấp xuống. Thỉnh thoảng một vài tia sấm chớp xẹt ngang dọc chằng chịt như những lằn gân máu bao trên óc. Mặt biển lầm lì bao la và bí hiểm dâng lên, nối liền với chân trời cùng một màu và cùng một vẻ đe doạ như nhau. Thiên nhiên như đồng tình trêu ngươi chế diễu cái bé nhỏ bất lực nhân sinh. Mưa vẫn lất phất rơi, ẻo lả đẩy đưa theo từng cơn gió.

Tôi chạy như lao xuống mấy dãy đá để đến chỗ em nằm. Khi gần tới thì em nhổm dậy, và với bản năng e ấp của phái yếu, bỏ chạy đi. Tôi đuổi theo. Tôi muốn bảo là mình không làm gì để em phải sợ, rằng có thể trời sẽ mưa lớn hơn và thay vì về nhà, em có thể lên trú mưa nhà tôi và nhìn biển. Nhưng tôi chỉ chạy theo, âm thầm như một cái bóng. Gió thổi thốc từ sau tới, nâng thân hình mỏng manh của em như bay bổng, gió xoắn nhẹ làm em chạy với vẻ uyển chuyển khoan thai như không chấm đất.

Chúng tôi tới bãi biển cách nhà không biết bao xa. Ban nhạc địa phương hồi sáng diễu hành qua các phố nhân kỷ niệm ngày đổ bộ của quân đội đồng minh, bây giờ đang hoà tấu trên biển. Tôi không để ý là trời đã ngưng mưa tự bao giờ. Bây giờ là cái choạng vạng của ngày vừa hết chớ không phải vì thời tiết xấu. Tôi vẫn ghét nhất khoảng thời gian này, lúc mà ngày chưa đi hẳn và đêm thì chưa tới. Một thời điểm giao hợp buồn bã nản lòng. Nhưng sao lúc này tôi lại thấy vui vô tả. Các nhạc công đứng trong nước, sóng vỗ nhè nhẹ vấp váp hai chân. Một ánh đèn xanh dịu yếu ớt toát ra từ dưới nước không soi rõ mặt ai cũng cho phép tôi thấy những cặp mắt khép hờ, say sưa trong điệu nhạc. Họ đàn điêu luyện, đam mê quên mình. Thế nên không ai trông thấy tôi, dù tôi là người duy nhất giờ này còn làm khán giả.

Ban nhạc đàn hay một cách mê hồn. Tiếng nước reo khe khẽ tấp vỗ vào bờ hoà nhịp một cách kỳ diệu. Cái kỳ diệu làm tôi nửa như xúc động muốn khóc, nửa như rạo rực muốn gào lên để diễn tả lòng ái mộ tận cùng. Chưa bao giờ tôi được nghe những bản đàn huyền nhiệm đến thế. Tâm hồn tôi như thoát tục, như phiêu lãng giang hồ tới nơi nào không biết chuyện trầm luân, bần hàn vụn vặt. Thân thể tôi muốn tan loãng ra hoà vào nước, quyện vào những bàn chân đang đẩy đưa theo điệu nhạc.

Tôi dõi mắt tìm. Em đứng ngoài xa, trầm mình trong nước, nháy mắt cười và ngoắc đầu, rủ tôi cùng ra bơi. Em cứ bơi cách trước tôi một quãng, chốc chốc lại quay đầu như khuyến khích tôi theo em ra xa chút nữa...

Và bây giờ thì em nằm đó. Trên chiếc giường đàn bà, em kiều diễm đến lịm người.

Tôi đứng ở cửa, không dám gây tiếng động, rõ ràng là *Không gian như có giây tơ, bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tiêu*. Hai mắt tôi dán vào giường, phần dưới thân thể em mờ mờ sau tấm màn tuyn màu hồng gợi cảm. Trông em bình yên như mơ. Một tay luồn vào mái tóc mượt mà trải dài trên gối, cánh tay kia tròn lẳn làm dấu gọi tôi, uể oải gợi tình. Như bản năng loài rùa vừa chui ra khỏi vỏ là trườn người bò ra phía biển, tôi bước vội về phía em, nôn nao hạo hực lẫn ngần ngại vu vơ.

Bên giường, tôi vụng về lột bỏ lớp quần áo ướt át dính chặt vào người rồi cuống quýt trân trọng ngồi xuống mép giường. Khoảng mắt mày vẫn đen tuyền kín đáo, mũi miệng nhạt nhoà trong ánh đèn cùng một màu hồng thật nhạt như màn. Không biết đôi mắt thăm thẳm kia có nhìn tôi trìu mến thương yêu không mà tôi cảm thấy chơi vơi trong mắt em. Tim tôi run rẩy. Tôi muốn nói những lời gan ruột, những lời chưa một lần nào thốt với ai trong đời. Thời gian như ướp lại. Mùi hương của gối chăn và da thịt đàn bà làm tôi ngây ngất. Tôi lướt đôi môi hoảng loạn của mình lên cổ em, cái cổ của chiếc bình sứ. Trên thân thể ngọc ngà quyến rũ, mắt tôi ràn rụa hạnh phúc. Loài cỏ cây khóc trên da người. Tôi cảm thấy một nỗi đắm đuối bí ẩn, say mê rờn rợn. Da thịt em mát lạnh, nồng nàn như giải đất phì nhiêu nhuận đạt hương đêm. Một luồng hơi mơ hồ quyện lấy tôi kéo xuống người em đang lặng lẽ chờ đợi, ung dung tự tại. Tôi như một ông thầy tu trẻ say men rượu lễ. Và trước em, tôi cảm thấy mình nhỏ nhoi hèn mọn – có phải vì vụng khờ nên tôi trở thành bé nhỏ ?

Tôi có cảm giác sống gấp rút mê man như lên đồng. Đầu óc tôi điên đảo trong niềm tin và tự mãn có em trong tay. Tôi không còn cô đơn buồn phiền và khép kín như con sò nữa. Vì vậy mà tôi phải giữ em, giữ em bằng tất cả tấm lòng cô đơn bao nhiêu năm tháng, giữ em với tất cả cái ngông cuồng của một đời trai cô độc, giữ em bằng tất cả các sợi gân máu sôi nổi làm thừng, giữ em thật chặt trong đôi tay hãy còn rắn chắc của mình... Tới lúc tôi cảm thấy rằng trên đời không còn gì hiện hữu nữa cả, không còn sĩ diện hay danh thơm tiếng xấu gì, chỉ còn có em, không còn cả con người, không còn chim muông thú vật gì, chỉ còn có em, không còn sông biển hoa cỏ gì, chỉ còn có em, không còn sách vở nghiên bút báo chí gì, chỉ còn có em, và tôi không còn cả sức lực, không còn gì chung quanh để bám víu vào, tôi chơi vơi hụt hẫng như bị rơi vào khoảng không mênh mông trống vắng, chỉ còn có em... một cái gì như vừa thoát khỏi người làm tôi tê điếng sững sờ, thì tôi càng ghì chặt em hơn nữa, và thốt ra một tiếng kêu thất thanh, mê đuối, hoang dại của loài thú trong cơn say mồi... Em – lần đầu tiên từ lúc gặp nhau tới giờ – thì thầm :

– C'est bien !

Tôi hé mắt nhìn. Đôi mắt em mở to nhìn tôi chăm chú qua cặp kiếng. Tôi khép hờ mắt lại vì mệt rồi chợt nhớ, lại mở hết sức ra để nhìn. Bây giờ thì tôi thấy cả mẹ đứng bên cạnh. Mẹ mừng rỡ :

– Con, con thấy trong người ra sao ?

Tôi dáo dác tìm em vì chợt nhận ra người mang kiếng bận áo choàng trắng là người xa lạ. Màu trắng lạnh lẽo của căn phòng làm tôi dại cả người, em có sao không ? Tôi hấp tấp hỏi mẹ :

– Cô ấy đâu rồi mẹ ?

Mẹ tôi ngạc nhiên :

– Cô nào ?

– Cái cô vẫn thường nằm trên bãi đá đó.

Mẹ tôi lắc đầu :

– Rõ khổ. Con cứ nói về cô ấy mà có bao giờ mẹ trông thấy cô ấy đâu !

Tôi chán đời, chán mẹ, xoay mặt vào tường không nói gì nữa. Mẹ tôi sụt sùi :

– Có cô nào đâu kia chứ. Trời thì mưa như trút nước, gió như bão vậy mà mày một mình băng mưa băng gió chạy ra biển. Rồi còn bơi nữa, sóng đập trồi lên trồi xuống. May mà tao gọi cấp cứu tới kịp lúc mày bị tấp vào đá, cái chỏm đá vẫn lòi lên mỗi lần nước rút ấy, chớ không thì giờ này chắc chết mất rồi ! (thở dài) Ba cái thứ nhà văn nhà báo rõ là khéo !

Tới đó thì tôi bực bội quay người lại, gắt :

– Thế còn ban nhạc ? Con có xem ban nhạc chơi đàn ngoài bãi với cô ấy mà !

Mẹ tôi tròn mắt lên :

– Ban nhạc ? Nhạc gì ? Nước dâng lên gần bờ tường không còn bãi bung gì nữa. Phố xá vắng teo ai cũng lo núp mưa núp bão chưa xong mà còn ban nhạc ! Cả nhà thương này nói mày có điên thì mới ra biển với thời tiết như vầy.

Tôi im lặng. Mẹ vẫn thường lo nếu tôi có vợ thì cụ sẽ bị bỏ rơi.

Tôi khăn gói trở lại Paris. Cứ mỗi lần mất một người bạn thì con đường mình sẽ bị cắt ngắn đi một khúc. Tôi biết là từ nay sẽ không bao giờ trở lại vùng biển này nữa, và vẫn sẽ tiếp tục kiếp trai già dở hơi, cô quạnh.

Bởi vì bây giờ thì em đã chết rồi, giản dị như một cơn mơ.

MIÊNG

Paris, Octobre 1995

Trích từ ***Miêng***, tập truyện ngắn ; nxb. Văn Mới.

Miêng

Miêng là bút hiệu của Nguyễn Thị Xuân Sương, cây bút nữ rất quen thuộc đối với độc giả Diễn Đàn. Miêng cũng là tên tuyển tập truyện ngắn của chị, do nhà xuất bản Văn mới vừa ấn hành (tổng phát hành : Văn Nghệ, Cali-fornia). Tại Bắc Mỹ, giá bán là 12 USD (tại các tiệm sách), tại châu Âu : 90FF (kể cả cước phí).

Bạn đọc có thể đặt mua qua 2 địa chỉ điện tử :

nvk9@aol.com và xsnguyen@hotmail.com

hoặc qua số điện thoại 01 48 27 13 45 (gọi từ Pháp), tức là 33 1 48 27 13 45 (quốc tế) sau 20 giờ (giờ Paris = GMT+1)

Điểm sách

Mùi hương, tiểu thuyết của **Patrick Süskind**, bản dịch của **Lê Kim**, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1999, 328 trang.

Das Parfum*, Die Geschichte eines Moerders* (*Mùi hương, chuyện một tên sát nhân*, 1985, nxb Diogenes Verlag AG, Zurich) là cuốn tiểu thuyết đầu tay của nhà văn Đức Patrick Süskind. Ngay từ khi ra đời, nó đã chinh phục rộng rãi người đọc cũng như giới phê bình bởi cốt truyện kỳ lạ, bút pháp tài hoa, dí dỏm, và triết lý về cái chết, khát vọng và sự thối rữa. Kỳ lạ, vì nhân vật chính, Jean-Baptiste Grenouille, đẻ rơi dưới quầy cá ươn chợ Halles ở Paris, là một nhân vật hoàn toàn phịa, không thể có thực : bản thân hắn từ lúc ra đời không có một chút mùi nào, dù chỉ là mùi hoi sữa, nhưng JBG lại có một năng khiếu phi thường, " nhìn " đời bằng cái mũi, nắm bắt mọi mùi hương ở trần thế, và cuối cùng là chiếm hữu, chinh phục thế giới bằng cái khứu giác có một không hai ấy. Nhân vật hoàn toàn hư cấu, nhưng *Mùi hương* đồng thời lại là một bức hoạ hiện thực sống động của xã hội Pháp thế kỉ 18, của một châu Âu đã phát triển vượt xa các châu lục khác nhưng vẫn hôi ình, " *sông hôi, quảng trường hôi, nhà thờ hôi, gầm cầu hôi mà cung điện cũng hôi* ", nhà nhà hôi, người người hôi, trên dưới hôi tất, vì thời đó, người ta không tắm và chưa biết vệ sinh là gì, chỉ biết sức nước hoa để lấn át mùi hôi.

Dễ hiểu là *Mùi hương* đã được dịch ở khắp nơi : 37 thứ tiếng. Thêm một lý do để chào đón bản dịch thứ 38 của Lê Kim, một đồng bào sinh sống ở Đức. Anh đã cống hiến chúng ta một bản dịch văn học ngang tầm với nguyên tác : trung thành, lưu loát, nhiều câu nhiều đoạn đầy nhạc điệu, khiến độc giả mải mê đọc một mạch, khép sách lại còn mong được đọc những tác phẩm văn học khác của nước Đức cũng dưới ngòi bút phiên dịch đáng quý này. Tôi viết câu trên với tất cả sự thận trọng cần thiết, cũng là sự tôn trọng bạn đọc. Chứ tất nhiên bản dịch quá hay này cũng có những khiếm khuyết không tránh khỏi. Thí dụ : ở trang 237, " *hôi rình mùi mồ hôi và tinh trùng* ", tôi không biết *tinh trùng* mùi ra sao, nhưng nếu căn cứ vào bản Pháp văn của B. Lortholary (*Le Parfum*, Fayard & Le Livre de poche, 1986), thì chắc phải thay *tinh trùng* (spermatozoide) bằng *tinh dịch* (sperme). Một điểm quan trọng hơn : tác giả giữ nguyên si tên người và tên đất theo nguyên bản tiếng Đức (rất hợp lý), thành thử vua Pháp *Louis* được gọi là *Ludwig* thì cũng hơi chướng, ngay cả đối với một số độc giả ở Việt Nam (cũng chướng nếu như nghe người Pháp gọi tên tác giả 9 bản giao hưởng bất hủ là... *Louis* van Beethoven).

Đại từ điển tiếng Việt , do **Nguyễn Như Ý** chủ biên, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin, 1998, 1894 trang, khổ 19x27, nặng 3 kg, giá bán tại Việt Nam 250 000 đ.

Mấy năm gần đây, nếu nhìn về số lượng, thì nước ta được mùa từ điển, đặc biệt là từ điển song ngữ (nhất là Anh-Việt, cũng dễ hiểu) về thuật ngữ chuyên môn (quản lý, kinh tế tài chính, luật học, tin học, kĩ thuật...). Song từ điển Việt-Việt thì vẫn thiếu. Không phải là không có, mà có thì không dở : cuốn ***Từ điển tiếng Việt*** của Viện Ngôn ngữ học, do Hoàng Phê chủ biên (nxb Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học, in lần thứ tư, 1996) là một ví dụ tốt. Nhưng đó là một cuốn từ điển phổ thông : khoảng 38 000 từ. Người sử dụng tiếng Việt ai chẳng mơ ước một ngày kia được cầm trong tay một cuốn từ điển tiếng Việt tương đương với cuốn ***Le Petit Robert*** của Pháp.

Cho nên khi đọc trên danh mục của Xunhasaba thấy cái tên ***Đại từ điển tiếng Việt***, với 120 000 mục từ, tôi mừng húm. Và tí tởn như đón mẹ về chợ khi được người bạn quý mua từ trong nước khênh sang cho 3 kí 120 000 từ (món quà vô giá ấy, không thể tính bằng tiền, thì xin tính bằng trọng lượng : 25 mg một từ).

Cuốn sách in đẹp, trình bày trang nhã, dễ tra cứu. Về mặt hình thức như vậy là quá tốt. Tuy nhiên, nói 120 000 *mục từ* là không chính xác, thí dụ : chữ **coi** (tr.434) là một *mục*, với 4 nghĩa khác nhau, nhưng tiếp theo có 30 mục khác, từ **coi bằng mắt, bắt bằng tay** (*tục ngữ*, không phải là *từ*), đến **coi vọi**, qua **coi mèo vẽ hổ** (*thành ngữ*)... Thành ra không biết cuốn đại từ điển này rốt cuộc có bao nhiêu từ, dẫu sao, trong 3 thập kỉ vừa qua, nó là cuốn từ điển có nhiều từ nhất, và nhìn sơ sơ, có thể nói nó có khá nhiều từ ngữ khoa học, kĩ thuật, phương ngữ. Và nhìn qua, cũng thấy nó có quá nhiều thuật ngữ về châm cứu, có cả tên những món ăn chay ít thông dụng... Mà lại thiếu vắng một số từ cơ bản. Xin đơn cử vài thí dụ :

Đầu tiên, tôi làm một thử nghiệm với vốn từ của Tô Hoài trong cuốn hồi kí ***Chiều chiều*** (nxb Hội nhà văn, 1999). Chọn cuốn này vì hai lẽ : một là, tôi đang đọc và thích ; hai và nhất là, tác giả giàu chữ bình dân, nên thử nghiệm như vậy là có căn cơ. Đọc 40 trang đầu, tôi chọn một số từ hay cụm từ hơi là lạ (tức là tôi không biết hoặc cho rằng nhiều người không biết) rồi tra từ điển. Những từ, cụm từ (hoặc nghĩa từ trong câu văn của Tô Hoài) sau đây có trong từ điển : *xắm nắm, liêm phóng, vạ đá, léng phéng, ốp đồng, chất chưởng, màn xế, te, ánh ỏi, nòm*. Không có : *bắt mắt, nhua nhúa, kỳ tình, tố hảo, nách* (trong câu : cạnh cái ngõ *nách* vào chợ Đồng Xuân), *tiêu hôn, chúa thần lằn*. Tỉ số : 10-7.

Thứ hai, một thước đo cần thiết là xem từ điển có tích hợp những từ ngữ Kitô giáo tối thiểu hay không. Ta không đòi hỏi nó phải có đủ vốn từ chuyên biệt của mấy triệu tín đồ Kitô, nhưng ít nhất nó phải có những từ ngữ phổ biến, người ngoại đạo cũng cần biết. Kết quả : bi thảm. Những từ cơ bản như *phụng vụ, bí tích, mặc khải, thông công* đều vắng mặt (tôi xin lưu ý : từ *thông công* có trong ***Toàn tập Hồ Chí Minh***, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 12 tập, xuất bản lần thứ hai : từ 1995 đến nay). Một lí do có thể giải thích khuyết điểm này : ngay cả cụm từ **đạo thiên chúa** (" *phái của đạo Cơ Đốc có giáo hội và do Toà thánh Va-ti-căng điều khiển* ", tr.596) định nghĩa cũng đã sai rồi (lẫn lộn Công giáo – *catholicisme* – với Thiên chúa giáo – *christianisme* – mà trong tiếng Việt còn có những từ đồng nghĩa : đạo Gia Tô, đạo Cơ đốc, đạo Ki-tô).

Dẫu sao, phải cảm ơn các soạn giả đã bỏ công sức mang tới cho chúng ta một công cụ bổ ích.

L'Âge des Extrêmes, Histoire du Court XXe Siècle của **Eric J. Hobsbawm**, Nhà xuất bản Complexe và Le Monde Diplomatique, 1999, 812 trang, 124F.

Theo **lịch**, thì *thế kỉ* là thời gian trăm năm, từ năm mà niên số chấm dứt bằng con số 1 đến năm mang niên số 00. Nhưng theo **lịch sử**, thì *thế kỉ* dài ngắn còn tuỳ thuộc vào những cuộc vận động lớn gắn liền với thời gian trăm năm của lịch. Cho nên, nhà sử học Eric John Hobsbawm có lí, trong tác phẩm nổi tiếng về thế kỉ XIX, khi ông gọi nó là *thế kỉ dài*, bắt đầu từ năm 1780, kết thúc vào năm 1914. Cũng vậy, ông gọi Thế kỉ XX là một *thế kỉ ngắn*, bắt đầu từ cuộc Thế chiến I (1914), kết thúc vào ngày tàn của Liên Xô (1991). Ngắn về thời gian, nhưng ***Thời đại của những Thái cực*** lại đầy ắp những đảo lộn, tang thương, thảm kịch, khai phá, thành tựu, tuyệt vọng và hoài bão. Phải là một sử gia có tầm nhìn xuất chúng và vô cùng uyên bác như Hobsbawm mới có thể cho ta một tổng quan về thế kỉ XX trong khoảng 800 trang sách khổ nhỏ.

Bạn có thể đọc một mạch, rồi đọc đi đọc lại, hay đọc nhẩn nha từng chương, nhảy cóc từ lĩnh vực văn hoá sang kinh tế, khoa học sang chính trị..., nhưng đây dứt khoát là cuốn sách mà bạn nên mang theo, nếu chẳng may bạn phải sống một mình trên đảo hoang và chỉ có quyền mang một cuốn sách.

Bản dịch tiếng Pháp vừa phát hành, muộn 5 năm sau nguyên tác tiếng Anh, và chậm hơn 30 bản dịch ra các sinh ngữ khác. Tất cả những nhà xuất bản lớn (Seuil, Gallimard...) đều từ chối, viện cớ in 3000 bản bán cả đời cũng không hết (Hobsbawm mang cái tội tổ tông : ông là sử gia macxit, giữa lúc mà ở Pháp người ta chỉ cho phép nói tới chủ nghĩa Marx theo kiểu François Furet trong *Quá vãng của một ảo tưởng*). Rốt cuộc, một nhà xuất bản nhỏ ở Bỉ, Complexe, đã quyết định phát hành, và khi nguyệt san Pháp *Le Monde Diplomatique* mở cuộc ghi mua, 8000 người đã đăng kí. Đã chót nói đến tội của EJB, xin kể thêm một " tội " nữa : ông hầu như không nói tới Hồ Chí Minh, và khi nói tới, thì gắn kèm một tính từ : " cao thượng " (noble).

Nếu không có bạn đọc hay bạn nào trong ban biên tập chịu khó viết về cuốn sách giá trị này, thì người viết bài xin cam kết sẽ trở lại một lần khác, dù chỉ là bằng cách lược dịch một vài chương.

Tìm về cội nguồn, của **Phan Huy Lê**, Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 1998, tập I (820 tr), tập II (936 tr).

***Liber Amicorum*, mélanges offerts au Professeur Phan Huy Lê**, do **Philippe Papin** và **John Kleinen** chủ biên, Nhà xuất bản Thanh Niên và CASA/IIAS, Ecole Française d'Extrême-Orient cùng xuất bản, 320 trang.

Trên trang báo này, chúng tôi đã nhiều lần báo động về tình hình và chất lượng nghiên cứu khoa học xã hội ở Việt Nam. Đó cũng là một lí do để trân trọng giới thiệu hai cuốn sách quí. Cuốn thứ nhì là một tuyển tập mà hai nhà sử học Papin (Pháp) và Kleinen (Hà Lan) chủ biên, làm quà tặng giáo sư Phan Huy Lê 65 tuổi. Tại sao có sự trọng thị ấy, câu trả lời một phần nằm trong 2 tập ***Tìm về cội nguồn***, tập hợp những công trình nghiêm túc, đa dạng và giá trị của Phan Huy Lê. Phần nữa, ở vai trò to lớn của ông trong sự hợp tác quốc tế về Việt Nam học.

Kiến Văn

ĐIỂM PHIM

Những người thợ xẻ

Phỏng theo truyện ngắn của *Nguyễn Huy Thiệp* ; đạo diễn : *Vương Đức* ; kịch bản : *Sơn Trang* ; quay phim : *Vũ Quốc Tuấn* ; diễn viên : *Quốc Trị, Lê Vũ Long, Vũ Đình Thân, Ngọc Bích, Thanh Tâm, Thu Hà, Quốc Trung* ; nhạc : Đỗ Hồng Quân ; Hãng phim truyện Việt Nam, 1998, 90 phút.

Năm nay, điện ảnh Việt Nam có mặt ở F3C (Liên hoan điện ảnh 3 Châu lục lần thứ 21 của Thành phố Nantes) với hai cuốn phim. Phim ***Chung cư*** của nữ đạo diễn **Việt Linh** được chọn chiếu trong chương trình *Cái nhìn đa nguyên*, và sẽ ra mắt khán giả Paris vào ngày 26.1.2000 tới đây (*xem trang 2*). Phim ***Những người thợ xẻ*** của **Vương Đức** được tuyển chọn vào 10 phim dự thi. Rất tiếc phim này không được sự tán thưởng của ban giám khảo. Theo lời một thành viên của ban giám khảo tâm sự với người viết bài – bà là người nhiệt tình ủng hộ *Những người thợ xẻ* – thì " *năm nay đa số giám khảo không ưa phim có cảnh bạo lực, mặc dầu cảnh bạo lực trong* Những người thợ xẻ *là cần thiết, chứ không* gratuit ". May thay, nó đã lọt vào mắt xanh của nhiều người trong nghề, kể cả nhà phê bình khó tính Jean-Michel Frodon (*Le Monde*).

Những người thợ xẻ là một cuốn phim hay, về nội dung cũng như về hình thức diễn đạt. Sau ***Cỏ lau*** (chuyển thể từ một truyện vừa của nhà văn quá cố Nguyễn Minh Châu, về đề tài chiến tranh, và hậu chiến, 1993) rất thành công, Vương Đức đã nhiều năm thai nghén đề tài *Những người thợ xẻ*, lấy hứng từ truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Huy Thiệp, và cả từ một truyện ngắn khác của cùng tác giả, *Con gái Thuỷ thần*. Làm phim từ một tác phẩm văn học lớn là một điều cực khó, vì khán giả nào đã đọc truyện thì ai cũng *làm* ra *phim của mình* rồi, nếu hạp ý thì cũng chê là *chưa tới* ; không hạp ý thì dễ kêu ầm lên : Thiệp bị *phản bội*. Xin nói ngay : tôi có một cuốn phim của tôi về NNTX, nhất là về nhân vật Bường, khác với Bường của Vương Đức, nhưng phải nói cuốn phim của họ Vương ngang tầm với tác phẩm văn học. Vượt qua vẻ ngoài bạo liệt của những tính cách nhân vật và khung cảnh rừng rú (ở đó, luật rừng ngự trị), NNTX hàm chứa tính nhân bản. Đạo diễn (xuất thân học quay phim trước khi học nghề đạo diễn) làm chủ được ngôn ngữ điện ảnh, không tìm cách khoe tài, nên đã phát huy tốt các thế mạnh khác : tuyển lựa diễn viên, diễn xuất, dẫn dắt tình huống... NNTX là điểm son của điện ảnh Việt Nam trong cơn khủng hoảng.

K.V.

Diễn Đàn *forum*

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :
BP 50, 92340 Bourg-La- Reine (Pháp)
Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58
Địa chỉ điện tử (E-Mail):
diendan @wanadoo.fr.
http://perso.wanadoo.fr/diendan
Đại diện ở các nước :
Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, địa chỉ điện tử ldloc@friko6.onet.pl

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3
Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, PDT, ABC,..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)